

TẬP SAN
THÔNG TIN KHOA HỌC GIÁO DỤC
Số 15 năm 2025

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH QUA HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH THEO PHƯƠNG PHÁP CLIL <i>ThS. Trần Thị Bảo Ngọc</i> <i>ThS. Đặng Thu Trang</i> <i>Khoa Tiếng Anh</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	1
RÈN LUYỆN TƯ DUY SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG THÔNG QUA DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ <i>ThS. Phạm Trần Hồng Hà</i> <i>Khoa Giáo dục đại cương</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	13
BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TƯƠNG TÁC <i>ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà</i> <i>Khoa Tiếng Anh</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	26
MÔ HÌNH SƯ PHẠM TƯƠNG TÁC ĐA CHIỀU - NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHÊ PHÁN VÀ TỐI ƯU HÓA HỌC TẬP CÁ NHÂN <i>ThS.BS. Đặng Thị Thu Hà</i> <i>Khoa Giáo dục mầm non</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i> <i>Học viên cao học:</i> <i>Phạm Huyền Diệp</i> <i>Khoa Tâm lý giáo dục</i> <i>Học viện Quản lý Giáo dục</i>	35

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP SKETCHNOTE TRONG TỔ CHỨC TRÒ CHƠI HỌC TẬP CHO TRẺ MẪU GIÁO <i>ThS. Vũ Hoàng Vân</i> <i>ThS. Lê Thị Hương Giang</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	43
KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI LỚP HỌC TRÊN HỆ THỐNG LMS TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG <i>ThS. Trần Minh Đức</i> <i>Khoa Giáo dục Mầm non</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	54
NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CỦA SINH VIÊN ĐAN MẠCH TẠI TRƯỜNG MẦM NON THỰC HÀNH HOA THỦY TIÊN <i>TS. Trương Thị Phụng</i> <i>Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên</i>	60
ỨNG DỤNG THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ VÀO VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ LÀM QUEN TIẾNG ANH <i>ThS. Trần Thị Bảo Ngọc</i> <i>ThS. Dương Thị Hương Thúy</i> <i>Khoa Tiếng Anh</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	71
ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỂ TẠO EBOOK TƯƠNG TÁC CHO TRẺ MẦM NON <i>ThS. Nguyễn Thanh Thủy</i> <i>Khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	82
MỘT SỐ LƯU Ý KHI SỬ DỤNG CÔNG CỤ AI THIẾT KẾ TRANH MINH HOẠ TÁC PHẨM VĂN HỌC DÀNH CHO TRẺ MẦM NON <i>ThS. Nguyễn Cẩm Giang</i> <i>ThS. Trần Thị Ngoan</i> <i>Khoa Giáo dục Mầm non</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	92

THÚC ĐẨY HỌC TẬP CÁ NHÂN HOÁ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRONG KỶ NGUYÊN SỐ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ <i>ThS. Phạm Hồng Dương</i> <i>Khoa Tiếng Anh</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	98
SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỂ TẠO HỌC LIỆU SỐ SÁNG TẠO CHO TRẺ MÀM NON <i>ThS. Nguyễn Thanh Thủy</i> <i>ThS. Phạm Trung Dũng</i> <i>Khoa Công nghệ thông tin - Giáo dục nghề nghiệp</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	106
TRIỂN LÃM MỸ THUẬT LẦN THỨ 18 Chủ đề “Thu hoài niệm” <i>ThS. Phạm Minh Tùng</i> <i>Khoa Nghệ thuật</i> <i>Trường CDSP Trung ương</i>	119

LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC

-----o0o-----

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH QUA HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH THEO PHƯƠNG PHÁP CLIL

ThS. Trần Thị Bảo Ngọc
ThS. Đặng Thu Trang
Khoa Tiếng Anh
Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh Việt Nam từ sớm là ưu tiên hàng đầu. Việc xây dựng môi trường ngôn ngữ tự nhiên tại bậc mầm non thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế đóng vai trò then chốt. Bài viết tập trung phân tích cách thức xây dựng môi trường ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi làm quen với tiếng Anh thông qua hoạt động tạo hình áp dụng phương pháp CLIL (Content and Language Integrated Learning -Tích hợp nội dung và ngôn ngữ).

Từ khóa: phương pháp CLIL, trường mầm non, trẻ em, hoạt động tạo hình.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, việc tiếp cận ngoại ngữ từ sớm đã trở thành nhu cầu tất yếu. Các nghiên cứu về tâm lý học phát triển chỉ ra rằng, trẻ em ở độ tuổi mầm non có khả năng lĩnh hội ngôn ngữ mới một cách tự nhiên và bền vững nhất nếu được tiếp xúc thường xuyên trong môi trường phù hợp.

Tại các trường mầm non hiện nay, việc tạo dựng môi trường cho trẻ khám phá và làm quen với tiếng Anh được xem là một yêu cầu quan trọng nhằm hình thành nền tảng ngôn ngữ sớm. Các hoạt động tích hợp như làm quen với tác phẩm văn học, toán học, trò chơi, khám phá môi trường xung quanh... đã được áp dụng rộng rãi. Tuy nhiên, trong số đó, Hoạt động tạo hình (HĐTH) nổi bật với ưu thế đặc biệt: cho phép trẻ vừa thao tác trực tiếp với nguyên vật liệu, vừa biểu đạt tư duy và ý tưởng thông qua ngôn ngữ. Vấn đề đặt ra là: *Làm thế nào để khai thác tối đa tiềm năng của HĐTH trong việc hỗ trợ trẻ 5–6 tuổi làm quen với tiếng Anh?* Phương pháp CLIL (Content and Language Integrated) được xem là một hướng tiếp cận hiệu quả, nhưng quy trình thiết kế hoạt động theo phương pháp này cho lứa tuổi mầm non vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Vì

thể bài viết tập trung làm rõ: Giá trị của HĐTH trong việc tích hợp nội dung và ngôn ngữ; Quy trình thiết kế HĐTH cho trẻ 5–6 tuổi theo phương pháp CLIL nhằm tối ưu hóa hiệu quả làm quen với tiếng Anh.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số nét khái quát về phương pháp CLIL

CLIL (Content and Language Intergrated) là một thuật ngữ bao hàm các môi trường và hoàn cảnh dạy, trong đó nội dung môn học được dạy bằng một ngôn ngữ khác với tiếng mẹ đẻ” [1; tr 9]. Mô hình dạy học tích hợp ngôn ngữ (không phải là tiếng mẹ đẻ của người học) thông qua nội dung các môn học được hình thành vào năm 1994 bởi David Marsh và Anne Maljers. Trong đó, ngoại ngữ được sử dụng để giảng dạy trong tất cả các môn học. Nghĩa là giờ học có hai mục tiêu, một mục tiêu liên quan đến nội dung và một mục tiêu liên quan đến ngôn ngữ sử dụng trong giờ học. Đây cũng là lí do CLIL được gọi là phương pháp dạy học với mục tiêu kép. Hiện nay, CLIL được liên minh Châu Âu áp dụng để dạy ngoại ngữ ở tất cả các nước không nói Tiếng Anh. Ngoài ra CLIL cũng đang được sử dụng ở nhiều nước trên thế giới.

Cơ sở của việc áp dụng phương pháp CLIL cho trẻ làm quen với tiếng Anh thông qua hoạt động tạo hình chính là bản chất quá trình học tiếng Anh của trẻ. Trẻ tiếp nhận ngôn ngữ mới một cách tự nhiên và bản năng từ môi trường ngôn ngữ xung quanh trẻ. Đặc biệt là trẻ sẽ tiếp nhận tốt hơn đối với ngôn ngữ chúng thường xuyên tiếp xúc và vận dụng có chủ đích trong hoàn cảnh giao tiếp phù hợp. Các yếu tố khó nhất trong quá trình học ngôn ngữ trong lớp học như từ vựng, phát âm, ngữ pháp được trẻ tiếp thu một cách tự nhiên.

Có rất nhiều cách tiến hành giờ học theo phương pháp CLIL, từ áp dụng phương pháp CLIL hoàn toàn trong chương trình như ở Canada - có nghĩa là sử dụng ngôn ngữ mục tiêu để dạy tất cả các môn học; hay 50% các môn học áp dụng phương pháp CLIL như ở Tây Ban Nha; cho đến thực hiện thường xuyên các bài dạy một môn học nào đó bằng ngôn ngữ đích trong 20-30 phút như ở Đức.

Tại Việt Nam, việc cho trẻ làm quen với tiếng Anh được thực hiện linh hoạt trong giờ học ngoại ngữ. Giáo viên (GV) có thể vận dụng phương pháp CLIL để tạo môi trường học tiếng Anh sinh động thông qua các nội dung tích hợp về âm nhạc, làm quen với tác phẩm văn học thiếu nhi, toán học, tạo hình...Phương pháp này giúp trẻ lĩnh hội các kỹ năng ngôn ngữ một cách tự nhiên và hứng thú.

2.2. Hoạt động tạo hình (HĐTH) tại Trường mầm non tạo môi trường ngôn ngữ tích cực cho trẻ làm quen với tiếng Anh theo phương pháp CLIL

2.2.1. Vai trò của HĐTH trong giáo dục mầm non

Hoạt động tạo hình là một trong những hoạt động chủ đạo trong chương trình giáo dục mầm non. Đây không chỉ là phương tiện giúp trẻ thể hiện thế giới quan, cảm xúc và ý tưởng cá nhân, mà còn là công cụ giáo dục toàn diện. HĐTH không chỉ góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc nuôi dưỡng trí tưởng tượng, tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng vận động tinh cũng như khả năng biểu đạt bằng ngôn ngữ ở trẻ nhỏ.

Hoạt động tạo hình giúp trẻ làm quen với màu sắc, đường nét, hình khối, từ đó hình thành cảm xúc thẩm mỹ và khả năng cảm thụ nghệ thuật. Qua việc lựa chọn màu sắc, sáng tạo hình ảnh, trẻ được trải nghiệm cảm xúc cá nhân, biểu đạt tình cảm một cách tự nhiên và tích cực. Theo PGS.TS. Nguyễn Ánh Tuyết, hoạt động tạo hình là con đường ngắn nhất để trẻ làm quen và cảm nhận cái đẹp, đồng thời nuôi dưỡng cảm xúc tích cực và tình yêu cuộc sống [4].

Tại trường mầm non, trẻ được tham gia các hoạt động tạo hình như vẽ, cắt dán, nặn để từ đó phát triển tư duy sáng tạo và trí tưởng tượng. Tạo hình khuyến khích trẻ tưởng tượng, phát huy khả năng sáng tạo khi không bị ràng buộc bởi các quy tắc cứng nhắc. Trẻ học cách nhìn sự vật từ nhiều góc độ khác nhau, liên tưởng và chuyển hóa các hình ảnh quen thuộc thành những ý tưởng mới mẻ. Tiến sĩ Kolbe đã khẳng định các bức tranh thể hiện suy nghĩ của mỗi đứa trẻ. Mỗi một đường nét, màu sắc, hay hình khối trong đó đều phản ánh quá trình tư duy của mỗi đứa trẻ [2].

Hoạt động tạo hình mang đến cho trẻ không gian vận động mang tính cá nhân hóa và phát triển kỹ năng vận động tinh. Khi trẻ cầm bút, dùng kéo, nặn đất sét, xé dán... các cơ nhỏ ở bàn tay và ngón tay được rèn luyện, tạo tiền đề cho kỹ năng viết sau này. Kỹ năng phối hợp tay – mắt, sự khéo léo, kiên trì và tập trung cũng được phát triển thông qua các hoạt động tạo hình.

Một trong những ưu điểm vượt trội của HĐTH là khi sử dụng phương pháp CLIL để tạo môi trường ngôn ngữ cho trẻ học Tiếng Anh thông qua các hoạt động trong giờ học tạo hình. Bằng cách áp dụng phương pháp CLIL trẻ đã đạt được mục tiêu kép trong giờ học khi vừa học được các kỹ năng tạo hình và kỹ năng ngôn ngữ. Với trẻ 5-6 tuổi, đây cũng là độ tuổi mà trẻ có thể ghi nhớ từ vựng đơn giản, sử dụng các câu giao tiếp cơ bản và phản xạ nhanh với ngôn ngữ mới khi được lặp lại qua hoạt động thực hành trực tiếp. Khi trẻ nói về sản phẩm tạo hình của mình, trẻ học cách diễn đạt ý tưởng, kể chuyện, mô tả hành động và cảm xúc bằng tiếng Anh. Giáo viên có thể khai thác các chủ đề tạo hình để mở rộng vốn từ, phát triển kỹ năng đặt câu, kể chuyện, trò chuyện nhóm ở ngôn ngữ đích. Theo tiến sĩ Koster, nghệ thuật là một ngôn ngữ thứ hai, giúp trẻ nói lên điều mình nghĩ, ngay cả khi vốn từ của trẻ còn hạn chế [3].

2.2.2. Thiết kế môi trường ngôn ngữ qua hoạt động tạo hình (HĐTH) cho trẻ mầm non 5-6 tuổi theo phương pháp CLIL

a) Nguyên tắc thiết kế

Ở bậc học mầm non, việc áp dụng phương pháp CLIL nhằm tạo ra môi trường ngôn ngữ thông qua hoạt động tạo hình cần được điều chỉnh phù hợp với độ tuổi: nhẹ nhàng, vui tươi không áp lực, tập trung vào việc xây dựng nền tảng ngôn ngữ qua trải nghiệm, hoạt động nhóm, kể chuyện, trò chơi và đặc biệt là qua hoạt động tạo hình. Để thiết kế được một giờ học ngôn ngữ thông qua hoạt động tạo hình theo phương pháp CLIL thì giáo viên cần lưu ý một số các nguyên tắc thiết kế sau đây:

- Ngữ cảnh hóa ngôn ngữ: Ngôn ngữ tiếng Anh phải được đưa vào trong bối cảnh cụ thể của hoạt động. Ví dụ: Khi trẻ đang tô màu con cá, giáo viên dùng câu “Let’s color the fish blue” thay vì dạy từ vựng “fish” một cách rời rạc.

- Lặp lại và tăng cường: Trẻ cần được tiếp xúc với cùng một từ/khái niệm nhiều lần trong các ngữ cảnh khác nhau để ghi nhớ sâu.

- Giao tiếp hai chiều: Trẻ không chỉ nghe mà cần được khuyến khích nói lại, hỏi – đáp, thể hiện suy nghĩ qua ngôn ngữ, dù ở mức độ đơn giản.

- Đa giác quan: Sử dụng hình ảnh, âm thanh, vận động tay – mắt, xúc giác... để kích hoạt các kênh tiếp nhận ngôn ngữ khác nhau.

- Tích hợp đánh giá nhẹ nhàng, liên tục: Thay vì kiểm tra chính thức, giáo viên quan sát sự tham gia, mức độ hiểu, khả năng phản hồi ngôn ngữ trong quá trình hoạt động.

b) Mô hình CLIL trong giờ học tạo hình

Bước 1: Khởi động (Warm-up)

Mục tiêu: gợi hứng thú cho trẻ với giờ học, tổ chức hoạt động kết nối với nội dung

Hoạt động:

- Sử dụng bài hát, hình ảnh, video ngắn tiếng Anh liên quan đến chủ đề.
- Trò chơi vận động đơn giản kết hợp từ vựng: Color hunt, Shape game...

Bước 2: Giới thiệu từ/cấu trúc mới (Input).

Mục tiêu: cung cấp đầu vào ngôn ngữ.

Hoạt động:

- Giáo viên giới thiệu chủ đề, mẫu sản phẩm, từ vựng và mẫu câu đơn giản:

This is a tree. It's green. Draw a big tree.

- Giáo viên cho trẻ luyện tập từ vựng, mẫu câu.

Bước 3: Thực hành tạo hình (Practice)

Mục tiêu: Áp dụng kiến thức, phát triển kỹ năng.

Hoạt động:

- Trẻ thực hiện tạo hình theo chủ đề. Giáo viên quan sát, hỗ trợ, nhắc lại từ khoá Tiếng Anh.

- Khuyến khích trẻ giao tiếp: *I draw a cat! This is blue!*

Bước 4: Trình bày sản phẩm (Presentation).

Mục tiêu: tạo cơ hội cho trẻ sử dụng và phát triển kỹ năng Tiếng Anh.

Hoạt động:

- Trẻ giới thiệu sản phẩm: *This is my lovely fish. It's yellow.*

Bước 5: Củng cố và phản hồi (Wrap-up).

Mục tiêu: tổng kết và đưa ra nhận xét/khen ngợi trẻ

Hoạt động:

- Giáo viên tóm tắt lại từ vựng, mẫu câu.

- Khen ngợi sản phẩm tạo hình và phần thuyết trình Tiếng Anh của trẻ

c) Minh họa hoạt động tạo hình sử dụng phương pháp CLIL

Chủ đề: Gia đình (My family)

Độ tuổi: 5-6 tuổi

Mục tiêu hoạt động (Subject goals):

+ Rèn luyện kỹ năng quan sát và ghi nhớ các đặc điểm nổi bật của người thân (kiểu tóc, quần áo, màu da, phụ kiện...); Biết cách sử dụng các yếu tố tạo hình đơn giản như nét, hình, màu sắc để thể hiện hình ảnh các thành viên;

+ Phát triển kỹ năng tạo hình: vẽ người theo bố cục hợp lý, sử dụng màu sắc phù hợp;

+ Phát triển kỹ năng vận động tinh (cầm bút, phối hợp tay – mắt).

Mục tiêu ngôn ngữ (Linguistic goals):

+ Trẻ nhận biết và phát âm đúng tên các thành viên trong gia đình bằng tiếng Anh (father, mother, brother, sister,...); Trẻ hiểu và nói được các câu đơn giản miêu tả thành viên gia đình (ví dụ: *This is my mother. Her name's.../ This is my father. His name's*)

Chuẩn bị: giấy A4, màu nước và màu sáp, mỗi trẻ tự chuẩn bị một bức ảnh thành viên gia đình

Bước thực hiện:

Bước 1: Khởi động (Warm-up)

+ GV cho trẻ khởi động giờ học bằng bài hát tiếng Anh *Family fingers*;

+ GV khuyến khích trẻ đứng lên và hát, nhảy theo bài hát;

+ GV giới thiệu chủ đề học *My family*

Bước 2: Giới thiệu từ/cấu trúc mới (Input)

+ GV cho trẻ xem một bức ảnh gia đình đã chuẩn bị sẵn từ trước giờ học hoặc GV có thể tự vẽ một bức tranh gia đình lên bảng.

+ GV chỉ vào từng người và giới thiệu về thành viên: *This is my mother. Her name's... This is my father. His name's....*;

+ GV khuyến khích trẻ tự tin đứng lên cầm bức ảnh của gia đình mình và giới thiệu về các thành viên.

Bước 3: Thực hành tạo hình (Practice)

+ GV cho trẻ thực hành vẽ các thành viên trong gia đình mình. Khi trẻ đang vẽ, GV đi xung quanh lớp và trò chuyện với trẻ bằng tiếng Anh (Hãy tế nhị với hoàn cảnh khác nhau của từng trẻ);

+ Khuyến khích trẻ chỉ vào từng thành viên và nói về họ bằng tiếng Anh.

Bước 4: Trình bày sản phẩm (Presentation)

+ GV treo tranh vẽ của trẻ lên bảng hoặc một vị trí để phù hợp để trưng bày sản phẩm giờ học tạo hình của trẻ;

+ GV khuyến khích trẻ lên chia sẻ, giới thiệu về thành viên gia đình bằng tiếng Anh,

+ GV khuyến khích các bạn trong lớp đặt câu hỏi bằng tiếng Anh cho bạn thuyết trình sản phẩm.

Bước 5: Củng cố và phản hồi (Wrap-up)

+ GV nhắc lại từ vựng và mẫu câu trong hoạt động tạo hình: *father, mother, brother, sister; This is my mother. Her name's...*;

+ GV khen những bức tranh và những phần thuyết trình của trẻ.

3. KẾT LUẬN

Hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo phương pháp CLIL có giá trị rất lớn trong việc tạo môi trường cho trẻ làm quen với tiếng Anh. Khi trẻ tiếp cận một ngôn ngữ mới, các hoạt động tạo hình gắn với cuộc sống hàng ngày sẽ giúp trẻ làm quen tiếng Anh một cách tự nhiên và hào hứng nhất. Tuy nhiên để tạo môi trường ngôn ngữ tích cực cho trẻ làm quen tiếng Anh thông qua hoạt động tạo hình đòi hỏi giáo viên phải đạt chuẩn về trình độ tiếng Anh và có kiến thức về tạo hình để việc học ngôn ngữ diễn ra một cách tự nhiên và thoải mái nhất trong những ngữ cảnh quen thuộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bentley, K (2009). *Primary Curriculum Box. CLIL lessons and activities for younger learners*. Cambridge University Press
- [2] Kolbe (2001). *It's Not a Bird Yet – The Drama of Drawing*. Peppinot Press
- [3] Koster (2014). *Growing Artists: Teaching the Arts to Young Children*. Cengage Learning Express
- [4] PGS.TS.Nguyễn Ánh Tuyết(2013). *Giáo trình Giáo dục học mầm non*. NXB Đại học Sư phạm

RÈN LUYỆN TƯ DUY SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG THÔNG QUA DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ThS. Phạm Trần Hồng Hà

Khoa Giáo dục đại cương

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Tư duy sáng tạo là một trong những kỹ năng thiết yếu của sinh viên trong thế kỷ XXI, đặc biệt đối với sinh viên sư phạm mầm non - những người ươm mầm xanh của tương lai. Đối với sinh viên, các môn lý luận chính trị thường bị xem là khó, trừu tượng, lý luận khô khan... tuy nhiên, các môn học này lại chứa đựng tiềm năng lớn trong việc rèn tư duy sáng tạo cho sinh viên. Bài viết tập trung phân tích vai trò của tư duy sáng tạo đối với sinh viên, đánh giá thực trạng và đề xuất một số biện pháp cụ thể nhằm rèn luyện tư duy sáng tạo cho sinh viên trong dạy học các môn lý luận chính trị ở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Từ khóa: Tư duy sáng tạo, sinh viên sư phạm, lý luận chính trị, phương pháp dạy học.

1.ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, yêu cầu phát triển năng lực toàn diện cho người học đã trở thành định hướng cốt lõi. Một trong những năng lực quan trọng đó là tư duy sáng tạo hay là khả năng tạo ra những ý tưởng mới mẻ, giải quyết vấn đề theo cách không dập khuôn, linh hoạt và phù hợp với thực tiễn. Sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non - những chủ nhân tương lai, những người trực tiếp tham gia giáo dục lớp măng non của đất nước thì tư duy sáng tạo không chỉ là một phẩm chất trí tuệ mà còn là yêu cầu nghề nghiệp bắt buộc. Khả năng sáng tạo giúp sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học hấp dẫn, hiệu quả; giải quyết các tình huống sư phạm phức tạp; đồng thời tìm ra các phương pháp để khơi gợi, nuôi dưỡng sự sáng tạo của trẻ, kích thích sự phát triển của trẻ, góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục mầm non.

Các môn Lý luận chính trị là môn học nền tảng nhằm trang bị thể giới quan, phương pháp luận và định hướng giá trị cho sinh viên. Tuy nhiên, trên

thực tế, các môn học này thường được sinh viên quan niệm là môn học khó, khô khan, thậm chí là không cần thiết, chưa khơi gợi hứng thú cho họ. Do vậy, nếu giảng viên vừa truyền đạt kiến thức, vừa tổ chức các hoạt động học tập kích thích sự tìm tòi, sáng tạo thì sẽ biến giờ học lý luận chính trị thành môi trường rèn luyện tư duy sáng tạo hiệu quả.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận về tư duy sáng tạo và dạy học lý luận chính trị

2.1.1. Khái niệm tư duy sáng tạo

Tư duy sáng tạo là khả năng phát triển và áp dụng các ý tưởng mới, độc đáo và hiệu quả khi giải quyết vấn đề, tạo ra những sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp chưa từng có. Nó không đơn giản chỉ là khả năng tưởng tượng hay nghĩ ra ý tưởng mới, nó bao gồm khả năng áp dụng những ý tưởng đó vào thực tiễn, giúp giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, công việc hay trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nghệ thuật...

Tư duy sáng tạo thường được hiểu là quá trình liên kết các ý tưởng, kiến thức, thông tin có sẵn theo những cách chưa từng được thử nghiệm trước đây. Nó bao gồm khả năng nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, suy nghĩ ngoài khuôn khổ thông thường và kết hợp các yếu tố khác nhau để tạo ra kết quả mới mẻ.

Tư duy sáng tạo của sinh viên sư phạm mầm non là khả năng tạo ra những ý tưởng mới, độc đáo và khả thi trong việc giảng dạy, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Nó bao gồm việc tìm ra các phương pháp, hoạt động, đồ dùng, đồ chơi sáng tạo để kích thích sự phát triển toàn diện của trẻ.

2.1.2. Vai trò của tư duy sáng tạo đối với sinh viên sư phạm mầm non

Tư duy sáng tạo không chỉ là một năng lực quan trọng trong học tập mà còn là nền tảng thiết yếu đối với sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên sư phạm mầm non, giúp họ không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển của trẻ. Giáo viên mầm non có tư duy sáng tạo sẽ có khả năng tạo ra môi trường học tập thú vị, hấp dẫn, kích thích sự tò mò và ham muốn khám phá của trẻ, từ đó giúp trẻ phát triển toàn diện về mọi mặt.

Tư duy sáng tạo thúc đẩy sự chủ động, tích cực trong học tập của sinh viên, giúp họ tránh được lối học thụ động, dập khuôn. Khi được rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, sinh viên sẽ có xu hướng tìm kiếm các phương pháp học tập mới, phù hợp với phong cách cá nhân; tích cực đặt câu hỏi, suy ngẫm đa chiều về nội dung bài học; dám thử nghiệm, khám phá những cách học, cách tiếp cận mới thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức một chiều từ giảng viên; tạo nền tảng cho đổi mới phương pháp dạy học trong tương lai.

Trong quá trình học tập, sinh viên ngành giáo dục mầm non cùng với việc tiếp thu kiến thức lý thuyết, họ còn trải qua rất nhiều đợt thực hành, thực tập nghề nghiệp, trải nghiệm nhiều hoạt động giáo dục. Tư duy sáng tạo giúp sinh viên: chủ động tiếp thu kiến thức, biết tìm kiếm, chọn lọc tài liệu, kết hợp lý thuyết với thực tiễn, đồng thời đặt ra những câu hỏi mới mẻ để mở rộng hiểu biết; sáng tạo trong hoạt động thực hành, có khả năng thiết kế các trò chơi, hoạt động nghệ thuật và bài học sinh động, hấp dẫn; giải quyết vấn đề linh hoạt khi gặp những tình huống bất ngờ khi đi thực hành, thực tập... tìm ra giải pháp phù hợp, vừa đảm bảo mục tiêu giáo dục, vừa tạo môi trường an toàn, vui vẻ cho trẻ; phát triển kỹ năng làm việc nhóm, có khả năng đưa ra những ý tưởng độc đáo, tạo sự hứng khởi cho nhóm và nâng cao chất lượng sản phẩm học tập.

Trong tương lai, sau khi ra trường, trở thành giáo viên mầm non - trực tiếp tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, phối hợp với phụ huynh và đồng nghiệp, tư duy sáng tạo sẽ giúp họ: thiết kế bài học, hoạt động giáo dục hấp dẫn, biến các nội dung giáo dục khô khan thành trò chơi, câu chuyện, bài hát hoặc hoạt động trải nghiệm gần gũi, dễ hiểu với trẻ; tạo môi trường học tập kích thích trí tò mò, khơi gợi hứng thú và khả năng khám phá của trẻ; ứng phó với các tình huống sư phạm đa dạng một cách phù hợp, mềm dẻo, linh hoạt; phát triển nghề nghiệp bền vững, chủ động đổi mới phương pháp, cập nhật xu hướng giáo dục hiện đại, từ đó nâng cao uy tín và chất lượng công việc.

Tư duy sáng tạo vừa là điều kiện vừa là động lực để sinh viên sư phạm mầm non phát triển toàn diện năng lực nghề nghiệp. Trong quá trình học tập, nó giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức sâu sắc và tự tin thực hành; khi ra trường, nó

trở thành công cụ đắc lực để tổ chức các hoạt động giáo dục hiệu quả, tạo dựng môi trường học tập hứng thú và nuôi dưỡng sự phát triển toàn diện của trẻ. Vì vậy việc rèn luyện tư duy sáng tạo cần được chú trọng ngay từ khi sinh viên còn ngồi trên giảng đường, thông qua phương pháp dạy học tích cực, môi trường học tập mở, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, đặc biệt là qua việc dạy học các môn Lý luận chính trị.

2.1.3. Tiềm năng sáng tạo trong dạy học các môn lý luận chính trị

Các môn lý luận chính trị trong chương trình đào tạo ngành sư phạm mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương bao gồm: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là những môn học nền tảng giúp sinh viên hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng, từ đó hiểu rõ vai trò của cá nhân trong xã hội, nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm công dân. Tuy nhiên, các môn học này thường bị mặc định là khô khan, nặng lý thuyết, trừu tượng, ít liên hệ thực tiễn và không thể sáng tạo.

Trên thực tế, các môn lý luận chính trị ẩn chứa tiềm năng lớn trong việc rèn luyện và phát triển tư duy sáng tạo cho sinh viên, thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, nội dung môn học giàu tính lý luận là nền tảng cho tư duy sáng tạo. Các môn lý luận chính trị đề cập đến những tư tưởng lớn, hệ thống tri thức sâu sắc về xã hội, con người, chính trị, đạo đức, văn hóa, giáo dục... Đây là cơ sở để sinh viên hình thành cách nhìn nhận toàn diện, lịch sử và cụ thể về các hiện tượng xã hội; tiếp cận các vấn đề mang tính triết lý, từ đó phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, liên hệ sáng tạo; khuyến khích tư duy đặt vấn đề mới từ nền tảng kiến thức lý luận có sẵn. Ví dụ khi học về nguyên tắc khách quan trong triết học Mác - Lênin, sinh viên có thể suy ngẫm và sáng tạo trong cách tiếp cận mới để giải thích các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước hiện nay.

Thứ hai, phương pháp luận biện chứng của các môn Lý luận chính trị là cơ sở kích thích tư duy linh hoạt và sáng tạo. Một trong những điểm đặc trưng của các môn học này là trang bị phương pháp tư duy duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đây chính là công cụ để sinh viên biết tìm mối liên hệ giữa các sự

vật, hiện tượng, không nhìn nhận hiện thực một cách đơn tuyến. Cơ sở giúp sinh viên tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt với các câu hỏi “vì sao?”, “Nếu... thì sao?”, “có thể khác đi không?”... chính là khởi đầu của tư duy sáng tạo. Phương pháp tư duy này phù hợp với việc giải quyết các vấn đề phức tạp trong giáo dục, văn hóa, đạo đức... - những nội dung vốn gắn liền với nghề giáo viên.

Thứ ba, các nội dung liên hệ thực tiễn là không gian mở cho sáng tạo cá nhân. Các môn Lý luận chính trị có khả năng kết nối sâu rộng với thực tiễn đời sống vì những nội dung lý luận đều được khái quát từ thực tiễn sinh động. Do vậy, sinh viên hoàn toàn có thể sáng tạo trong việc liên hệ các kiến thức trừu tượng với thực tế xã hội, giáo dục, văn hóa đương đại; đặt ra các câu hỏi, tình huống mở và thảo luận đa chiều dưới góc độ triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hoặc đường lối, chính sách của Đảng. Việc này không chỉ giúp tăng cường khả năng liên hệ thực tiễn mà còn là cách để sinh viên phát triển tư duy độc lập và đổi mới.

Thứ tư, dạy học các môn Lý luận chính trị hoàn toàn có thể vận dụng các phương pháp sáng tạo. Trên phương diện sư phạm, các môn Lý luận chính trị không hề bị giới hạn trong các phương pháp dạy học truyền thống. Nếu giảng viên có tư duy đổi mới thì các môn học này rất phù hợp để áp dụng: Dạy học theo dự án (sinh viên thực hiện dự án gắn với thực tiễn đời sống, nghề nghiệp, xây dựng video, ấn phẩm truyền thông... lý giải một vấn đề chính trị - xã hội từ góc nhìn lý luận); tư duy phản biện, sáng tạo (sinh viên tranh luận, phản biện quan điểm, xây dựng luận điểm mới trên nền lý thuyết các môn Lý luận chính trị); sân khấu hóa nội dung lý luận (dựng kịch ngắn, hoạt cảnh minh họa một tư tưởng hoặc hiện tượng lịch sử). Những hình thức này vừa khơi dậy hứng thú học tập, vừa kích thích trí tưởng tượng, khả năng liên tưởng và sáng tạo của sinh viên.

Thứ năm, các môn Lý luận chính trị góp phần định hướng tư tưởng sáng tạo đúng đắn, nhân văn. Một trong những điều quan trọng trong sáng tạo là sáng tạo có định hướng, tránh rơi vào lệch chuẩn giá trị hoặc xa rời đạo đức nghề nghiệp. Các môn Lý luận chính trị giúp sinh viên sáng tạo trên nền tảng của tư tưởng tiên bộ, nhân văn, khoa học, không tùy tiện hay phản cảm; phát triển năng

lực phê phán và tái tạo thực tiễn trên cơ sở giá trị dân tộc, dân chủ, nhân văn, trách nhiệm xã hội... vốn là những chuẩn mực cần có của người giáo viên trong tương lai.

Có thể khẳng định rằng, các môn Lý luận chính trị không chỉ là nơi cung cấp kiến thức nền tảng về chính trị - xã hội, mà còn là môi trường thuận lợi để rèn luyện tư duy sáng tạo nếu được tiếp cận đúng cách. Cần thay đổi nhận thức cố hữu của sinh viên rằng các môn học này là khó hiểu, khô cứng, thiếu sức hấp dẫn. Giảng viên cần thiết kế các hoạt động giảng dạy theo hướng mở, gắn với thực tiễn và khuyến khích sinh viên phát huy trí tưởng tượng, liên tưởng và biểu đạt cá nhân. Tư duy sáng tạo không nằm ngoài mà chính là bản chất của tư duy lý luận khoa học, điều mà các môn Lý luận chính trị đang sở hữu như một lợi thế nội tại.

2.2. Thực trạng phát triển tư duy sáng tạo của sinh viên trong học tập các môn Lý luận chính trị

Trong những năm gần đây, với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, quá trình dạy học các môn Lý luận chính trị ở Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã có sự quan tâm nhiều hơn đến sự phát triển tư duy chủ động, sáng tạo cho sinh viên. Cách tiếp cận các vấn đề lý luận không bó hẹp trong phạm vi nhất định nào đó mà đa dạng hơn, được nhìn nhận, xem xét từ nhiều góc độ khác nhau, có lý luận và cả thảo luận xen kẽ. Chính vì thế, tính của động của người học cũng ít nhiều được nâng lên thông qua việc họ được khuyến khích, mạnh dạn bày tỏ quan điểm, thái độ của bản thân trước những vấn đề lý luận hoặc thực tiễn đặt ra.

Tuy nhiên trên thực tế, quá trình dạy học các môn Lý luận chính trị vẫn còn những hạn chế, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển tư duy sáng tạo cho sinh viên. Cụ thể:

Về nhận thức của sinh viên, hầu hết sinh viên cho rằng tư duy sáng tạo không cần thiết trong học tập các môn Lý luận chính trị vì đây là môn học trừu tượng, nặng về lý luận, là sản phẩm của các nhà tư tưởng, các vĩ nhân nên không thể sáng tạo. Mặt khác, sự thay đổi, phát triển của tri thức các môn Lý luận

chính trị thường diễn biến chậm nên một số sinh viên có thể cho rằng chúng quá quen thuộc, không có tính mới, không gây tò mò, hứng thú. Nội dung kiến thức của các môn Lý luận chính trị mang tính khái quát, trừu tượng cao, có phần hơi khô khan, khó hiểu. Trong khi đó, sinh viên lại chưa trải nghiệm thực tiễn nhiều nên càng khó tiếp thu, khả năng liên hệ lý luận với thực tiễn còn hạn chế. Phần lớn sinh viên chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của các môn Lý luận chính trị, cho rằng các môn học này là môn học phụ, không cần thiết cho nghề nghiệp trong tương lai... do đó không đầu tư công sức và trí tuệ cho các môn học này, chỉ học mang tính chất đối phó, đến lớp điểm danh cho có, chưa thực sự tập trung nghiên cứu, học tập. Chính tâm lý đối phó này đã ảnh hưởng đến việc phát huy tính chủ động và sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập. Một bộ phận không nhỏ sinh viên chưa hiểu rõ sáng tạo là gì, thường nhầm lẫn với óc tưởng tượng, suy nghĩ ngẫu nhiên, nghĩ khác người, lập dị hoặc sự ngẫu hứng.

Về phương pháp dạy học, chủ yếu vẫn là phương pháp thuyết trình, ghi chép, ít tổ chức các hoạt động nhóm, thảo luận mở hoặc sáng tạo sản phẩm học tập. Một số giảng viên còn nặng về chương trình, tham nội dung lý luận, dàn trải, chưa chú ý tới sự hứng thú, thái độ của sinh viên. Sinh viên có thói quen học tập thụ động, chỉ tiếp nhận kiến thức mà ít có cơ hội tư duy phản biện, sáng tạo để tìm ra cách giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những ý tưởng đột phá. Một số giảng viên đã ứng dụng phương pháp dạy học tích cực như lớp học đảo ngược, dạy học theo dự án... nhưng còn gặp nhiều khó khăn do khối lượng kiến thức của các học phần đều lớn, thời lượng dạy học lại ít, năng lực tự học tập, nghiên cứu của sinh viên còn nhiều hạn chế. Chính những điều này trở thành rào cản lớn trong quá trình phát triển tư duy sáng tạo cho sinh viên, bởi tư duy sáng tạo chỉ nảy sinh khi có niềm đam mê trong học tập, cũng như bất kỳ hoạt động nào khác.

Về sản phẩm học tập, phần lớn bài kiểm tra, bài tập lớn còn thiếu tính sáng tạo, chủ yếu được sinh viên sao chép từ giáo trình, tài liệu một cách máy móc, chưa có sản phẩm mang tính ứng dụng hoặc kết nối với thực tiễn. Sinh viên ít được tham gia các hoạt động thực tế như tham quan bảo tàng, nghiên cứu,

thảo luận tình huống chính trị, hoặc thực hành chính trị, làm giảm khả năng áp dụng kiến thức lý luận vào thực tế.

Bên cạnh đó, sĩ số lớp học đông cũng tạo khó khăn cho giảng viên trong việc quản lý lớp, giảm sự quan tâm của giảng viên đến từng sinh viên cụ thể, tạo không khí lớp học đông đúc, đặc biệt hạn chế việc giảng viên triển khai các phương pháp dạy học tích cực theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, buộc sinh viên phải tư duy, động não để cùng làm rõ nội dung các bài học. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc một số giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình truyền thống, hoặc cũng chỉ dừng lại ở việc sử dụng kết hợp với vấn đáp, nêu vấn đề gợi mở, tạo tình huống...

Từ thực trạng trên sẽ dẫn đến những tác động như sinh viên có thể bị giới hạn khả năng tư duy, khó thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của xã hội và có thể thiếu nhạy bén trong việc nhận thức các vấn đề mới. Các em sẽ thiếu các kỹ năng mềm cần thiết như làm việc nhóm, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và sáng tạo trong lĩnh vực chính trị. Do vậy, hứng thú học tập sẽ bị giảm sút, việc học tập Lý luận chính trị sẽ trở nên nhàm chán, thiếu hấp dẫn, ảnh hưởng đến niềm tin và ý thức của sinh viên đối với các vấn đề chính trị.

2.3. Một số biện pháp rèn luyện tư duy sáng tạo cho sinh viên thông qua dạy học các môn Lý luận chính trị

2.3.1. Xây dựng động cơ, thái độ học tập đúng đắn cho sinh viên

Động cơ, thái độ học tập có vai trò quan trọng đối với việc học nói chung, đặc biệt là đối với các môn Lý luận chính trị. Tư duy sáng tạo của sinh viên chỉ có thể phát triển trên cơ sở động cơ, thái độ học tập đúng đắn. Có nhận thức đúng mới có hành động đúng. Nếu sinh viên thay đổi nhận thức, thấy rõ vị trí, vai trò và ý nghĩa của các môn Lý luận chính trị thì mới có thái độ tích cực đối với việc học tập các môn này, mới khao khát tri thức, chủ động tìm tòi, nghiên cứu để mở rộng kiến thức, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề liên quan trong thực tiễn đời sống; cảm nhận được cái hay, sự thú vị, thiết thực của kiến thức môn học. Vì vậy, ngay từ buổi học đầu tiên của học phần,

giảng viên nên coi trọng và dành một khoảng thời gian nhất định để giáo dục, định hướng giúp sinh viên nhận thức rõ vị trí, vai trò và ý nghĩa của việc học tập các môn Lý luận chính trị, nhận thức rõ vị trí của các môn học này trong chương trình đào tạo của Nhà trường thuộc khối lượng kiến thức giáo dục đại cương và là học phần bắt buộc... Giảng viên cần chỉ rõ cho sinh viên thấy mục đích của việc học các môn Lý luận chính trị không chỉ để hiểu biết mà còn vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn, từ đó họ mới có động cơ học tập đúng đắn.

2.3.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên, gắn lý luận với thực tiễn.

Để có một bài giảng hay, chất lượng và hiệu quả cao thì người giảng viên ngoài kiến thức chuyên môn sâu rộng, cần phải có phương pháp phù hợp, cuốn hút, tạo nên sự thích thú, hào hứng cho sinh viên trong quá trình học tập. Cần xây dựng các phương pháp giảng dạy sáng tạo, linh hoạt, khuyến khích sinh viên chủ động tham gia vào các hoạt động như thảo luận, tranh luận, nghiên cứu tình huống, tích cực tương tác với sinh viên khác, với giảng viên. Cụ thể:

Tổ chức dạy học dựa trên tình huống thực tiễn nghề nghiệp nhằm gắn kết kiến thức Lý luận chính trị trừu tượng với những vấn đề cụ thể, sinh động trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, từ đó kích thích khả năng phân tích, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

Cách thực hiện: Giảng viên xây dựng các tình huống có vấn đề xuất phát từ thực tiễn nghề nghiệp. Ví dụ:

Khi dạy về “Các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật”, có thể đưa ra tình huống: *“Vận dụng mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng để giải thích cho phụ huynh về một hành vi bộc phát (hiện tượng) của trẻ, từ đó tìm ra nguyên nhân sâu xa (bản chất) để có biện pháp giáo dục trẻ phù hợp”*.

Khi học về “ Tư tưởng Hồ Chí Minh”, yêu cầu sinh viên: *“Thiết kế một hoạt động ngoại khóa cho trẻ mầm non nhằm giáo dục lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh”*.

Sử dụng phương pháp Dạy học theo dự án gắn với các chủ đề chính trị - xã hội nhằm phát triển năng lực tự chủ, hợp tác, nghiên cứu và sáng tạo ra các sản phẩm cụ thể.

Cách thực hiện: Giảng viên giao cho sinh viên (theo nhóm) thực hiện các dự án nhỏ. Ví dụ:

Dự án “Xây dựng bộ sưu tập tranh, truyện, thơ cho trẻ mầm non dựa trên các câu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Dự án “Tổ chức một phiên chợ quê thu nhỏ trong trường mầm non để giúp trẻ hiểu về chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng”.

Tăng cường phương pháp đóng vai và xử lý tình huống giả định nhằm rèn luyện kỹ năng ứng biến, phản xạ nhanh và tư duy sáng tạo trong giao tiếp, thuyết phục.

Cách thực hiện: Đưa ra các tình huống giả định đòi hỏi sinh viên phải vận dụng kiến thức LLCT để xử lý. Ví dụ:

Đóng vai hiệu trưởng trường mầm non trong một cuộc họp phụ huynh để giải đáp những thắc mắc về chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Khuyến khích tư duy phản biện và đặt câu hỏi sáng tạo nhằm phá vỡ lối tư duy thụ động, dập khuôn, hình thành thói quen đào sâu suy nghĩ, dám đặt lại vấn đề.

Cách thực hiện: Thay vì đưa ra kết luận sau các nội dung, giảng viên đặt câu hỏi mở cho sinh viên. Ví dụ: *“Theo các em, trong điều kiện hiện nay, nguyên lý về mối liên hệ phổ biến có thể vận dụng như thế nào để giải quyết vấn đề trẻ em nghiện thiết bị điện tử?”*.

Bằng cách kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp hiện đại, linh hoạt đối với từng nội dung bài học sẽ lôi cuốn được sinh viên cùng tư duy, cùng tham gia giải quyết vấn đề, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Các môn Lý luận chính trị đặc biệt là triết học với đặc trưng của tư duy biện chứng sẽ giúp sinh viên phát triển tư duy logic, vì vậy cần đưa ra các tình huống có vấn đề để họ rèn luyện các kỹ năng quan trọng của tư duy sáng tạo như khả năng tưởng tượng, tính linh hoạt, tư duy bất định, sự quan sát, kết hợp ý tưởng, tư duy tương tác, khả năng phân tích, tính hợp tác... Những

tình huống như đóng vai, giả định... là động lực để sinh viên mạnh dạn đưa ra những giải pháp mới, thậm trí có tính đột phá, làm cho họ thấy hứng thú trong học tập hơn. Khuyến khích tư duy phản biện của sinh viên bằng cách tạo không gian cho họ tự do bày tỏ ý kiến, đặt câu hỏi và thảo luận một cách cởi mở, khuyến khích tư duy phản biện và sáng tạo. Cùng với đó là phải đầu tư vào các hoạt động ngoại khóa. Tổ chức các hội thi, hội thảo, tham quan thực tế... để sinh viên có cơ hội mở rộng kiến thức, rèn luyện kỹ năng và phát triển tư duy sáng tạo.

Việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu giúp sinh viên khám phá sâu hơn về chủ đề được học, hiểu rõ hơn về các khía cạnh, mối liên hệ và ứng dụng vào thực tiễn của tri thức lý luận chính trị. Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu khuyến khích họ tìm kiếm thông tin, xác minh nguồn gốc và đánh giá tính đúng đắn của thông tin, phát triển kỹ năng tư duy phân tích, tổ chức thông tin, đặt ra các câu hỏi đa dạng. Tự học, tự nghiên cứu thường liên quan đến làm việc nhóm và trao đổi ý kiến. Sinh viên có thể học cách làm việc cùng nhau, chia sẻ thông tin và đóng góp vào quá trình học tập chung.

Việc liên hệ thực tế trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị có vai trò rất quan trọng. Phương pháp này giúp sinh viên hiểu sâu hơn về lý thuyết, nhớ lâu và hiểu rõ hơn về sự biểu hiện của các khái niệm, phạm trù trong môi trường thực tế, về giới hạn và điều kiện áp dụng của chúng. Khi sinh viên thấy được cách tri thức lý luận chính trị có thể áp dụng vào các tình huống thực tế, họ sẽ phát triển khả năng tư duy logic và khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống. Nó cung cấp cho sinh viên cơ hội thực tập, nghiên cứu, trải nghiệm thực tế để vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề chính trị cụ thể. Sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn vừa là nhận thức luận vừa là phương pháp luận khoa học. Để giảng dạy các môn Lý luận chính trị cho sinh viên hiệu quả, giảng viên phải thâm nhập sâu và bám sát thực tiễn, cập nhật thông tin, khai thác các nguồn tư liệu mới, đặc biệt phải bổ sung vào bài giảng những vấn đề thực tiễn có tính điển hình, phổ biến, đặc biệt là thực tiễn ngành học giáo dục mầm non. Điều này đòi hỏi giảng viên bằng nhiều phương tiện, biện pháp khác nhau, cập nhật thông tin từ thực tiễn một cách chính xác và mang tính thời sự. Đồng thời với đổi mới phương pháp giảng dạy, giảng viên cần phát huy cách ứng xử thân

thiện, gần gũi, nhiệt tình, vui vẻ, cởi mở, mềm dẻo với sinh viên trong quá trình giảng dạy. Đây cũng là một trong những yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng tới việc nâng cao hứng thú học tập các môn Lý luận chính trị của sinh viên.

2.3.3. Đổi mới cách kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đóng vai trò đặc biệt quan trọng, là khâu then chốt trong quá trình dạy học. Theo nguyên tắc giáo dục: “Nội dung nào thì hình thức và phương pháp đó”. Trong nhiều năm qua, việc kiểm tra, đánh giá các môn Lý luận chính trị ở Trường CĐSP Trung ương thường được tiến hành thông qua hình thức viết (tự luận), đề mở. Hình thức này về mặt ưu điểm là xóa bỏ hình thức đề đóng, học thuộc lòng, sinh viên chỉ cần học hiểu, nắm bản chất vấn đề, tăng cường phát huy tính tích cực, tự giác của sinh viên trong quá trình học, tăng khả năng liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn đất nước, địa phương sinh sống và hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn của bản thân các em. Tuy nhiên, hạn chế của hình thức này là một bộ phận sinh viên thiếu ý thức, mượn có được sử dụng tài liệu nên không tập trung học tập, kết quả thi học phần chưa cao, nhiều sinh viên phải học lại.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy đòi hỏi việc kiểm tra, đánh giá cũng phải được đổi mới cho phù hợp đồng thời khắc phục tối đa hạn chế của hình thức kiểm tra, đánh giá hiện tại. Cụ thể với điểm kiểm tra thường xuyên, giảng viên chủ động lựa chọn các hình thức đánh giá như cho điểm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, điểm phát biểu xây dựng bài, điểm thảo luận nhóm, thuyết trình theo nhóm... Cũng có thể dùng hình thức trắc nghiệm nhanh vì các câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm sẽ giúp sinh viên hứng thú hơn với các môn học thuộc lĩnh vực Lý luận chính trị.

Điểm kiểm tra, đánh giá định kỳ nên kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm và hình thức tự luận theo tỉ lệ 50/50 hoặc 70/30 tùy theo mục đích cần đánh giá nội dung nào. Nội dung tự luận nên tập trung vào các nội dung liên hệ, vận dụng để phát huy tính tích cực, tự giác và sáng tạo của sinh viên. Điểm thi kết thúc học phần vẫn nên sử dụng hình thức viết (tự luận), đề mở. Tuy nhiên, cần tăng cường phát huy tính tích cực, tự giác của sinh viên, khả năng vận dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn, phân tích những vấn đề thực tiễn đặt ra bằng cách giảm thang

điểm phân lý thuyết để tăng điểm phần vận dụng. Nếu trong quá trình học tập sinh viên đã được làm quen với việc gắn lý luận với thực tiễn, liên hệ, vận dụng... thông qua các phương pháp dạy học tích cực thì chắc chắn kết quả sẽ tốt hơn.

3. KẾT LUẬN

Việc rèn luyện tư duy sáng tạo cho sinh viên thông qua dạy học các môn Lý luận chính trị không chỉ là yêu cầu chung của đổi mới giáo dục mà còn là trách nhiệm của các cơ sở đào tạo giáo viên như Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Các môn Lý luận chính trị, nếu được giảng dạy bằng phương pháp phù hợp, hoàn toàn có thể trở thành môi trường lý tưởng để sinh viên thể hiện, phát triển và rèn luyện khả năng sáng tạo. Vì vậy, trong quá trình dạy học các môn Lý luận chính trị, bên cạnh nội dung, giảng viên cần chú trọng phương pháp để bảo đảm sinh viên vừa có được lập trường, quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; vừa tạo điều kiện cho sinh viên phát triển tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết cho môi trường làm việc sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1].Guilford, J. P. (1950), Creativity. *American Psychologist*.
- [2].Đảng CSVN, *Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*.
- [3].Trần Bá Hoàn (2011), *Giáo dục phát triển tư duy sáng tạo – Lý luận và thực tiễn*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4].Nguyễn Hữu Thái (2020), *Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo hướng phát triển năng lực*. Tạp chí Giáo dục Lý luận.
- [5].*Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*. <https://www.quanlynhanuoc.vn>, ngày 21/3/2024.
- [6].*Chuyển đổi số trong giảng dạy môn lý luận chính trị ở các cơ sở giáo dục đại học hiện nay*. <https://quanlynhanuoc.vn>, ngày 24/10/2023.

BIỆN PHÁP RÈN LUYỆN TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TƯƠNG TÁC

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà
Khoa Tiếng Anh
Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Trước yêu cầu đổi mới giáo dục đại học theo hướng phát triển năng lực, tư duy phản biện trở thành một năng lực cốt lõi cần được chú trọng ngay từ những năm đầu đại học. Đối với sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh, việc hình thành và phát triển tư duy phản biện không chỉ hỗ trợ việc học ngôn ngữ mà còn giúp thích ứng với yêu cầu học thuật và công việc sau này. Phương pháp giảng dạy tương tác là một cách tiếp cận hiệu quả để phát triển kỹ năng này. Bài viết đề xuất một số biện pháp tăng cường tư duy phản biện cho sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh thông qua phương pháp giảng dạy tương tác.

Từ khóa: Tư duy phản biện, phương pháp giảng dạy tương tác, tiếng Anh, biện pháp

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, khi mục tiêu đào tạo không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà còn hướng tới phát triển năng lực toàn diện cho người học, tư duy phản biện ngày càng được xem là một kỹ năng cốt lõi, đặc biệt đối với sinh viên ngành ngôn ngữ. Đối với sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Tiếng Anh, đây không chỉ là giai đoạn làm quen với môi trường học tập mới, mà còn là thời điểm quan trọng để hình thành nền tảng tư duy, phương pháp học tập và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ mang tính học thuật. Việc lồng ghép phát triển tư duy phản biện vào giảng dạy tiếng Anh bằng phương pháp giảng dạy tương tác không chỉ giúp sinh viên cải thiện kỹ năng ngôn ngữ mà còn từng bước hình thành năng lực tư duy độc lập, tự học và giao tiếp học thuật cho sinh viên.

Chính vì vậy, việc đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường tư duy phản biện cho sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh là hết sức cần thiết để định hướng phát triển năng lực học tập, nghiên cứu và thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai của sinh viên.

2.NỘI DUNG

2.1. Vai trò của tư duy phản biện trong học ngoại ngữ của sinh viên

Tư duy phản biện là quá trình suy nghĩ có phân tích, có đánh giá nhằm đưa ra những phán đoán hợp lý về một vấn đề, một thông tin hoặc một quan điểm cụ thể. Theo Paul và Elder (2014), tư duy phản biện là "nghệ thuật tư duy có kỷ luật để nâng cao chất lượng suy nghĩ của một người bằng cách phân tích, đánh giá và tái cấu trúc nó". Người có tư duy phản biện thường đặt ra câu hỏi, không dễ dàng chấp nhận thông tin mà không kiểm chứng, đồng thời biết lập luận, phân tích và phản hồi một cách logic, có cơ sở.

Trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ, tư duy phản biện đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực ngôn ngữ toàn diện. Khi sinh viên học một ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh một ngôn ngữ toàn cầu gắn liền với nhiều tình huống học thuật và xã hội, họ không chỉ học cấu trúc ngôn ngữ mà còn học cách sử dụng ngôn ngữ đó để tư duy, tranh luận, phản biện và thuyết phục. Những kỹ năng này đặc biệt cần thiết khi viết luận, trình bày quan điểm trong giao tiếp học thuật, hoặc tham gia vào các buổi thảo luận, thuyết trình.

Thực tế giảng dạy cho thấy sinh viên có kỹ năng tư duy phản biện thường biết cách lập luận chặt chẽ, dẫn chứng rõ ràng, biết tiếp nhận và phản biện ý kiến một cách có cơ sở. Ví dụ, trong một bài luận tiếng Anh về chủ đề *"Should students use smartphones in class?"* (Sinh viên có nên sử dụng điện thoại thông minh trong lớp không?), một sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh đã lập luận: *"Smartphones can help students look up vocabulary and check grammar quickly. But if students use phones too much, they will not listen to the teacher. So, smartphones should be used only for learning activities."* (Điện thoại thông minh có thể giúp sinh viên tra từ vựng và kiểm tra ngữ pháp một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, nếu học sinh sử dụng điện thoại quá nhiều, họ sẽ không lắng nghe giáo viên. Vì vậy, điện thoại thông minh chỉ nên được sử dụng cho các hoạt động học tập). Đoạn văn thể hiện được khả năng lập luận hai chiều, có nhận định cá nhân và kết luận rõ ràng, những yếu tố cốt lõi của tư duy phản biện.

Việc rèn luyện tư duy phản biện từ những năm đầu đại học giúp sinh viên không chỉ cải thiện kỹ năng học tiếng Anh mà còn hình thành phương pháp học tập chủ động, độc lập – đáp ứng yêu cầu đào tạo theo định hướng phát triển năng lực.

2.2. Phương pháp giảng dạy tương tác và khả năng thúc đẩy tư duy phản biện

Giảng dạy tương tác là một trong những phương pháp hiện đại lấy người học làm trung tâm, khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên vào quá trình học thông qua các hình thức như thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, phản biện ý kiến, đặt câu hỏi, học qua dự án... Trong lớp học tương tác, giảng viên không đóng vai trò truyền thụ kiến thức một chiều, mà là người điều phối, hướng dẫn và tạo điều kiện cho người học khám phá, trao đổi và xây dựng tri thức.

Phương pháp giảng dạy tương tác tạo điều kiện thuận lợi để tư duy phản biện phát triển một cách tự nhiên. Thông qua việc giải quyết các tình huống thực tế, đặt câu hỏi mở, tổ chức phản biện giữa các nhóm sinh viên, người học buộc phải suy nghĩ sâu, phân tích thông tin, đưa ra lập luận và đánh giá quan điểm của người khác. Ví dụ, giảng viên đưa ra chủ đề: *“Do you prefer living in the city or the countryside?”* (Em thích sống ở thành phố hơn hay ở nông thôn hơn?) và yêu cầu sinh viên làm việc theo cặp để thảo luận, mỗi người chọn một quan điểm đối lập và đưa ra ít nhất hai lý do ủng hộ ý kiến của mình. Một sinh viên chia sẻ: *“I like the countryside because it is quiet and peaceful. Also, the air is cleaner and there is less traffic. City is noisy and stressful.”* (Em thích vùng nông thôn vì nơi đó yên tĩnh và thanh bình. Ngoài ra, không khí cũng trong lành hơn và ít xe cộ hơn. Thành phố thì ồn ào và căng thẳng.). Trong ví dụ này, sinh viên đã bước đầu biết so sánh hai khía cạnh khác nhau, biết đưa ra lập luận hỗ trợ quan điểm, từ đó rèn luyện được tư duy phản biện bằng ngôn ngữ đích (tiếng Anh).

Khi giảng viên thiết kế các hoạt động lớp học mang tính tương tác như “Think–Pair–Share”, phản biện theo nhóm, phân tích tình huống thực tế hoặc tranh luận đa chiều, sinh viên không những nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp học thuật mà còn được rèn luyện tư duy phản biện qua từng hoạt động cụ thể. Điều này góp phần làm cho việc học ngoại ngữ trở nên sinh động, thực tiễn và gắn kết hơn với sự phát triển tư duy bậc cao của người học.

2.3. Biện pháp rèn luyện tư duy phản biện cho sinh viên năm nhất chuyên ngành tiếng Anh thông qua phương pháp giảng dạy tương tác hiện nay

2.3.1. Thiết kế bài giảng tích hợp hoạt động phát triển tư duy phản biện

Một trong những giải pháp phát triển tư duy phản biện cho sinh viên là thiết kế bài giảng tích hợp các hoạt động yêu cầu sinh viên phải động não, phân tích và phản biện thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức một chiều. Giảng viên cần định hướng bài học không chỉ tập trung vào ngữ pháp hay từ vựng, mà còn hướng đến việc kích thích khả năng lập luận, đưa ra quan điểm cá nhân và đánh giá thông tin của người học. Giảng viên tạo ra các tình huống giả định gắn gũi với đời sống sinh viên, từ đó yêu cầu các em phân tích và trình bày ý kiến bằng tiếng Anh. Ví dụ, trong bài học với chủ đề “Daily life and technology”, giảng viên có thể đưa ra tình huống: *“Your school is considering banning mobile phones. Do you agree or disagree? Why?”* (“Trường em đang xem xét việc cấm sử dụng điện thoại di động. Em có đồng ý hay không? Tại sao?”). Đây là một đề tài quen thuộc và có tính hai chiều, dễ gợi mở ý kiến cá nhân từ phía sinh viên. Giảng viên có thể bắt đầu bằng việc yêu cầu sinh viên làm việc cá nhân, tự suy nghĩ trong vài phút để hình thành quan điểm rõ ràng của mình. Sau đó, sinh viên sẽ viết một đoạn văn ngắn bằng tiếng Anh (khoảng 80–100 từ) trình bày ý kiến đồng tình hoặc phản đối, kèm theo ít nhất hai lý do và ví dụ minh họa để làm rõ lập luận.

Tiếp theo, sinh viên có thể được chia thành các nhóm nhỏ để thảo luận và so sánh các quan điểm khác nhau. Mỗi nhóm sẽ chọn một bạn đại diện trình bày ý kiến nhóm trước lớp, trong khi các nhóm khác có quyền chất vấn, phản biện hoặc đưa ra ý kiến bổ sung. Qua hoạt động này, sinh viên không chỉ rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp học thuật, mà còn được khuyến khích phát triển tư duy phản biện: xác định vấn đề, cân nhắc nhiều chiều, đưa dẫn chứng hợp lý và diễn đạt rõ ràng, có lập luận. Đây là một cách hiệu quả để tích hợp mục tiêu ngôn ngữ và năng lực tư duy trong cùng một bài học.

Ngoài ra, việc đặt các câu hỏi mở cũng là một kỹ thuật cần thiết để phát triển tư duy phản biện. Giảng viên có thể hỏi: *“What do you think will happen if*

students study only grammar but never speak English in class?”(*Em nghĩ điều gì sẽ xảy ra nếu sinh viên chỉ học ngữ pháp mà không nói tiếng Anh trong lớp?*) hoặc “*Can learning English change the way we think? Why or why not?*” (*Việc học tiếng Anh có thể thay đổi cách chúng ta suy nghĩ không? Tại sao?*). Những câu hỏi này không có đáp án cố định, đòi hỏi sinh viên phải suy nghĩ đa chiều và đưa ra quan điểm riêng. Quan trọng hơn, giảng viên nên khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi ngược lại cho bạn học hoặc giảng viên, từ đó hình thành thói quen phản biện tích cực và chủ động trong lớp học.

Như vậy, thông qua việc thiết kế các hoạt động mang tính chất mở, gắn với ngữ cảnh thực tế và có định hướng phát triển kỹ năng phản biện, bài giảng tiếng Anh không chỉ trở nên sinh động hơn mà còn góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển toàn diện năng lực người học.

2.3.2. Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ theo hướng tranh luận phản biện

Một giải pháp thiết thực khác giúp sinh viên rèn luyện tư duy phản biện trong lớp học tiếng Anh là tổ chức các hoạt động nhóm nhỏ theo hướng tranh luận phản biện. Giảng viên có thể chia lớp thành các nhóm có quan điểm trái ngược nhau về một chủ đề cụ thể, ví dụ như: “*Is online learning better than face-to-face learning*” (*Học trực tuyến có tốt hơn học trực tiếp không?*). Mỗi nhóm sẽ được phân công các vai trò rõ ràng như: nhóm ủng hộ và nhóm phản đối. Trong nhóm, từng sinh viên đảm nhiệm các vai trò như: người phát biểu lập luận, người phản biện đối phương, người ghi chú và tóm tắt, v.v. Thông qua quá trình chuẩn bị và tranh luận, sinh viên không chỉ phải tìm kiếm, sàng lọc và đánh giá thông tin mà còn phải trình bày ý kiến một cách logic, rõ ràng bằng tiếng Anh. Chẳng hạn, trong nhóm ủng hộ học trực tuyến, sinh viên có thể lập luận rằng việc học online linh hoạt về thời gian, tiết kiệm chi phí đi lại, dễ tiếp cận tài nguyên số. Trong khi đó, nhóm phản biện có thể đưa ra ý kiến rằng học trực tiếp giúp tăng tương tác xã hội, dễ tiếp thu nhờ ngôn ngữ cơ thể và giao tiếp mặt đối mặt. Việc phải bảo vệ quan điểm trước phản biện của nhóm khác sẽ thúc đẩy sinh viên lập luận chặt chẽ hơn và có khả năng điều chỉnh quan điểm khi cần thiết.

Sau phần tranh luận, giảng viên cần tổ chức phản hồi, chỉ ra điểm mạnh – điểm cần cải thiện của từng nhóm. Quan trọng hơn, giảng viên nên hướng dẫn sinh viên nhận diện các kỹ thuật lập luận hiệu quả, cách phản biện văn minh, và khuyến khích sự tôn trọng ý kiến khác biệt. Đây là một hình thức học tập tích cực, giúp sinh viên vừa nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh học thuật, vừa phát triển khả năng tư duy phản biện trong môi trường học đường.

2.3.3. Ứng dụng công nghệ hỗ trợ giảng dạy tương tác

Trong thời đại công nghệ số, việc ứng dụng các công cụ số vào giảng dạy tương tác có thể góp phần đẩy mạnh tư duy phản biện một cách hiệu quả và hấp dẫn. Giảng viên có thể tận dụng các nền tảng quản lý học tập như Moodle, Google Classroom hoặc Canvas để tổ chức các diễn đàn thảo luận trực tuyến. Tại đây, sinh viên được giao nhiệm vụ phản hồi bài viết của bạn học bằng tiếng Anh, đặt câu hỏi ngược lại hoặc đưa ra nhận xét có lập luận. Ví dụ, khi học bài có liên quan đến chủ đề bảo vệ môi trường, sinh viên có thể đăng quan điểm cá nhân về việc cấm túi ni-lông, sau đó các bạn khác sẽ phản hồi đồng tình hoặc phản đối với dẫn chứng cụ thể.

Bên cạnh đó, các công cụ tương tác trực tuyến như Padlet hay Mentimeter cũng có thể được sử dụng để tạo môi trường trao đổi mở. Sinh viên có thể đăng câu hỏi, chia sẻ ý kiến ẩn danh hoặc bình chọn ý tưởng, từ đó giúp hình thành sự đa dạng trong cách nhìn nhận vấn đề. Các trò chơi trực tuyến như Kahoot hoặc Quizizz còn giúp kiểm tra nhanh mức độ hiểu bài theo hình thức trắc nghiệm vui nhộn, qua đó tạo động lực học tập và khơi gợi tư duy phản biện trong những câu hỏi tình huống.

Đặc biệt, việc khuyến khích sinh viên thử nghiệm các công cụ trí tuệ nhân tạo như ChatGPT có thể mang lại lợi ích đáng kể. Sinh viên có thể dùng ChatGPT để luyện viết luận, kiểm tra lập luận trong bài viết, hoặc hỏi phản biện ngược lại từ công cụ. Ví dụ, một sinh viên viết đoạn văn về việc nên cấm xe máy trong thành phố, sau đó yêu cầu ChatGPT phản biện lại để luyện kỹ năng nhìn nhận đa chiều. Tuy nhiên, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên sử dụng

công nghệ một cách có chọn lọc, sáng suốt và kết hợp với tư duy cá nhân, tránh việc phụ thuộc hoặc sao chép máy móc.

2.3.4. Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực tư duy phản biện trong các học phần tiếng Anh

Để phát triển tư duy phản biện một cách bền vững, hệ thống và có định hướng rõ ràng, việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với từng kỹ năng ngôn ngữ là điều cần thiết. Những tiêu chí này không chỉ giúp giảng viên theo dõi tiến trình học tập của sinh viên một cách khách quan mà còn giúp sinh viên hiểu rõ kỳ vọng học tập và điều chỉnh cách thể hiện tư duy của mình trong quá trình sử dụng tiếng Anh.

Trong các hoạt động như viết luận (*writing*) và thuyết trình (*speaking*), giảng viên nên xây dựng bảng tiêu chí cụ thể để đánh giá các yếu tố như: tính logic trong lập luận, mức độ thuyết phục, khả năng đưa ra ví dụ minh họa, phân tích đa chiều và khả năng sử dụng ngôn ngữ học thuật. Ví dụ, với một bài viết tiếng Anh về chủ đề “*Social media does more harm than good*” (*Mạng xã hội gây hại nhiều hơn lợi*), Trước hết, bài viết cần có luận điểm rõ ràng, được thể hiện qua câu chủ đề ở phần mở bài, giúp người đọc hiểu ngay quan điểm của người viết là đồng ý hay phản đối. Tiếp theo, mỗi luận điểm cần được hỗ trợ bằng dẫn chứng phù hợp và thuyết phục, chẳng hạn như số liệu nghiên cứu, ví dụ thực tế hoặc các lập luận logic, tránh việc nêu ý kiến một cách chung chung.

Về mặt bố cục, bài viết cần có sự trình bày mạch lạc, các đoạn văn được sắp xếp hợp lý, sử dụng từ nối liên kết rõ ràng để đảm bảo tính logic trong lập luận. Một tiêu chí không thể thiếu là khả năng phản biện đối lập: người viết cần đề cập đến quan điểm trái chiều và đưa ra lập luận để phản bác hoặc giải thích nhằm củng cố quan điểm của mình.

Cuối cùng, bài viết cần sử dụng chính xác ngôn ngữ học thuật, với vốn từ vựng phù hợp chủ đề xã hội, tránh dùng ngôn ngữ giao tiếp thông thường, đồng thời áp dụng linh hoạt các cấu trúc câu phức và câu ghép. Việc áp dụng các tiêu chí này không chỉ giúp sinh viên nâng cao kỹ năng viết luận mà còn rèn luyện năng lực tư duy phản biện một cách hệ thống và hiệu quả.

Ngoài ra, với các kỹ năng *Listening- Reading (Nghe- Đọc)*, tư duy phản biện cũng cần được lồng ghép thông qua các tiêu chí như: khả năng xác định ý chính và chi tiết quan trọng, nhận diện quan điểm tác giả, đánh giá độ tin cậy của thông tin, và đặt câu hỏi phản biện. Ví dụ, sau một bài nghe về biến đổi khí hậu, thay vì chỉ trả lời câu hỏi thông tin đơn thuần, sinh viên có thể được yêu cầu đánh giá quan điểm của người nói, phân tích mức độ thuyết phục của lập luận hoặc đề xuất quan điểm thay thế. Tương tự, với kỹ năng đọc, sinh viên có thể được yêu cầu xác định mục đích của tác giả, phát hiện sự thiên lệch trong văn bản hoặc phản biện một ý kiến được nêu ra. Việc thiết kế hệ thống tiêu chí đánh giá tích hợp cả năng lực ngôn ngữ và tư duy phản biện sẽ giúp đảm bảo sinh viên không chỉ học để sử dụng tiếng Anh mà còn biết suy nghĩ, lý luận và phản biện bằng tiếng Anh – một bước quan trọng trong việc hình thành người học chủ động, sáng tạo và hội nhập hiệu quả trong môi trường học thuật và nghề nghiệp quốc tế.

Việc đánh giá không nên chỉ dừng lại ở sản phẩm cuối cùng như bài kiểm tra giữa kỳ hay cuối kỳ, mà cần đánh giá cả quá trình học tập và khả năng tương tác trong lớp. Ví dụ, sinh viên tích cực đặt câu hỏi, tham gia tranh luận, phản hồi bạn học bằng tiếng Anh trong giờ học hoặc trên diễn đàn trực tuyến cũng nên được ghi nhận như một phần điểm quá trình. Cách đánh giá toàn diện như vậy sẽ góp phần khuyến khích sinh viên chủ động học tập, tự tin thể hiện quan điểm và dần hình thành tư duy phản biện trong môi trường học tập tiếng Anh.

3. KẾT LUẬN

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng việc phát triển tư duy phản biện cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh cần được triển khai một cách có hệ thống, thông qua những giải pháp thiết thực, phù hợp với đặc điểm người học và định hướng nghề nghiệp sau này. Tuy nhiên, để các giải pháp trên phát huy hiệu quả bền vững, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa đội ngũ giảng viên và chính sinh viên. Giảng viên cần đổi mới tư duy dạy học, cập nhật phương pháp sư phạm hiện đại; sinh viên cần chủ động tham gia, vượt qua tâm lý ngại nói, ngại sai để rèn luyện tư duy phản biện như một thói quen học tập

tích cực. Chỉ khi tư duy phản biện được nuôi dưỡng một cách thường xuyên, nhất quán và có định hướng ngay từ những học phần đầu tiên, các sinh viên năm thứ nhất ngành Tiếng Anh mới thực sự được trang bị nền tảng vững chắc để học tập hiệu quả, phát triển kỹ năng ngôn ngữ, và thích ứng tốt với những yêu cầu thực tế trong công việc sử dụng tiếng Anh sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Brookfield, S. D. (2012), *Teaching for critical thinking: Tools and techniques to help students question their assumptions*. Jossey-Bass.
- [2]. Nguyen, H. T. (2020), *Phát triển tư duy phản biện cho sinh viên trong dạy học đại học theo hướng tiếp cận năng lực*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, 178(1), 23–29.
- [3]. Paul, R., & Elder, L. s(2014), *The miniature guide to critical thinking: Concepts and tools* (7th ed.). Foundation for Critical Thinking.
- [4]. Trần Thị Hồng Liên. (2018), *Ứng dụng phương pháp dạy học tương tác trong phát triển kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Đà Nẵng, 15(10), 45–52.
- [5]. Vũ Thị Phương Anh. (2021). *Nâng cao năng lực tư duy phản biện cho sinh viên thông qua hoạt động thảo luận nhóm trong giảng dạy học phần tiếng Anh chuyên ngành*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, 120–125.

MÔ HÌNH SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC ĐA CHIỀU - NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHÊ PHÁN VÀ TỐI ƯU HÓA HỌC TẬP CÁ NHÂN

ThS.BS. Đặng Thị Thu Hà
Khoa Giáo dục mầm non
Trường CĐSP Trung ương
Học viên cao học:

Phạm Huyền Diệp

Khoa Tâm lý giáo dục
Học viện Quản lý Giáo dục

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục và sự chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình đào tạo dựa trên năng lực cốt lõi, việc thay thế phương pháp truyền thụ một chiều là cấp thiết. Nghiên cứu tổng quan này làm sâu sắc cơ sở lý luận về mô hình sự phạm tương tác, tập trung làm rõ cơ chế mà phương pháp này tác động đến sự hình thành tư duy phê phán và sự thúc đẩy học tập cá nhân hóa. Từ đó, bài báo tái khẳng định vai trò trung tâm của tương tác đối với việc nâng cao năng lực toàn diện cho người học. Dựa trên việc tổng hợp các khung lý thuyết quốc tế và thực tiễn giáo dục trong nước, chúng tôi đề xuất một Mô hình ba tầng tương tác chi tiết, được thiết kế để áp dụng trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam. Kết quả này cung cấp luận cứ học thuật và định hướng triển khai thực tiễn cho các nhà giáo dục trong quá trình hiện đại hóa phương pháp giảng dạy, góp phần tạo ra thế hệ người học có khả năng thích ứng và kiến tạo tri thức cao.

Từ khóa: mô hình sự phạm tương tác, tư duy phê phán, học tập cá nhân hóa, phát triển năng lực, công nghệ giáo dục, Mô hình ba tầng tương tác đa chiều.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xu thế cải cách giáo dục toàn cầu, và đặc biệt là tại Việt Nam, đã được định hình bởi sự dịch chuyển mô hình sự phạm: từ triết lý "người dạy là trung tâm" sang "người học là chủ thể". Mục tiêu cuối cùng của sự chuyển dịch này là phát triển năng lực, tập trung nuôi dưỡng các kỹ năng sống còn cũng như năng lực tự học, kỹ năng tư duy bậc cao và phẩm chất cá nhân, nhằm chuẩn bị cho người học hội nhập thị trường lao động toàn cầu. Tuy nhiên, thực trạng giảng dạy tại nhiều cơ sở vẫn duy trì sự thụ động của người học, thiếu hụt các kỹ năng phân tích, tổng hợp và phê phán, đồng thời ít tạo điều kiện để cá nhân hóa trải nghiệm học tập theo sự khác biệt của từng người học.

Sự phạm tương tác (Interactive Pedagogy) được giới học thuật xem là phương pháp tối ưu để giải quyết những hạn chế này. Bằng cách thiết lập một môi trường đối thoại, hợp tác và phản hồi liên tục, tương tác không chỉ kích thích sự tham gia bề mặt mà còn thúc đẩy sự tham gia nhận thức sâu (cognitive engagement). Các công trình nghiên cứu nổi bật đã chứng minh rằng tương tác là yếu tố cốt lõi để phát triển tư duy phức tạp (Chi & Wylie, 2014; Prince, 2004).

Bài viết này thực hiện ba nhiệm vụ chính: (1) Hệ thống hóa cơ sở lý luận về sự phạm tương tác và vai trò của nó; (2) Phân tích cơ chế tác động chi tiết của tương tác đối với Tư duy Phê phán và Học tập Cá nhân hóa; (3) Đề xuất Mô hình ba tầng tương tác đa chiều cùng quy trình triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn của giáo dục đại học Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Sự phạm tương tác:

Giảng dạy tương tác là một quá trình sự phạm năng động, trong đó tri thức được kiến tạo thông qua sự trao đổi liên tục giữa các chủ thể. Moore (1989) đã đưa ra khuôn khổ phân loại các loại hình tương tác cơ bản, được coi là nền tảng của các phương pháp học tập tích cực (active learning):

Tương tác Người học – Người dạy (L - I): Là hình thức đối thoại truyền thống nhưng có tính chất hai chiều. Tương tác L-I hiện đại tập trung vào việc cung cấp phản hồi mang tính xây dựng (constructive feedback) và định hướng học thuật cá nhân.

Tương tác Người học – Người học (L - L): Là trụ cột của học tập hợp tác (collaborative learning). Hình thức này giúp người học thương lượng ý nghĩa, giải quyết xung đột ý kiến và phát triển kỹ năng xã hội.

Tương tác Người học – Nội dung (L - C): Là sự tham gia sâu vào tài liệu học tập, không chỉ là ghi nhớ mà là phân tích, tổng hợp, và áp dụng. Tương tác này được tối ưu hóa qua các hoạt động thực hành, thí nghiệm, hoặc giải quyết vấn đề.

Tương tác Người học – Công nghệ (L - T): Sự tương tác với các công cụ kỹ thuật số như nền tảng học tập trực tuyến (LMS), hệ thống mô phỏng và công

cụ phản hồi tức thì (instant polling). Đây là hình thức quan trọng nhất trong việc thúc đẩy cá nhân hóa và mở rộng không gian học tập.

Sự phạm tương tác đặc biệt chú trọng đến sự tham gia tích cực, sự hợp tác và phản hồi tức thời và liên tục giữa các chủ thể.

2.1.2. Tư duy phê phán và môi trường phát triển

Tư duy phê phán là một tập hợp các kỹ năng và khuynh hướng tư duy. Facione (2015) xác định sáu kỹ năng cốt lõi: phân tích (Analysis), diễn giải (Interpretation), suy luận (Inference), đánh giá (Evaluation), giải thích (Explanation) và tự điều chỉnh (Self-Regulation).

Các nghiên cứu cho thấy: để phát triển các kỹ năng này, người học cần được đặt trong một môi trường giàu tính thử thách và đối thoại. Lý thuyết về học tập xã hội của Vygotsky nhấn mạnh tầm quan trọng của tương tác trong vùng phát triển gần nhất (Zone of Proximal Development - ZPD). Thông qua tương tác với đồng nghiệp và giảng viên, người học có thể thực hiện được các thao tác tư duy phức tạp hơn mức họ có thể làm một mình. Đây chính là bối cảnh mà tư duy phê phán được rèn luyện và củng cố.

2.1.3. Học tập cá nhân hóa:

Học tập cá nhân hóa không chỉ là cung cấp các lựa chọn mà là việc điều chỉnh toàn bộ quá trình học tập (mục tiêu, tốc độ, tài nguyên, đánh giá) để khớp với hồ sơ học tập (learner profile) độc nhất của từng cá nhân (Pane et al., 2015).

Công nghệ là yếu tố xúc tác cho cá nhân hóa ở quy mô lớn. Các hệ thống học tập thích ứng (Adaptive Learning Systems - ALS) sử dụng thuật toán để phân tích dữ liệu tương tác (Tầng 3) của người học, từ đó điều chỉnh nội dung theo thời gian thực. Theo lý thuyết về "Phân nhánh và lặp lại" (Branching and Iteration), ALS đảm bảo người học luôn nhận được tài liệu ở độ khó tối ưu, ngăn chặn cả sự nhàm chán (khi quá dễ) và sự nản lòng (khi quá khó), từ đó tối đa hóa hiệu quả học tập (Walkington, 2013).

2.2. Cơ chế tác động của sự phạm tương tác

Sự phạm tương tác là cơ chế kép, đồng thời thúc đẩy chất lượng tư duy và cá nhân hóa quá trình học tập.

2.2.1. Tối ưu hóa tư duy phê phán qua phản hồi nhận thức

Cơ chế chính mà tương tác sử dụng để phát triển tư duy phê phán là thông qua việc tạo ra các vòng lặp phản hồi nhận thức (Ennis, 2011).

Trao đổi và đối kháng lập luận: Trong các hoạt động như tranh luận hoặc phân tích tình huống phức tạp, người học bị buộc phải vượt ra khỏi quan điểm cá nhân để xem xét đa chiều. Sự đối kháng ý kiến này buộc họ phải phân tích cấu trúc lập luận và đánh giá độ tin cậy của bằng chứng. Đây chính là các kỹ năng cốt lõi của tư duy phê phán.

Phê bình đồng đẳng: Khi người học phê bình bài làm của nhau, họ không chỉ là người đánh giá mà còn là người học. Quá trình này rèn luyện kỹ năng diễn giải và kỹ năng tự điều chỉnh, bởi lẽ họ học được cách nhìn nhận lỗi sai của mình thông qua việc nhận diện lỗi sai của người khác.

Kỹ thuật đặt câu hỏi sâu: Giảng viên sử dụng tương tác L-I để đặt các câu hỏi mở, thúc đẩy suy nghĩ vượt ra khỏi ZPD (Ví dụ: "Tại sao bạn nghĩ vậy?", "Giả sử tình huống thay đổi thì kết quả có khác không?"). Các câu hỏi này không cho phép câu trả lời đơn giản, buộc người học phải sử dụng kỹ năng suy luận.

2.2.2. Cá nhân hóa quy mô lớn thông qua công nghệ tương tác

Tương tác L-T và L-I được hỗ trợ bởi công nghệ là chìa khóa để triển khai cá nhân hóa trong bối cảnh lớp học sĩ số lớn.

Thu thập dữ liệu tức thời: Công cụ tương tác trực tuyến (như các hệ thống bình chọn, câu đố nhanh) cho phép giảng viên thu thập dữ liệu về mức độ hiểu bài và lỗ hổng kiến thức của toàn bộ lớp học trong thời gian thực. Điều này khác biệt hoàn toàn với đánh giá truyền thống với khả năng cung cấp dữ liệu chậm trễ và bị giới hạn.

Phân nhánh lộ trình học tập: Dựa trên kết quả tương tác, các phong cách học tập thích hợp với mỗi cá nhân có thể tự động phân nhánh. Ví dụ: những sinh viên trả lời đúng 90% câu hỏi lý thuyết sẽ được chuyển sang bài tập ứng dụng phức tạp hơn, trong khi những người gặp khó khăn sẽ được cung cấp tài

liệu bổ sung hoặc video giải thích chi tiết hơn. Điều này đảm bảo mỗi cá nhân học theo tốc độ và phong cách tối ưu và phù hợp với mình.

Phản hồi sâu cá nhân hóa: Thay vì phản hồi chung chung, hệ thống tương tác hiện đại cung cấp phản hồi vi mô dựa trên lỗi sai cụ thể. Điều này giúp người học hiểu rõ tại sao họ sai, chứ không chỉ là họ đã sai.

2.2.3. Tăng cường năng lực toàn diện

Giảng dạy tương tác tạo ra một môi trường học tập phản ánh thực tiễn công việc. Các năng lực được phát triển bao gồm:

Năng lực hợp tác: Hoạt động tương tác L - L rèn luyện khả năng làm việc nhóm, phân công vai trò, quản lý tài nguyên và tổng hợp ý tưởng, vốn là các kỹ năng được đòi hỏi cao nhất trong môi trường chuyên nghiệp.

Năng lực giao tiếp và thuyết trình: Yêu cầu phải trình bày, bảo vệ quan điểm trước lớp giúp người học phát triển khả năng diễn đạt rõ ràng, mạch lạc và thuyết phục.

Năng lực học tập tự chủ: Khả năng tự điều chỉnh tiến độ, tự lựa chọn tài nguyên và đánh giá quá trình học tập của bản thân là minh chứng cho năng lực tự học.

2.3. Ứng dụng mô hình tương tác sư phạm đa chiều trong giảng dạy

2.3.1. Mối quan hệ cộng sinh giữa tương tác và cá nhân hóa

Tương tác và cá nhân hóa không phải là hai mục tiêu riêng biệt mà có mối quan hệ cộng sinh. Tương tác cung cấp các điểm chạm sư phạm nơi dữ liệu về sự khác biệt cá nhân được bộc lộ, cho phép cá nhân hóa chính xác hơn. Ngược lại, khi người học cảm thấy nội dung phù hợp với nhu cầu của mình, động lực và mức độ tham gia tương tác của họ sẽ tăng lên đáng kể (Chi & Wylie, 2014).

2.3.2. Những thách thức thực tiễn trong giáo dục Việt Nam

Mặc dù có tiềm năng to lớn, việc áp dụng sư phạm tương tác tại Việt Nam vẫn gặp nhiều rào cản mang tính hệ thống:

Hạn chế về thời gian và sĩ số: Lớp học đông sinh viên và áp lực hoàn thành chương trình thường khiến giảng viên khó dành đủ thời gian để thiết kế

và quản lý các hoạt động tương tác phức tạp, cũng như cung cấp phản hồi cá nhân chuyên sâu.

Thói quen học tập thụ động: Nhiều người học đã quen với phương pháp truyền thụ một chiều, dẫn đến tâm lý e ngại, thụ động khi được yêu cầu tham gia tranh luận hay phản biện.

Thiếu hệ thống công nghệ đồng bộ: Mặc dù nhiều trường có LMS, nhưng khả năng tích hợp các công cụ hỗ trợ tương tác đa chiều (ví dụ: hệ thống đánh giá ngang hàng tự động, công cụ lập bản đồ tư duy số) vẫn còn rời rạc, làm giảm hiệu quả của Tầng tương tác công nghệ.

2.3.3. Mô hình ba tầng tương tác đa chiều

Để vượt qua những thách thức này, cần ứng dụng Mô hình ba tầng tương tác đa chiều, tập trung vào việc tích hợp liền mạch giữa sự phạm truyền thống, hoạt động nhóm và công nghệ.

Tầng	Tên tầng	Trọng tâm sự phạm	Công cụ ứng dụng tiêu biểu	Kết quả năng lực
Tầng 1	Tương tác nhận thức	Kích hoạt tư duy bậc cao, phân tích và suy luận cá nhân.	Kỹ thuật đặt câu hỏi Socratic, phiếu bài tập tư duy cá nhân, viết nhật ký học tập.	Tư duy phê phán, tự điều chỉnh.
Tầng 2	Tương tác xã hội	Xây dựng kiến thức thông qua hợp tác, thương lượng và phản biện ngang hàng.	Tranh luận có cấu trúc, Phân tích tình huống nhóm, Đóng vai giải quyết xung đột.	Hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề.
Tầng 3	Tương tác công nghệ	Tối ưu hóa cá nhân hóa, quản lý dữ liệu và phản hồi tự động.	LMS, Công cụ kiểm tra tức thời (Kahoot/Mentimeter),	Tự chủ học tập, kỹ năng số, cá nhân hóa.

2.3.4. Quy trình năm bước triển khai mô hình

Để đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn giảng dạy, quy trình triển khai cần rõ ràng và hệ thống:

Bước 1. Chuẩn bị: Sử dụng Tầng 3 (LMS/công nghệ) để giao nội dung học trước. Thực hiện bài kiểm tra ngắn (quiz) để thu thập dữ liệu ban đầu về khoảng cách kiến thức.

Bước 2. Khởi động và gọi mở: Bắt đầu bằng một hoạt động tương tác Tầng 1 (câu hỏi gọi mở Socratic) để kích hoạt kiến thức nền và xác định mục tiêu bài học.

Bước 3. Tổ chức tương tác chuyên sâu: Giảng viên chuyển sang Tầng 2 (hoạt động nhóm) để giải quyết một vấn đề phức tạp. Tầng 3 được sử dụng để quản lý tiến độ nhóm và ghi nhận đóng góp cá nhân (Ví dụ: sử dụng Google Docs/Miro để theo dõi sự tham gia).

Bước 4. Tổng hợp và phản tư: Giảng viên thực hiện tương tác L - I và L - C (Tầng 1) để tổng hợp các kết luận, sửa lỗi và khái quát hóa kiến thức. Yêu cầu người học thực hiện phản tư về những gì họ đã học và làm được.

Bước 5. Cá nhân hóa hoạt động tiếp nối: Dựa trên dữ liệu từ Tầng 3 (kết quả quiz và sự tham gia nhóm), giảng viên phân loại và giao nhiệm vụ bổ sung, khác biệt hóa theo nhu cầu, hoàn thành mục tiêu cá nhân hóa.

3. KẾT LUẬN

Sự phạm tương tác là một yêu cầu tất yếu trong kỷ nguyên giáo dục phát triển năng lực, đóng vai trò then chốt trong việc tạo ra một thể hệ người học không chỉ có kiến thức mà còn sở hữu tư duy phê phán sắc bén và khả năng tự chủ học tập cao thông qua cá nhân hóa. Việc chuyển đổi sang mô hình này đòi hỏi sự đầu tư đồng bộ vào đào tạo giảng viên (nâng cao kỹ năng quản lý tương tác và sử dụng công nghệ) và cơ sở hạ tầng số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu nước ngoài

[1]. Bonwell,C.C., & Eison,J.A.(1991), *Active learning: Creating excitement in the classroom*. ASHE-ERIC Higher Education Report.

[2]. Chi,M. T., & Wylie, R. (2014), The ICAP framework: Linking cognitive engagement to active learning outcomes. *Educational Psychologist*, 49(4), 219–243.

[3]. Ennis, R.H. (2011), *The nature of critical thinking: An outline of critical thinking dispositions and abilities*. University of Illinois.

[4]. Facione, P.A.(2015), *Critical thinking: What it is and why it counts*. Insight Assessment.

[5]. Mayer,R.E.(2009), *Multimedia learning*(2nd ed.). Cambridge University Press.

[6]. Moore, M.G.(1989), Three types of interaction. *American Journal of Distance Education*, 3(2), 1–7.

[7]. Pane, J. F.,Steiner,E.D., Baird,M.D., & Hamilton,L.S. (2015), *Continued progress: Promising evidence on personalized learning*. RAND Corporation.

[8]. Paul, R., & Elder, L. (2014), *The Miniature Guide to Critical Thinking Concepts and Tools*. Foundation for Critical Thinking.

[9]. Prince, M. (2004), Does active learning work? A review of the research. *Journal of Engineering Education*, 93(3), 223–231.

[10].Walkington,C.(2013), Using adaptive learning technologies to personalize instruction: The role of student interest. *Journal of Educational Psychology*, 105(4), 932–945.

Tài liệu trong nước

[1]. Nguyễn Thị Phương Hoa (2021). *Học tập cá nhân hóa trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 21(8), 3–10.

[2]. Trần Bá Hoành (2015). *Đổi mới phương pháp dạy học: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Giáo dục Việt Nam

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP SKETCHNOTE TRONG TỔ CHỨC TRÒ CHƠI HỌC TẬP CHO TRẺ MẪU GIÁO

ThS. Vũ Hoàng Vân

ThS. Lê Thị Hương Giang

Khoa Giáo dục Mầm non

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển năng lực người học, việc vận dụng các phương pháp dạy học trực quan, sáng tạo và tăng cường trải nghiệm cho trẻ đang trở thành yêu cầu cấp thiết. Sketchnote - một phương pháp ghi chú trực quan kết hợp chữ viết, hình vẽ, ký hiệu và các yếu tố đồ họa - đã được chứng minh có khả năng hỗ trợ phát triển tư duy, trí nhớ, khả năng lập kế hoạch và kỹ năng diễn đạt của trẻ. Bài báo tập trung phân tích cơ sở lý luận của phương pháp Sketchnote và trò chơi học tập, đánh giá thực trạng ứng dụng Sketchnote trong hoạt động giáo dục mầm non, từ đó đề xuất quy trình vận dụng Sketchnote trong tổ chức trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo. Kết quả cho thấy, Sketchnote không chỉ góp phần giúp trẻ lĩnh hội nhiệm vụ chơi dễ dàng hơn mà còn làm tăng mức độ chủ động, hứng thú và sự sáng tạo của trẻ trong quá trình tham gia trò chơi.

Từ khóa: Sketchnote, trò chơi học tập, giáo dục mầm non, tư duy trực quan, phương pháp giáo dục.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục mầm non hiện nay đang đặt trọng tâm vào phát triển năng lực và phẩm chất cho trẻ thông qua các hoạt động trải nghiệm đa dạng, trong đó “học qua chơi” là định hướng xuyên suốt. Trò chơi học tập giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực nhận thức, ngôn ngữ, tư duy logic, khả năng hợp tác và nhiều kỹ năng nền tảng khác cho trẻ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc tổ chức trò chơi còn mang tính lặp lại, chưa tạo nhiều cơ hội để trẻ chủ động tham gia.

Với định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) không ngừng chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục mầm non theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của trẻ. Theo Công văn hướng dẫn nhiệm vụ GDMN năm học 2023-2024, Bộ GD&ĐT yêu cầu các cơ sở giáo dục mầm non “đổi mới phương thức tổ chức hoạt động, tăng cường ứng dụng các hình thức trải nghiệm, sáng tạo, lấy trẻ làm trung tâm” trong quá trình dạy học. Bên cạnh đó, trong bối cảnh triển khai thử nghiệm chương trình Giáo dục mầm non mới, Bộ GD&ĐT đã dành nhiều chỉ đạo cho việc chuẩn bị điều kiện cơ sở

vật chất, đội ngũ giáo viên, cũng như phát triển năng lực sư phạm hiện đại cho giáo viên mầm non. Trong Công văn số 4828/BGDĐT-GDMN, từ năm học 2025-2026, các địa phương được yêu cầu “chuẩn bị điều kiện để triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới, sẵn sàng về nguồn lực, năng lực đội ngũ giáo viên” để đáp ứng yêu cầu dạy học đổi mới [2].

Trong khi đó, Sketchnote - một phương pháp ghi chú trực quan do Mike Rohde phát triển - đã chứng minh hiệu quả trong việc giúp người học ở nhiều độ tuổi tư duy tốt hơn, ghi nhớ sâu hơn và trình bày ý tưởng mạch lạc hơn thông qua sự kết hợp linh hoạt giữa chữ viết và hình ảnh. Với đặc trưng tư duy trực quan của trẻ mầm non, Sketchnote hoàn toàn phù hợp để đưa vào hoạt động giáo dục, đặc biệt là trong tổ chức trò chơi học tập.

Thực tiễn giáo dục mầm non cho thấy, nhu cầu phát triển các năng lực trí tuệ nền tảng ở trẻ như quan sát, so sánh, phân tích, lập kế hoạch ngày càng trở nên cấp thiết. Những năng lực này là tiền đề quan trọng giúp trẻ chuẩn bị tốt hơn cho việc học ở bậc học cao hơn, đồng thời phù hợp với mục tiêu “học qua chơi” được nhấn mạnh trong chương trình giáo dục mầm non. Tuy nhiên, nhiều hoạt động trò chơi học tập hiện nay vẫn chủ yếu mang tính lặp lại, mô phỏng và chưa khai thác hết tiềm năng của trẻ trong việc tư duy sáng tạo, tổ chức ý tưởng. Tại các cơ sở mầm non, phương pháp này còn mới mẻ; giáo viên thiếu tài liệu hướng dẫn, thiếu kỹ năng thiết kế sơ đồ trực quan và chưa có quy trình vận dụng rõ ràng trong các hoạt động dạy học. Do đó, cần thiết xây dựng một nghiên cứu bài bản để đề xuất cách thức vận dụng Sketchnote trong tổ chức trò chơi học tập nhằm góp phần đổi mới phương pháp giáo dục mầm non.

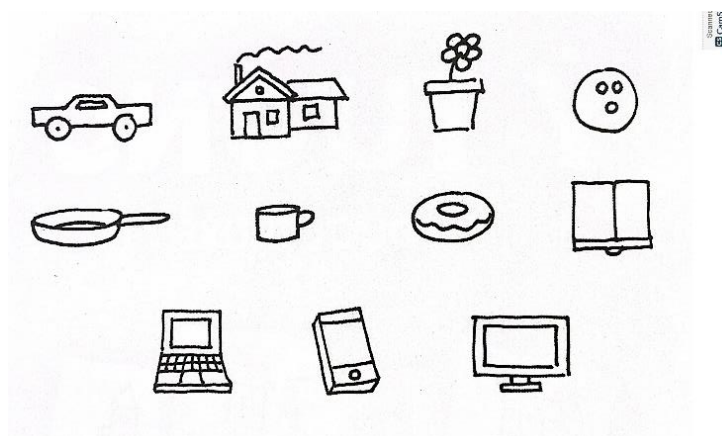
2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát về phương pháp Sketchnote

2.1.1. Khái niệm

Phương pháp Sketchnote (còn gọi là sketchnoting hay visual note-taking) là hình thức ghi chép trực quan, kết hợp giữa chữ viết tay và hình ảnh, ký hiệu, biểu tượng, mũi tên, khung thông tin nhằm ghi lại và tổ chức nội dung một cách sinh động, dễ hiểu và dễ ghi nhớ. Theo Mike Rohde (2023) “SketchNote là những ghi chú mang tính trực quan được tạo ra bởi sự kết hợp giữa chữ viết tay, hình vẽ, kiểu chữ viết tay, hình khối và các ký hiệu trực quan như mũi tên, hộp, đường thẳng”[10]. Bên cạnh đó, ông cũng đưa ra nhận định: “Đối với trẻ mầm non, trẻ luôn thể hiện các ý tưởng với sự thoải mái bằng các nét vẽ nguệch ngoạc, trẻ vẽ tất cả những gì mà trẻ tưởng tượng và không cần đắn đo, suy nghĩ. Khi trẻ vẽ thể hiện ý tưởng, trẻ không chú ý tới sự hoàn hảo của bức vẽ mà chỉ

cần thể hiện ý tưởng trên sản phẩm”. Các dạng hình vẽ cơ bản mà trẻ sử dụng đó là: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, đường thẳng, dấu chấm... Mọi thứ trẻ muốn vẽ đều có thể được tạo ra từ 5 ký tự ở trên.



Hình 1.1. Hình vẽ cơ bản trong Sketchnote

Khái niệm này được Mike Rohde mô tả Sketchnote như là "một phương pháp ghi chú bằng hình ảnh giúp thể hiện ý tưởng nhanh chóng, linh hoạt và mang tính cá nhân hóa cao". Khác với việc vẽ nghệ thuật, Sketchnote không yêu cầu kỹ năng mỹ thuật phức tạp mà tập trung vào việc truyền đạt ý tưởng thông qua các yếu tố thị giác như biểu tượng, mũi tên, khung, chữ viết tay và sơ đồ [5].

Có thể nhận ra rằng, khác với ghi chép truyền thống chủ yếu dựa vào văn bản tuyến tính, Sketchnote cho phép người học tự do thể hiện ý tưởng, mối quan hệ giữa các nội dung bằng bố cục không gian. Người thực hiện không cần có năng khiếu hội họa, bởi trọng tâm của Sketchnote là hiểu và thể hiện thông tin chứ không phải vẽ đẹp. Do đó, Sketchnote có thể được xem là một công cụ hỗ trợ phát triển tư duy sơ đồ hóa nói chung cho người học và cho trẻ mầm non nói riêng.

2.1.2. Mục tiêu của Sketchnote

Phương pháp Sketchnote được triển khai trong giáo dục mầm non nhằm hỗ trợ trẻ hình thành nền tảng tư duy trực quan và phát triển kỹ năng học tập một cách tự nhiên. Trước hết, Sketchnote giúp tăng cường quá trình tiếp nhận và ghi nhớ thông tin thông qua sự kết hợp giữa hình ảnh và chữ viết, từ đó kích hoạt đồng thời hai bán cầu não và nâng cao khả năng hiểu sâu nội dung. Bên cạnh đó, bố cục đặc trưng của Sketchnote cho phép trẻ tổ chức và hệ thống hóa kiến thức, hỗ trợ nhận diện nhanh mối quan hệ giữa các ý tưởng và hình thành cấu trúc tư duy rõ ràng ngay từ những năm đầu đời.

Phương pháp này còn hướng đến việc phát triển năng lực tư duy và khả năng sáng tạo. Khi lựa chọn ký hiệu, khái quát nội dung và biểu đạt thông tin bằng hình ảnh, trẻ được rèn luyện tư duy logic, khả năng phân tích và óc tưởng tượng. Đồng thời, quá trình ghi chép bằng Sketchnote đòi hỏi trẻ phải quan sát,

lắng nghe và xử lý thông tin liên tục, góp phần nâng cao mức độ tập trung và thúc đẩy sự tham gia tích cực trong các hoạt động học tập.

Ngoài ra, Sketchnote tạo ra một môi trường học tập nhẹ nhàng và giàu hứng thú, giúp giảm áp lực và khuyến khích trẻ yêu thích việc ghi chép cũng như khám phá tri thức. Vì mỗi bản Sketchnote được cấu thành từ suy nghĩ, kinh nghiệm và cách cảm nhận riêng của từng trẻ, phương pháp này còn góp phần tôn trọng sự khác biệt cá nhân, đồng thời khuyến khích trẻ bộc lộ bản thân qua những biểu đạt trực quan.

2.1.3. Quy trình thực hành Sketchnote

Bước 1: Chuẩn bị

Chuẩn bị dụng cụ: giấy trắng hoặc vở có chấm, bút dạ hoặc bút màu. Xác định bố cục tổng thể: bố cục tuyến tính, mô-đun, mạng lưới, trung tâm - tỏa nhánh (radial) tùy theo nội dung.

Bước 2: Quan sát và xử lý thông tin

Lắng nghe, đọc hoặc quan sát nội dung để nhận biết ý chính, từ khóa, mối liên hệ giữa các phần. Tư duy biểu tượng: lựa chọn hình ảnh hoặc ký hiệu đơn giản đại diện cho ý tưởng (ví dụ: bóng đèn cho “ý tưởng”, mũi tên cho “liên kết”).

Bước 3: Ghi chép - thể hiện

Viết tiêu đề rõ ràng, dùng từ khóa ngắn gọn. Kết hợp hình vẽ, ký hiệu, mũi tên, khung bao quanh ý chính. Sử dụng màu sắc để nhấn mạnh hoặc phân loại nội dung, nhưng không nên dùng quá nhiều màu. Bố trí không gian hợp lý, để lại khoảng trống để mắt dễ theo dõi.

Bước 4: Hoàn thiện và xem lại

Sau khi hoàn thành, xem lại bố cục, thêm biểu tượng hoặc ghi chú bổ sung nếu cần. Có thể tạo “từ điển biểu tượng cá nhân” để sử dụng lặp lại trong các bản ghi khác.

Bước 5: Chia sẻ và phản hồi

Việc giới thiệu sản phẩm Sketchnote giúp phát triển kỹ năng trình bày, giao tiếp và tư duy phản biện.

2.2. Khái quát về trò chơi học tập của trẻ mẫu giáo

2.2.1. Khái niệm

Trò chơi học tập (TCHT) là hình thức trò chơi mà trong quá trình tham gia, trẻ gián tiếp thực hiện các nhiệm vụ mang tính trí tuệ thông qua hoạt động chơi. Thông qua việc giải quyết nhiệm vụ trong trò chơi, trẻ được củng cố tri thức đã học, rèn luyện các kỹ năng nhận thức cơ bản và phát triển các năng lực hoạt động trí tuệ như quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp và khái quát hóa.

Như vậy, TCHT vừa đảm bảo chức năng “chơi” đúng bản chất của lứa tuổi mầm non, vừa thực hiện chức năng “học” một cách tự nhiên và hấp dẫn.

2.2.2. Ý nghĩa của trò chơi học tập đối với sự phát triển của trẻ

TCHT giữ vai trò đặc biệt trong việc phát triển trí tuệ và nhân cách trẻ mầm non. Thông qua quá trình tham gia TCHT, trẻ được củng cố và mở rộng tri thức, hình thành các biểu tượng mới và nâng cao vốn hiểu biết về thế giới xung quanh. Đồng thời, TCHT tạo cơ hội cho trẻ rèn luyện các thao tác tư duy cơ bản như quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp và khái quát hóa - những nền tảng quan trọng cho sự phát triển nhận thức của trẻ ở giai đoạn đầu đời [1].

TCHT cũng góp phần kích thích óc tò mò, ham hiểu biết; phát triển các giác quan, sự khéo léo, linh hoạt của hành động và khả năng định hướng trong không gian, thời gian. Song song đó, trẻ được tăng cường trí tưởng tượng, ngôn ngữ và khả năng tập trung chú ý, qua đó thúc đẩy sự phát triển toàn diện về nhận thức và tâm lý - tình cảm [3]. Mặt khác, các luật lệ và quy tắc trong trò chơi giúp trẻ hình thành những phẩm chất đạo đức và thói quen tốt như tính trung thực, việc tuân thủ nội quy, tinh thần tự lập và khả năng hợp tác.

Với tính hấp dẫn tự nhiên và phù hợp với đặc điểm phát triển của lứa tuổi mầm non, TCHT vừa đáp ứng nhu cầu chơi của trẻ vừa là một hình thức tổ chức học tập hiệu quả. Đồng thời, đây cũng là phương tiện quan trọng góp phần chuẩn bị cho trẻ những kỹ năng, thao tác tư duy và năng lực cần thiết cho giai đoạn chuyển tiếp vào lớp 1 [6].

2.2.3. Đặc điểm của trò chơi học tập

Trò chơi học tập có cấu trúc tương đối rõ ràng và được thiết kế có chủ đích nhằm đạt mục tiêu giáo dục cụ thể. Trò chơi luôn do người lớn - chủ yếu là nhà giáo dục - nghĩ ra, đảm bảo tính sư phạm, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ. Một TCHT hoàn chỉnh bao gồm bốn thành tố cơ bản sau:

*** Chủ đề - tên trò chơi**

Chủ đề hoặc tên trò chơi thường được xây dựng từ một tình huống có vấn đề nhằm khơi gợi nhu cầu nhận thức và kích thích hứng thú của trẻ. Đây là điểm xuất phát định hướng nội dung và cách thức tổ chức trò chơi, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để trẻ chủ động tham gia giải quyết nhiệm vụ được đặt ra.

*** Nội dung chơi**

Nội dung chơi thể hiện nhiệm vụ nhận thức mà trẻ cần thực hiện, được xác định dựa trên mục tiêu giáo dục, đặc điểm nhận thức và vốn hiểu biết của từng lứa tuổi. Nội dung chơi có thể linh hoạt điều chỉnh trong quá trình tổ chức tùy theo mức độ thành thạo của trẻ: giáo viên có thể nâng dần yêu cầu khi trẻ

chơi thuận thực hoặc giảm nhẹ khi trẻ gặp khó khăn. Nội dung trò chơi giúp xác định tri thức nào cần được củng cố, kỹ năng nào được rèn luyện và năng lực trí tuệ nào được phát triển.

** Hành động chơi*

Hành động chơi là chuỗi các thao tác, hoạt động cụ thể mà trẻ thực hiện để giải quyết nhiệm vụ của trò chơi. Hệ thống hành động này được thiết kế phù hợp với khả năng của từng độ tuổi: Trẻ mẫu giáo bé có hành động đơn giản, số lượng ít. Trẻ mẫu giáo nhỡ và lớn có thể thực hiện các thao tác phức tạp hơn và mang tính phối hợp. Chính các hành động này giúp trẻ chuyển hóa nhiệm vụ nhận thức thành hành động thực tiễn, thúc đẩy quá trình hình thành tri thức một cách chủ động và tự nhiên.

**Luật chơi*

Luật chơi là các quy định bắt buộc mà trẻ phải tuân thủ để đảm bảo tính trật tự, công bằng và hiệu quả của trò chơi. Luật chơi được thiết kế dựa trên nội dung nhiệm vụ và đặc điểm nhận thức của trẻ từng lứa tuổi: Trẻ mẫu giáo bé thường chỉ tuân thủ được một quy định đơn giản. Trẻ mẫu giáo nhỡ và lớn có thể thực hiện hai đến ba quy định. Luật chơi góp phần rèn luyện cho trẻ khả năng kiểm soát hành vi, tuân thủ chuẩn mực và làm việc theo nhóm. Đồng thời, việc trẻ thực hiện đúng luật cũng là căn cứ quan trọng để giáo viên đánh giá mức độ lĩnh hội tri thức và kỹ năng của trẻ thông qua trò chơi học tập.

2.2.4. Tổ chức trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo

Trong tổ chức trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo, giáo viên triển khai quy trình gồm ba giai đoạn: Ổn định tổ chức, gây hứng thú - Tổ chức cho trẻ chơi - Nhận xét, kết thúc. Quy trình này không chỉ bảo đảm cấu trúc vận hành của trò chơi mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các năng lực nhận thức, kỹ năng hợp tác và khả năng giải quyết vấn đề của trẻ.

Thứ nhất, ổn định tổ chức, gây hứng thú cho trẻ đến với trò chơi. Giáo viên ổn định tổ chức lớp, tạo bầu không khí tích cực để thu hút sự chú ý của trẻ. Đối với trò chơi mới, giáo viên giới thiệu tên trò chơi, nội dung, cách chơi và luật chơi. Ở lứa tuổi mẫu giáo bé, giáo viên vừa giải thích vừa làm mẫu nhằm hỗ trợ tư duy trực quan – hành động của trẻ. Với trẻ mẫu giáo nhỡ và mẫu giáo lớn, việc làm mẫu được thực hiện linh hoạt tùy theo mức độ phức tạp của nhiệm vụ chơi; các trò chơi đơn giản chỉ cần giáo viên giải thích rõ ràng và nhấn mạnh các yêu cầu trọng tâm. Đối với trò chơi đã quen thuộc, trẻ mẫu giáo bé vẫn được hướng dẫn tương tự như trò chơi mới, trong khi với trẻ lớn hơn, giáo viên sử

dụng hệ thống câu hỏi gợi mở giúp trẻ tự nêu lại nội dung chơi, cách chơi và luật chơi, qua đó tăng cường tính chủ động.

Thứ hai, tổ chức và hướng dẫn trẻ chơi. Sau khi phân công nhiệm vụ, giáo viên cho trẻ tiến hành chơi từ 2–3 lượt nhằm giúp trẻ có cơ hội luyện tập và điều chỉnh hành vi. Trong quá trình trẻ tham gia, giáo viên quan sát nhằm thu thập thông tin về thái độ, kỹ năng và mức độ phát triển các thao tác trí tuệ của trẻ. Kết quả quan sát cho phép giáo viên kịp thời xác định nguyên nhân dẫn đến khó khăn cũng như lựa chọn biện pháp hỗ trợ phù hợp. Hoạt động hướng dẫn tập trung vào: (1) Giúp trẻ nhận biết rõ nhiệm vụ chơi; (2) Gợi ý cách giải quyết nhiệm vụ; (3) Khuyến khích trẻ vận dụng tri thức đã học vào quá trình thực hiện; và (4) Hỗ trợ trẻ tự đánh giá kết quả. Bên cạnh đó, giáo viên tổ chức cho trẻ chơi theo hình thức nhóm hoặc cá nhân tùy theo mục tiêu giáo dục, đồng thời xử lý tình huống phát sinh nhằm đảm bảo trò chơi diễn ra liên tục, hiệu quả [4].

Thứ ba, nhận xét và kết thúc. Ở phần cuối, giáo viên trò chuyện với trẻ về nội dung và yêu cầu của trò chơi, khuyến khích trẻ nêu nhận xét về kết quả thực hiện của bản thân và của bạn chơi. Đây là cơ hội giúp trẻ nhận ra nguyên nhân của những sai sót, từ đó rút kinh nghiệm cho các lượt chơi tiếp theo hoặc cho các trò chơi khác có cấu trúc tương tự. Hoạt động nhận xét không chỉ góp phần củng cố tri thức và kỹ năng mà còn hình thành cho trẻ thói quen tự đánh giá - một thành tố quan trọng của năng lực học tập ở bậc học tiếp theo.

2.3. Gợi ý vận dụng phương pháp Skechnote trong tổ chức trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo

Việc vận dụng Sketchnote trong trò chơi học tập có thể được triển khai ở cả ba giai đoạn của trò chơi. Trước khi tham gia trò chơi, Sketchnote được sử dụng như một nhiệm vụ khởi động nhằm kích hoạt kiến thức nền, định hướng cách thức thực hiện và chuẩn bị tâm thế cho trẻ. Trong quá trình chơi, Sketchnote hỗ trợ trẻ ghi chú các thao tác, đánh dấu thông tin quan trọng và trực quan hóa kết quả tạm thời. Sau khi kết thúc trò chơi, trẻ sử dụng bản Sketchnote của mình để phản ánh quá trình trải nghiệm, trình bày suy nghĩ và rút ra kết luận.

Quy trình vận dụng Sketchnote trong tổ chức trò chơi học tập được thực hiện theo các bước sau:

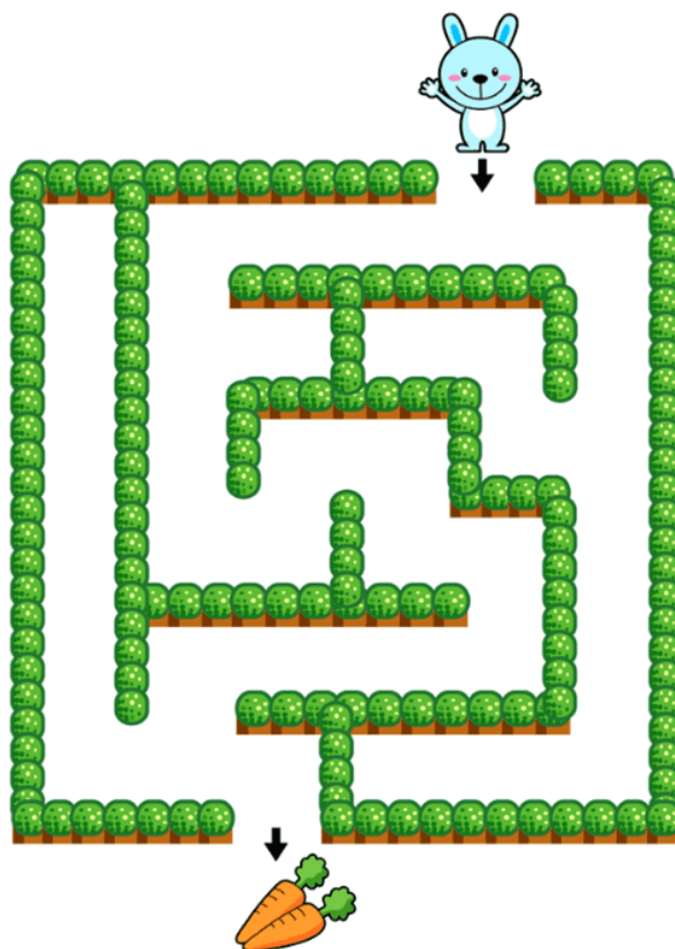
Ổn định tổ chức, gây hứng thú: sử dụng Sketchnote để giới thiệu trò chơi và kích thích hứng thú. Thay vì giải thích bằng lời thuần túy, giáo viên có thể minh họa tên trò chơi, nội dung và luật chơi bằng các ký hiệu đơn giản như hình người, mũi tên, biểu tượng hoặc khung thông tin. Việc trực quan hóa giúp trẻ dễ nắm bắt yêu cầu và nhớ lâu hơn, đặc biệt đối với trẻ mẫu giáo bé vốn cần hỗ trợ

trực quan - hành động. Những hình ảnh minh họa đơn giản cũng tạo ra sự hấp dẫn, khơi gợi tò mò và giúp trẻ nhanh chóng tham gia vào hoạt động chơi..

Tổ chức cho trẻ chơi: Giáo viên có thể sử dụng các biểu tượng Sketchnote để gợi ý hoặc nhắc lại nhiệm vụ, chẳng hạn dùng hình mũi tên để chỉ hướng thực hiện, biểu tượng dấu hỏi để gợi mở suy nghĩ hoặc các khung nhỏ để nhấn mạnh thông tin quan trọng. Với trẻ lớn hơn, giáo viên có thể khuyến khích trẻ tự vẽ kí hiệu minh họa cho các bước chơi hoặc tự “ghi chú bằng hình ảnh” nhiệm vụ của nhóm mình, từ đó phát triển khả năng biểu đạt và tư duy hệ thống.

Trong phần nhận xét cuối giờ, giáo viên có thể sử dụng bảng Sketchnote đơn giản thể hiện các tiêu chí như “đúng luật”, “hợp tác”, “hoàn thành nhiệm vụ”, mỗi tiêu chí đi kèm một biểu tượng trực quan. Trẻ có thể tự đánh giá bằng cách khoanh tròn hoặc tô màu vào biểu tượng tương ứng với kết quả của mình. Cách làm này giúp trẻ dễ hiểu, dễ nhớ và hình thành thói quen tự nhận xét một cách nhẹ nhàng, không áp lực.

Ví dụ: Trò chơi “Thỏ tìm cà rốt”



a) *Ổn định - Gây hứng thú:* Giáo viên chiếu/giới hình mê cung lên và trò chuyện với trẻ về nhiệm vụ của nhóm sẽ làm là đi tìm cà rốt cho thỏ.

Đề đi tìm cà rốt cho bạn Thỏ, các con hãy dùng những hình vẽ sau đây là  biểu tượng thỏ (vị trí xuất phát) □ cà rốt (đích đến) ► mũi tên đi thẳng, ∩ Thẽ rẽ trái → “Có thể đi trái” ∪ Thẽ rẽ phải → “Có thể rẽ phải”.

Mỗi nhóm sẽ có 1 bảng trắng, khi các con chơi, con sẽ đặt thỏ ở vị trí xuất phát, cà rốt ở vị trí đích. Các con vừa nhìn trên hình mê cung vừa chọn hình ảnh ký hiệu đi đường phù hợp và gắn tiếp: ví dụ: thỏ đi thẳng/ rẽ phải/ đi thẳng/ rẽ phải/ đường cụt thì minh họa trên bảng trắng ký hiệu phù hợp.

b) *Tổ chức cho trẻ chơi*: Giáo viên phát phiếu mê cung để trẻ tự dò đường. Trước khi bắt đầu, GV yêu cầu trẻ quan sát thật kỹ trước khi đi và dùng hình ảnh hoặc vẽ lại trên bảng của nhóm mình bằng đánh dấu bằng ký hiệu Sketchnote, nếu thấy đường cụt sẽ đặt dấu chấm ở cuối và lại bắt đầu cho hành trình mới.

c) *Nhận xét - Kết thúc*: Giáo viên cho trẻ mang bảng gắn đường đi của nhóm mình lên và chia sẻ với bạn nhóm con đi bao nhiêu đường; Mô tả cách đi theo hình vẽ với biểu tượng trên bảng. Ví dụ: Lần 1: con rẽ trái, rồi rẽ phải và đi thẳng, sau đó rẽ phải và bị đường cụt; Lần 2: Trẻ mô tả lại đường đi bằng Sketchnote của nhóm).

3. KẾT LUẬN

Việc vận dụng phương pháp Sketchnote trong tổ chức trò chơi học tập cho trẻ mẫu giáo cho thấy tiềm năng rõ rệt trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động “học qua chơi” theo định hướng phát triển năng lực. Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, có thể khẳng định rằng Sketchnote không chỉ là một công cụ ghi chép trực quan mà còn là phương tiện kích hoạt tư duy, thúc đẩy sự tham gia tích cực và mở rộng khả năng sáng tạo của trẻ. Khi được tích hợp vào các giai đoạn của trò chơi học tập, Sketchnote hỗ trợ trẻ xác định nhiệm vụ rõ ràng hơn, ghi nhớ các bước thực hiện, biểu đạt ý tưởng một cách linh hoạt và tăng cường kỹ năng tự đánh giá.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy việc sử dụng Sketchnote góp phần giải quyết những hạn chế trong tổ chức trò chơi hiện nay, đặc biệt ở khía cạnh trực quan hóa nhiệm vụ, tạo hứng thú và nâng cao mức độ chủ động của trẻ. Quy trình vận dụng Sketchnote được đề xuất trong bài báo có tính khả thi, phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ mẫu giáo và có thể áp dụng linh hoạt trong nhiều loại trò chơi học tập khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

- [1]. Phạm Thế Anh. (2010). *How to mind map - Lập bản đồ tư duy. (Tài liệu dịch của Tony Buzan)*. NXB LĐ-XH.
- [2]. Bộ GD&ĐT. (2019). *Chương trình giáo dục mầm non*. NXB GDVN
- [3]. Lê Thị Hạnh. (2020). Vận dụng sơ đồ tư duy trong giáo dục mầm non. Tạp chí Giáo dục, Số 471, 58–60
- [4]. Nguyễn Thị Hoài, Nguyễn Thị Luyến, Nguyễn Trung Hiếu, Trịnh Văn Tùng. (2024). *Giáo trình Giáo dục học mầm non*. NXB ĐH QGHN.
- [5]. Keyanich. (2024). *SkethNote lý thuyết (Tài liệu dịch của Mike Rohde)*. NXB Thanh Niên.
- [6]. Trần Viết Nhi. (2018). *Rèn luyện kỹ năng sử dụng sơ đồ cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi qua hoạt động khám phá khoa học*. Tạp chí KH&GD, Trường ĐH SP Huế.
- [7]. Triệu Ni Nhĩ. Tâm An (2024). *Mindmap For Kids - Chơi hay, học vui với sơ đồ tư duy - tài liệu dịch*. NXB GDVN

Tài liệu nước ngoài

- [8]. Christopher K. Pancoast. (2017). *The Role of Play in Early Childhood Development*. NXB CreateSpace Independent Publishing Platform.
- [9]. Digital Promise Global (2021). *Maps, Barns, and Fun! Spatial Orientation Assessment Task (SOAT)*.
- [10]. Mike Rohde (2024). *The Sketchnote Handbook: The Illustrated Guide to Visual Note Taking*. Peachpit Press.

THỰC TIỄN GIÁO DỤC

-----o0o-----

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI LỚP HỌC TRÊN HỆ THỐNG LMS TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

ThS. Trần Minh Đức

Khoa Giáo dục Mầm non
Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Bài viết trình bày kinh nghiệm triển khai các học phần trên hệ thống quản lý học tập (LMS) trong đào tạo giáo viên mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương thông qua số hóa học liệu và tổ chức lớp học theo mô hình đào tạo kết hợp. Trên cơ sở phân tích quy trình xây dựng bài giảng điện tử, tổ chức học trực tuyến và hướng dẫn sinh viên sử dụng LMS, nghiên cứu cho thấy LMS góp phần nâng cao chất lượng học liệu, cải thiện khả năng tự học, tăng cường tương tác và hỗ trợ quản lý tiến trình học tập. Kết quả triển khai ở ba học phần minh chứng rằng LMS phù hợp với đặc thù đào tạo giáo viên mầm non và có thể mở rộng áp dụng cho các học phần khác trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

Từ khóa: LMS, giáo dục mầm non, kinh nghiệm.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số đang tạo ra những thay đổi mang tính hệ thống đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo giáo viên, nơi đòi hỏi sự đổi mới cả về nội dung lẫn phương pháp giảng dạy. Những văn bản chiến lược của Nhà nước như Quyết định 131/QĐ-TTg về chuyển đổi số giáo dục và Nghị quyết 57-NQ/TW, 71-NQ/TW về đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo xác định công nghệ số là hạ tầng trọng yếu thúc đẩy chất lượng và hiệu quả dạy học. Trong bối cảnh đó, hệ thống quản lý học tập (LMS) trở thành nền tảng quan trọng cho tổ chức dạy học trực tuyến và đào tạo kết hợp, cho phép phân phối học liệu, quản lý tiến trình học tập, hỗ trợ tương tác và tích hợp đánh giá.

Tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (CĐSP TW), LMS được triển khai đồng bộ nhằm tăng cường hiệu quả quản lý đào tạo, mở rộng cơ hội học tập và hiện đại hóa phương pháp dạy – học đối với ngành Giáo dục mầm non. Trong ba năm học liên tiếp, tác giả đã chủ trì ba đề tài số hóa học phần trên LMS của Nhà trường. Đây là những học phần mang tính đặc thù cao, bao gồm cả kiến thức lý thuyết và các kỹ năng nghề nghiệp cần mô phỏng hoặc minh họa trực quan. Quá trình triển khai cho thấy LMS không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là môi trường học tập hoàn chỉnh, hỗ trợ

đổi mới cả nội dung lẫn tổ chức dạy học. Bài viết trình bày có hệ thống các kinh nghiệm trong thiết kế học liệu điện tử, xây dựng lớp học trên LMS, hướng dẫn người học và tích hợp đánh giá, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai LMS trong đào tạo giáo viên mầm non.

2. NỘI DUNG

2.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.2.1. Cơ sở lý luận

Việc triển khai hệ thống quản lý học tập (LMS) trong đào tạo giáo viên mầm non được đặt trên nền tảng của các lý thuyết học tập hiện đại, đặc biệt là mô hình học tập kết hợp (Blended Learning), lý thuyết học tập trải nghiệm (Experiential Learning) và quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm. Theo cách tiếp cận của Blended Learning, công nghệ không thay thế vai trò của giảng dạy trực tiếp mà được tích hợp nhằm mở rộng không gian học tập, tăng tính linh hoạt và tạo điều kiện để người học chủ động tiếp nhận kiến thức. Trong đào tạo giáo viên mầm non, lĩnh vực đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa tri thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp thì LMS cho phép triển khai các dạng học liệu đa phương tiện như video hướng dẫn thực hành, hình ảnh minh họa, bài giảng tương tác, qua đó hỗ trợ hình thành những năng lực trực quan – cảm xúc quan trọng mà hình thức giảng dạy truyền thống khó đáp ứng đầy đủ.

Từ góc độ tâm lý học giáo dục, LMS tạo môi trường thuận lợi cho quá trình tự học có hướng dẫn, nơi người học được quyền tự điều chỉnh tiến độ tiếp thu, đồng thời nhận được phản hồi tức thời thông qua các bài tập, câu hỏi tương tác hoặc dữ liệu phân tích quá trình học tập. Những nguyên tắc của học tập trải nghiệm cũng được thể hiện rõ khi LMS cho phép người học quan sát tình huống, phân tích hành vi, luyện tập xử lý và rút kinh nghiệm thông qua xem video, tình huống mô phỏng. Các lý thuyết về ứng dụng công nghệ trong giáo dục, cùng với hệ thống chính sách của Nhà nước như Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT và Quyết định 131/QĐ-TTg, khẳng định vai trò của LMS như một hạ tầng quan trọng thúc đẩy đổi mới phương pháp và tổ chức đào tạo. Như vậy, cơ sở lý luận cho thấy việc áp dụng LMS trong đào tạo giáo viên mầm non không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn là giải pháp đổi mới phương pháp dạy học theo hướng chủ động, linh hoạt và phát triển năng lực toàn diện cho người học.

2.2.2. Cơ sở thực tiễn

Từ góc độ thực tiễn, mô hình đào tạo kết hợp tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã được triển khai liên tục trong những năm gần đây và trở thành bối cảnh quan trọng để đánh giá hiệu quả của LMS. Nhà trường áp dụng cấu trúc 70% học trực tiếp và 30% học trực tuyến. Thực tiễn cho thấy đây không đơn thuần là sự phân bổ thời lượng mà là một mô hình tổ chức học tập hai tầng, trong đó không gian trực tuyến và trực tiếp bổ trợ chặt chẽ cho nhau. Không gian trực tuyến trên LMS đảm nhiệm vai trò hình thành tri thức nền tảng thông qua bài giảng điện tử, video minh họa, câu hỏi củng cố, bài tập tương tác và kho tài nguyên số đa dạng. Đây là giai đoạn sinh viên tiếp cận kiến thức có hệ thống, được kích thích tư duy thông qua các công cụ tương tác và được hỗ trợ cá thể hóa học tập nhờ khả năng xem lại bài giảng hoặc luyện tập theo tốc độ riêng.

Trong khi đó, không gian trực tiếp tại lớp học tạo điều kiện để sinh viên vận dụng kiến thức vào thực hành sư phạm, tham gia các hoạt động trải nghiệm, mô phỏng tình huống nghề nghiệp và nhận phản hồi trực tiếp từ giảng viên. Sự kết hợp này đặc biệt phù hợp với các học phần đòi hỏi hình ảnh, vận động hoặc mô phỏng cao như giáo dục thể chất, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ. Kinh nghiệm triển khai cho thấy việc đưa 30% nội dung lên LMS giúp giảm tải thời lượng giảng giải lý thuyết trên lớp, đồng thời mở rộng không gian học tập để sinh viên tiếp cận nguồn tài nguyên phong phú mà hình thức truyền thống không thể cung cấp đầy đủ.

Thực tế từ việc triển khai ba học phần số hóa, tác giả nhận thấy mô hình này mang lại lợi ích rõ rệt: khả năng tự học của sinh viên tăng lên, mức độ tương tác với học liệu cao hơn, tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ học tập được cải thiện và giảng viên dễ dàng theo dõi tiến trình thông qua phân tích dữ liệu học tập. Quan trọng hơn, thông qua việc sử dụng thường xuyên các công cụ số, sinh viên hình thành năng lực công nghệ – một thành tố không thể thiếu trong nghề giáo viên mầm non thời kỳ chuyển đổi số. Như vậy, cơ sở thực tiễn khẳng định rằng việc áp dụng LMS theo mô hình đào tạo kết hợp không chỉ phù hợp với điều kiện học tập tại Trường CĐSPTW mà còn mang lại hiệu quả thiết thực trong nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và năng lực số cho người học.

2.3. Kinh nghiệm xây dựng học liệu và tổ chức khóa học trên LMS

Quá trình triển khai ba học phần số hóa tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, tác giả nhận thấy việc xây dựng học liệu điện tử và tổ chức khóa học trên LMS chỉ thật sự hiệu quả khi giảng viên đồng thời đảm nhiệm hai nhiệm vụ cốt lõi: thiết kế học liệu theo cấu trúc sư phạm chặt chẽ và hướng dẫn sinh viên tham gia học trực tuyến một cách có phương pháp. Đây là điểm then chốt để đảm bảo mô hình đào tạo kết hợp vận hành hiệu quả, giảm sai sót kỹ thuật và nâng cao tỷ lệ hoàn thành học phần của sinh viên.

Thứ nhất, về kinh nghiệm thiết kế học liệu, giảng viên cần xác định rõ cấu trúc nội dung của từng buổi học và chuyển hóa thành các mô-đun độc lập trên LMS. Mỗi mô-đun phải bao gồm: mục tiêu, tài liệu PDF hoặc slide, bài giảng e-learning định dạng scorm, video minh họa, hệ thống câu hỏi tương tác và bài tập củng cố. Học liệu cần được thiết kế dựa trên nguyên tắc trực quan – tương tác – dễ truy cập để phù hợp với sinh viên ngành Giáo dục mầm non. Các bài giảng được thiết kế theo cấu trúc lặp lại có chủ đích (ôn tập – nội dung mới – củng cố) để tạo thói quen học tập ổn định và hỗ trợ sinh viên chủ động kiểm soát tiến trình.

Thứ hai, về tổ chức khóa học, giảng viên đồng bộ lớp học trên LMS với hệ thống quản lý đào tạo thông qua việc tích hợp danh sách sinh viên, đồng bộ điểm, và thiết lập các điều kiện truy cập (ví dụ: phải hoàn thành video trước khi làm bài tập, phải đạt 70% điểm bài tập mô-đun mới mở bài kiểm tra) giúp quá trình học diễn ra nhất quán, có kiểm soát và hạn chế lỗi vận hành.

Thứ ba, là công tác hướng dẫn sinh viên, yếu tố quyết định sự thành công của các học phần trực tuyến. Việc hướng dẫn không chỉ dừng lại ở thao tác kỹ thuật mà phải được triển khai như một quy trình hỗ trợ học tập toàn diện, bắt đầu từ việc giảng viên tổ chức buổi hướng dẫn ban đầu để sinh viên nắm rõ cách đăng nhập, truy cập lớp học, xem bài giảng, làm bài tập và nhận phản hồi. Trong suốt học phần, mỗi mô-đun đều được kèm theo phần hướng dẫn chi tiết về mục tiêu, cách học, trình tự hoạt động và thời lượng dự kiến, giúp sinh viên chủ động tiếp cận học liệu một cách có phương pháp. Bên cạnh đó, giảng viên duy trì hỗ trợ liên tục thông qua hệ thống thông báo, nhóm zalo trao đổi trực tuyến và các kênh phản hồi, nhằm giải đáp kịp thời những khó khăn kỹ thuật hoặc thắc mắc về học thuật. Cuối cùng, sinh viên được hướng dẫn khai thác dữ liệu học tập trên LMS để tự theo dõi tiến độ, rà soát các lỗi sai trong bài kiểm

tra và điều chỉnh việc học tập ở những mô-đun tiếp theo. Quy trình hướng dẫn toàn diện này giúp sinh viên sử dụng LMS một cách thành thạo, tăng khả năng tự học và giảm đáng kể tình trạng bỏ sót nhiệm vụ học tập.

2.4. Bài học kinh nghiệm từ ba đề tài số hóa

Qua nhiều năm triển khai liên tiếp lớp học trên LMS, tác giả đã rút ra được một số kinh nghiệm quan trọng. Thứ nhất, học liệu điện tử phải phù hợp với đặc thù từng học phần; ví dụ, học phần dinh dưỡng cần nhiều hình ảnh minh họa, trong khi học phần giáo dục thể chất cần video vận động trực quan. Thứ hai, cấu trúc buổi học trên LMS phải rõ ràng, nhất quán và dễ điều hướng; sinh viên cần biết chính xác nội dung phải hoàn thành trong mỗi mô-đun. Thứ ba, hướng dẫn sinh viên ngay từ tuần đầu tiên là yếu tố quyết định hạn chế lỗi kỹ thuật và tăng tỷ lệ hoàn thành học phần. Thứ tư, câu hỏi, bài tập trực tuyến giúp giảng viên theo dõi tiến bộ học tập và tiết kiệm thời gian chấm bài; đồng thời khuyến khích sinh viên tự ôn tập thường xuyên. Cuối cùng, đánh giá kết hợp (trực tuyến và trực tiếp) là giải pháp phù hợp để bảo đảm chất lượng, nhất là với các năng lực nghề nghiệp đặc thù của sinh viên mầm non.

3. KẾT LUẬN

Việc xây dựng học liệu và triển khai LMS tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã đem lại hiệu quả rõ rệt trong đổi mới phương pháp giảng dạy và quản lý đào tạo. Kinh nghiệm từ ba học phần được số hóa cho thấy LMS góp phần chuẩn hóa học liệu, nâng cao tính chủ động của người học, hỗ trợ đánh giá linh hoạt và cải thiện chất lượng đào tạo giáo viên mầm non. Những bài học rút ra từ thực tiễn này có thể được nhân rộng trong toàn trường và áp dụng cho các cơ sở đào tạo sư phạm khác trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục. Trong giai đoạn tới, Nhà trường có thể hướng tới xây dựng kho học liệu điện tử dùng chung, tăng cường cá thể hóa học tập dựa trên dữ liệu học tập (learning analytics) và mở rộng áp dụng LMS cho toàn bộ chương trình đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1].Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016), *Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng*, Hà Nội.
- [2].Chính phủ(2022), *Quyết định 131/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến 2030*, Hà Nội.
- [3].Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), *Nghị quyết 57-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số*. Hà Nội.
- [4].Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Nghị quyết 71-NQ/TW về phát triển nhân lực trong thời đại số*, Hà Nội.
- [5].Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Thị Trang (2019), *Ứng dụng hệ thống LMS trong dạy học đại học: Lý luận và thực tiễn*. NXB Giáo dục Việt Nam.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CỦA SINH VIÊN ĐAN MẠCH TẠI TRƯỜNG MẦM NON THỰC HÀNH HOA THỦY TIÊN

TS. Trương Thị Phượng

Trường Mầm non Thực hành
Hoa Thủy Tiên

Tóm tắt: Trong bối cảnh giáo dục mầm non ngày càng hướng tới chuẩn hóa, hội nhập và lấy trẻ làm trung tâm, hoạt động thực tập sư phạm quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối lý thuyết đào tạo với thực tiễn giáo dục đa văn hóa. Thông qua việc tham gia các hoạt động sinh hoạt hằng ngày, đồng hành cùng giáo viên trong tổ chức hoạt động giáo dục và trực tiếp thiết kế, triển khai các hoạt động sư phạm cho trẻ, sinh viên Đan Mạch đã có cơ hội tiếp cận sâu sắc môi trường giáo dục mầm non Việt Nam. Quá trình thực tập không chỉ giúp sinh viên nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm mà còn mang lại những giá trị văn hóa, sự thấu cảm và góc nhìn toàn diện hơn về nghề giáo viên mầm non.

Bài viết này tập trung phản ánh những hoạt động trải nghiệm, thực hành và học tập của sinh viên Đan Mạch trong thời gian 06 tháng thực tập tại Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên – đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Từ khóa: Thực hành sư phạm, trải nghiệm, sinh viên Đan Mạch, hoạt động.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, giáo dục mầm non không còn giới hạn trong phạm vi một quốc gia mà ngày càng mở rộng giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm và tiếp cận các mô hình giáo dục tiên tiến trên thế giới. Hoạt động thực tập sư phạm quốc tế vì vậy trở thành một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm môi trường giáo dục đa văn hóa, đồng thời tăng cường hiểu biết và năng lực nghề nghiệp trong bối cảnh toàn cầu.

Việt Nam, với nền giáo dục mầm non giàu tính nhân văn, lấy trẻ làm trung tâm và chú trọng phát triển toàn diện, ngày càng trở thành điểm đến thực tập hấp dẫn đối với sinh viên quốc tế. Trong đó, Trường mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên – Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là một mô hình tiêu biểu, vừa đảm bảo nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, vừa thực hiện hiệu quả vai trò là cơ sở thực hành sư phạm cho sinh viên trong nước và quốc tế.

Việc tiếp nhận và hướng dẫn sinh viên Đan Mạch thực tập tại Trường MNTH Hoa Thủy Tiên không chỉ là hoạt động chuyên môn thường niên mà còn mang ý nghĩa chiến lược trong việc tăng cường hợp tác quốc tế, quảng bá mô hình giáo dục mầm non Việt Nam và nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên. Xuất phát từ ý nghĩa đó, bài viết được thực hiện nhằm ghi lại những hoạt động trải nghiệm tiêu biểu, những bài học giá trị mà sinh viên Đan Mạch thu nhận được, đồng thời làm rõ những đóng góp tích cực của hoạt động thực tập quốc tế đối với nhà trường và đội ngũ giáo viên.

2. NỘI DUNG

2.1. Giới thiệu chung về Trường mầm non thực hành Hoa Thủy Tiên

Trường mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên là đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương – một trong những cơ sở đào tạo giáo viên mầm non uy tín hàng đầu cả nước. Với định hướng xây dựng mô hình trường mầm non hạnh phúc – hiện đại – thực hành chuẩn mực, nhà trường không chỉ là nơi chăm sóc, giáo dục trẻ mà còn là “cơ sở thực tập sư phạm” quan trọng cho sinh viên trong nước và quốc tế.

Tại đây, đội ngũ sinh viên trong nước và quốc tế có cơ hội trải nghiệm môi trường giáo dục mầm non Việt Nam mang tính thực tiễn cao, được vận dụng các lý thuyết giáo dục hiện đại vào hoạt động sư phạm cụ thể. Đồng thời được hướng dẫn, kèm cặp trực tiếp bởi đội ngũ giáo viên và giảng viên giàu kinh nghiệm, am hiểu sâu sắc các phương pháp giáo dục tiên tiến như Reggio Emilia, Montessori, giáo dục trải nghiệm và STEAM. Nhà trường xác định công tác hướng dẫn sinh viên thực tập, đặc biệt là sinh viên quốc tế, không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn mà còn là cầu nối văn hóa – giáo dục, góp phần khẳng định vị thế của Trường mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên trong mạng lưới hợp tác quốc tế của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

2.2. Quá trình thực tập và các hoạt động trải nghiệm của sinh viên Đan Mạch tại Nhà trường

Trong 06 tháng thực tập tại Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên, sinh viên Đan Mạch đã tham gia đầy đủ và xuyên suốt vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, từ sinh hoạt hằng ngày đến các hoạt động chuyên môn mang tính giáo dục chuyên sâu. Thông qua quá trình trực tiếp tham gia hỗ trợ trẻ trong các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh và chuyển tiếp giữa các hoạt động trong ngày, sinh viên có cơ hội quan sát sâu sắc nề nếp lớp học cũng như cách giáo viên Việt Nam linh hoạt xử lý các tình huống sư phạm trong thực tế.

Bên cạnh đó, sinh viên còn đồng hành cùng giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi và trải nghiệm cho trẻ cũng như hoạt động ngoài trời, hoạt động STEAM, hoạt động nghệ thuật và phát triển cảm xúc – xã hội. Quá trình tham gia giúp sinh viên Đan Mạch tiếp cận cách giáo viên Việt Nam xây dựng môi trường giáo dục mở, lấy trẻ làm trung tâm và học thông qua chơi – một đặc trưng nổi bật của giáo dục mầm non Việt Nam hiện đại. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn, sinh viên thực hiện ghi chép, phân tích và đánh giá các hoạt động giáo dục theo quy trình sư phạm, từ đó từng bước hình thành tư duy nghề nghiệp và năng lực phân tư chuyên môn.



Hula Hoop Circle

TC vòng tròn đồng đội

What was the activity?

Đây là hoạt động gì?

What was the purpose?

Mục đích của hoạt động này là gì?



Hình ảnh: Trò chơi “Vòng tròn đồng đội” do bạn SV Sofie tổ chức



Art and Throw Game

TC Vẽ đẹp – ném giỏi

What was the activity?

Đây là hoạt động gì?

What was the purpose?

Mục đích của hoạt động này là gì?



Hình ảnh: Hoạt động trò chơi “Vẽ đẹp ném giỏi” do bạn SV Sofie tổ chức



A3 CLASS

Hình ảnh: Hoạt động nghệ thuật “Bubble art” do bạn SV Caroline tổ chức

Đặc biệt, sinh viên Đan Mạch đã chủ động thiết kế và trực tiếp tổ chức nhiều hoạt động giáo dục cho trẻ. Các hoạt động này thể hiện sự kết hợp linh hoạt giữa lý thuyết giáo dục Bắc Âu với văn hóa, thói quen sinh hoạt và đặc điểm tâm lý của trẻ em Việt Nam. Việc khai thác hiệu quả hệ thống học liệu, đồ dùng – đồ chơi phong phú của nhà trường đã giúp sinh viên tạo dựng được không gian học tập sáng tạo, đồng thời thể hiện rõ sự tiến bộ trong kỹ năng dẫn dắt, tổ chức và điều khiển nhóm trẻ.



Hình ảnh: Hoạt động làm “Cootie Catcher” do bạn SV Maiken tổ chức



What was the activity?

Đây là hoạt động gì?

What was the purpose?

Mục đích của hoạt động này là gì?

Hình ảnh: Hoạt động âm nhạc “DUCK DUCK GOOSE” do bạn SV Maiken tổ chức



Anton Aggernæs - Quality of life – *Chất lượng cuộc sống*



Hoạt động “Anton Aggernæs – Quality of life” do bạn SV Luna tổ chức.

2.3. Những giá trị và bài học sâu sắc sinh viên Đan Mạch được trải nghiệm

Qua quá trình thực tập và buổi báo cáo tổng kết, sinh viên Đan Mạch cho biết họ không chỉ hoàn thành tốt các yêu cầu chuyên môn mà còn thu nhận được nhiều giá trị quý báu từ môi trường sư phạm tại Trường mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên. Sinh viên đặc biệt ấn tượng với môi trường giáo dục hạnh phúc, an toàn và lấy trẻ làm trung tâm, trong đó giáo viên Việt Nam luôn thể hiện sự ấm áp, ân cần và yêu thương đối với trẻ. Cách xây dựng nề nếp lớp học nhẹ nhàng, nuôi dưỡng cảm xúc tích cực, xây dựng nề nếp nhẹ nhàng và vai trò dẫn dắt tinh tế của giáo viên trong từng tình huống nhỏ được sinh viên đánh giá là rất phù hợp với triết lý giáo dục hiện đại của Bắc Âu và là điểm mạnh đặc trưng của Trường mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên.



Hình ảnh: 04 bạn SV báo cáo tại buổi Workshop

Thông qua quan sát và trực tiếp thực hành, sinh viên nhận thấy giáo viên Việt Nam có năng lực tổ chức hoạt động linh hoạt, giàu sáng tạo. Giáo viên có thể quản lý lớp học với quy mô đông trẻ nhưng vẫn duy trì được sự bình tĩnh, nhẹ nhàng và hiệu quả sư phạm. Việc sử dụng các phương pháp giao tiếp, khuyến khích và hỗ trợ trẻ một cách kiên trì, trách nhiệm. Sinh viên gọi đây là “kỹ năng nghệ thuật trong sư phạm mầm non” – điều mà họ khó tìm thấy trong sách vở, chỉ có thể cảm nhận sâu sắc qua trải nghiệm thực tế.

Sáu tháng gắn bó tại Hoa Thủy Tiên cũng giúp sinh viên hiểu rõ hơn về văn hóa giáo dục Việt Nam. Đặc biệt là mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Sinh viên bày tỏ sự trân trọng đối với sự tận tâm, nỗ lực không ngừng của đội ngũ giáo viên Việt Nam. Sinh viên cho rằng trải nghiệm này đã giúp họ mở rộng góc nhìn về nghề giáo viên mầm non – một nghề không chỉ dừng lại ở việc dạy học mà còn là chăm sóc, truyền cảm hứng và định hình nhân cách cho trẻ.

2.4. Sự trưởng thành của sinh viên Đan Mạch qua quá trình thực tập tại Trường mầm non thực hành Hoa Thủy Tiên

Qua quá trình theo dõi và đánh giá, Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên ghi nhận sự trưởng thành rõ rệt của sinh viên Đan Mạch sau thời gian thực tập.

Sinh viên trở nên tự tin hơn khi đứng lớp, nâng cao kỹ năng giao tiếp và tương tác với trẻ, hiểu sâu sắc hơn về tâm lý lứa tuổi mầm non và biết vận dụng linh hoạt các lý thuyết giáo dục vào thực tiễn. Đồng thời, sinh viên cũng thể hiện khả năng điều chỉnh và cải tiến hoạt động giáo dục sao cho phù hợp với bối cảnh cụ thể của lớp học và đặc điểm của trẻ. Nhiều sinh viên đánh giá 06 tháng thực tập tại Hoa Thủy Tiên là quãng thời gian ý nghĩa và có giá trị nhất trong toàn bộ chương trình đào tạo của họ.

2.5. Đóng góp của hoạt động hướng dẫn sinh viên đối với nhà trường

Việc tiếp nhận và hướng dẫn sinh viên Đan Mạch thực tập đã góp phần khẳng định vị thế của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương và trư Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên là một cơ sở thực hành sư phạm đạt chuẩn, có năng lực hội nhập và đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên trong bối cảnh quốc tế. Thông qua quá trình tổ chức và triển khai chương trình thực tập, nhà trường thể hiện rõ khả năng hướng dẫn thực hành chuyên môn bài bản, xây dựng môi trường sư phạm có chất lượng tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, đồng thời tổ chức chương trình đào tạo linh hoạt, hiện đại và phù hợp với đối tượng sinh viên đa quốc gia. Sự gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết đào tạo, thực hành sư phạm và văn hóa nghề nghiệp được thể hiện rõ nét, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo và khẳng định vai trò của Trường MNTH Hoa Thủy Tiên trong hệ thống các cơ sở thực hành sư phạm của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Bên cạnh đó, hoạt động hướng dẫn sinh viên quốc tế cũng tạo ra những tác động tích cực đối với sự phát triển chuyên môn của đội ngũ giáo viên nhà trường. Trong quá trình trực tiếp kèm cặp, hỗ trợ và đánh giá sinh viên Đan Mạch, giáo viên không chỉ củng cố kỹ năng giải thích, trình bày và phân tích các phương pháp sư phạm mà còn rèn luyện năng lực quan sát, phản hồi và đánh giá người học một cách khoa học, khách quan. Việc làm việc trong môi trường đa văn hóa giúp giáo viên từng bước phát triển tư duy hội nhập, nâng cao sự tự tin trong việc so sánh, đối chiếu giữa giáo dục mầm non Việt Nam và các mô hình giáo dục tiên tiến trên thế giới. Qua đó, vai trò của giáo viên không chỉ dừng lại ở người hướng dẫn chuyên môn mà còn được khẳng định là người dẫn dắt, truyền cảm hứng và kiến tạo môi trường giáo dục hạnh phúc cho cả trẻ em và sinh viên thực tập.

Hoạt động thực tập quốc tế tại Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh và thương hiệu của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương và nhà trường trong mạng lưới hợp tác giáo dục quốc tế. Sinh viên Đan

Mạch bày tỏ mong muốn tiếp tục giới thiệu mô hình giáo dục mầm non của Hoa Thủy Tiên tại các cơ sở đào tạo ở Đan Mạch, qua đó lan tỏa hình ảnh đội ngũ giáo viên Việt Nam tận tâm, chuyên nghiệp và giàu tính nhân văn. Những phản hồi tích cực từ sinh viên quốc tế cũng mở ra cơ hội duy trì và mở rộng các chương trình hợp tác trong những năm tới, khẳng định tầm ảnh hưởng tích cực và bền vững của chương trình thực tập, đồng thời góp phần quảng bá vị thế của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương trong tiến trình hội nhập giáo dục khu vực và quốc tế.



3.KẾT LUẬN

Buổi báo cáo tổng kết 6 tháng thực tập của sinh viên Đan Mạch tại Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên đã khép lại một hành trình học tập và trải nghiệm giàu ý nghĩa, đậm tính nhân văn, màu sắc nhân văn và tinh thần hội nhập quốc tế. Những kết quả đạt được không chỉ nằm thể hiện sự tiến bộ rõ rệt về kỹ năng nghề nghiệp, năng lực sư phạm và tư duy giáo dục của sinh viên mà còn phản ánh một cách sinh động chất lượng giáo dục vượt trội của Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên, năng lực chuyên môn vững vàng và tâm huyết nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên nhà trường.

Thông qua hoạt động thực tập quốc tế, vai trò tiên phong của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương trong hợp tác và đào tạo giáo viên mầm non theo hướng hội nhập được khẳng định rõ nét. Đồng thời, những giá trị cốt lõi của giáo dục mầm non Việt Nam – lấy trẻ làm trung tâm, đề cao sự yêu thương, trách nhiệm và phát triển toàn

diện – đã được lan tỏa mạnh mẽ tới bạn bè quốc tế thông qua chính trải nghiệm và chia sẻ của sinh viên Đan Mạch. Nhà trường tin tưởng rằng những kết quả tích cực từ chương trình thực tập này sẽ tiếp tục là nền tảng và động lực quan trọng để mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế, không ngừng nâng cao vị thế của Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên và Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương trong hệ thống đào tạo giáo viên mầm non của Việt Nam và khu vực.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC

-----o0o-----

ỨNG DỤNG THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ VÀO VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ LÀM QUEN TIẾNG ANH

ThS. Trần Thị Bảo Ngọc
ThS. Dương Thị Hương Thúy
Khoa Tiếng Anh
Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Bài viết trình bày hiệu quả của việc sử dụng thuyết đa trí tuệ vào việc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh tại trường mầm non hiện nay; gợi ý một vài cách thức tổ chức hoạt động khi vận dụng thuyết đa trí tuệ để giảng dạy tiếng Anh cho trẻ tại các trường mầm non giúp trẻ học ngôn ngữ một cách hiệu quả, hứng thú và phù hợp với cá nhân, đồng thời góp phần phát triển toàn diện và nuôi dưỡng tình yêu với tiếng Anh ngay từ nhỏ.

Từ khóa: Thuyết đa trí tuệ, giảng dạy tiếng Anh tại cho trẻ, chỉ số thông minh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, việc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với Tiếng Anh được các trường mầm non quan tâm, đặc biệt các nhà trường rất chú trọng việc nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Anh. Vậy làm thế nào để nâng cao hiệu quả của việc cho trẻ làm quen với Tiếng Anh? Đây là vấn đề đặt ra không chỉ cho các nhà trường mà cả với những người đang trực tiếp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương – nơi đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp đội ngũ giáo viên dạy Tiếng Anh cho các trường mầm non.

Thực tế cho thấy, muốn hoạt động cho trẻ làm quen với Tiếng Anh đảm bảo hiệu quả phải xuất phát từ việc hiểu đặc điểm tâm sinh lý chung của trẻ mầm non và đặc điểm riêng của từng trẻ. Thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner chỉ ra rằng: mỗi trẻ là một cá thể riêng biệt, mang trong mình một loại hình trí thông minh khác nhau. Bởi vậy, muốn giúp trẻ phát triển toàn diện thì giáo viên cần hiểu đặc điểm riêng của từng trẻ.

Thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner là một thuyết mang tính nhân văn, không đánh đồng hay ép buộc trẻ phải theo một chuẩn nhất định mà xem xét sự thông minh của các trẻ theo chiều hướng khác nhau, giúp trẻ thêm tự tin vào bản

thân. Học thuyết đa trí tuệ phù hợp với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Học thuyết Đa trí tuệ

Thuyết Đa trí tuệ - The Theory of Multiple Intelligences - được Giáo sư Tâm lý học Howard Gardner của đại học Harvard giới thiệu lần đầu trong quyển “Frames of Mind” vào năm 1988. Ông phản bác về quan niệm truyền thống về khái niệm thông minh, vốn được đồng nhất và đánh giá dựa theo bài trắc nghiệm IQ. Ông cho rằng khái niệm này chưa phản ánh đầy đủ khả năng tri thức đa dạng của con người.

Howard Gardner đã chỉ ra rằng mỗi người trong chúng ta đều tồn tại một vài kiểu thông minh trong số 8 loại: ngôn ngữ, logic toán học, âm nhạc, không gian, vận động cơ thể, giao tiếp (tương tác cá nhân), nội tâm (hướng nội), thiên nhiên (tự nhiên học). Tuy nhiên, ứng với mỗi cá nhân sẽ có những loại trí thông minh vượt trội hơn các trí thông minh còn lại.



Thuyết Đa trí tuệ cho rằng, mỗi cá nhân hầu như đều đạt đến một mức độ nào đó ở từng “phạm trù thông minh” khác nhau. Chẳng hạn, một học sinh chỉ thích vận động và tất cả những hoạt động liên quan đến vận động, học sinh này đều thích và học giỏi; học sinh khác nổi trội về mặt ngôn ngữ thì khả năng viết văn, làm thơ,... vượt hơn các bạn cùng trang lứa; hoặc trẻ có trí tuệ logic/toán

khi làm văn có thể chưa tốt, nhưng lại có thể giải được bài toán phức tạp (Einstein rất kiệt xuất về toán học logic nhưng ông thể hiện ngôn ngữ lời nói lại rất nghèo nàn),... Gardner cho rằng: *“Đóng góp quan trọng duy nhất của giáo dục đối với sự phát triển của trẻ em là giúp trẻ em đi tới một lĩnh vực phù hợp nhất với tài năng của mình, ở nơi trẻ em thấy hạnh phúc và tài giỏi”*. Điều này thật sự có ý nghĩa cho giáo dục, đó là điểm mạnh của mỗi con người như một hướng để phát triển sâu hơn. Đặc biệt, phạm trù thông minh này không phải là “hằng số” trong suốt cuộc đời mỗi người mà có thể thay đổi (tăng hay giảm) tùy vào sự trau dồi của mỗi cá nhân.

Khi áp dụng thuyết Đa trí tuệ vào dạy học, lực học của trẻ sẽ được nhìn nhận dưới góc độ tích cực hơn và văn minh hơn, định nghĩa về “giỏi” trong học tập sẽ mang tính tổng quát hơn so với hiện nay. *“Dạy học theo thuyết Đa trí tuệ là sự lựa chọn nội dung, áp dụng các phương pháp dạy học, các hình thức tổ chức dạy học, các điều kiện học tập phù hợp với khả năng học tập của người học nhằm tạo ra những kết quả học tập tốt nhất và sự phát triển tốt nhất cho từng người học”*. Điều này giúp trẻ tự tin hơn vào bản thân có thể khám phá và mở rộng năng lực cá nhân của mình từ đó khơi gợi tiềm năng, tạo điều kiện học tập theo các hướng khác nhau cho các chủ nhân tương lai của xã hội.

2.2. Hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh

Nghiên cứu của Đại học Harvard chỉ ra rằng việc học “ngôn ngữ thứ hai” cho trẻ từ 3-6 tuổi sẽ giúp trẻ nâng cao khả năng sáng tạo, kích thích tư duy phản biện và phát triển sự linh hoạt của trí óc. Giai đoạn mầm non được xem là “thời kỳ vàng” cho việc tiếp nhận ngôn ngữ, khi khả năng ghi nhớ, bắt chước và phản xạ giao tiếp của trẻ đạt mức tối ưu. Trẻ có thể hình thành phát âm chuẩn, mở rộng vốn từ vựng, phát triển tư duy linh hoạt và nuôi dưỡng sự tự tin trong giao tiếp.

Ở lứa tuổi mầm non, “làm quen với tiếng Anh” được hiểu không phải là dạy ngoại ngữ theo hướng hàn lâm, nặng về ngữ pháp hay từ vựng, mà là tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với ngôn ngữ thông qua các hoạt động vui chơi, nghe – nói tự nhiên và trải nghiệm thực tế. Trẻ lĩnh hội ngôn ngữ bằng cách bắt

chức, quan sát và tham gia vào những tình huống giao tiếp đơn giản, gắn với bối cảnh quen thuộc hằng ngày (Cameron, 2001).

Trẻ từ 3 đến 6 tuổi có khả năng ghi nhớ nhanh, bắt chước chính xác ngữ âm và ngữ điệu, nhưng khả năng tập trung còn hạn chế, nên việc dạy học cần dựa trên các hình thức trực quan sinh động, kết hợp trò chơi, âm nhạc, vận động và kể chuyện. Các nghiên cứu tâm lý học ngôn ngữ cho thấy đây là “thời kỳ vàng” để trẻ hình thành phản xạ giao tiếp và phát triển hứng thú học ngoại ngữ (Lightbown & Spada, 2013). Theo Krashen (1982), việc tiếp nhận ngoại ngữ ở trẻ nhỏ đạt hiệu quả cao nhất khi các em được đặt trong môi trường ngôn ngữ giàu tính tương tác, ít chịu áp lực học tập và có nhiều cơ hội thực hành ngôn ngữ. Trẻ học tiếng Anh tốt hơn khi được khuyến khích, động viên, thay vì ép buộc. Cách tiếp cận dựa trên sự tự nhiên này giúp trẻ không chỉ phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà còn hình thành niềm yêu thích học tập.

2.3. Vận dụng học thuyết Đa trí tuệ trong tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh

2.3.1. Vai trò của việc áp dụng thuyết đa trí tuệ trong việc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh

Thuyết Đa trí tuệ (Multiple Intelligences) do Howard Gardner đề xuất nhấn mạnh rằng mỗi người có nhiều loại trí thông minh khác nhau như: ngôn ngữ, logic- toán học, vận động, âm nhạc, không gian, nội tâm, tương tác xã hội và thiên nhiên... Việc áp dụng thuyết này vào hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh mang lại nhiều lợi ích rõ rệt.

Thuyết Đa trí tuệ giúp giáo viên cách suy ngẫm, chọn lựa phương pháp dạy sao cho hay nhất và phù hợp nhất với bản thân họ và họ hiểu thấu đáo vì sao phương pháp đó là hiệu quả hoặc chỉ hiệu quả với trẻ này mà không hiệu quả với trẻ kia. Thuyết này cũng giúp giáo viên áp dụng linh hoạt hơn các PPDH (phương pháp dạy học) và kỹ năng sử dụng các tài liệu, các thiết bị dạy học đa dạng hơn, phong phú hơn. Giáo viên trong lớp học đa trí tuệ khác với trong lớp học truyền thống ngôn ngữ hoặc logic-toán học. Trong lớp học đa trí tuệ, giáo

viên phải linh hoạt thay đổi phương pháp và khéo léo chuyển từ lời dạy ngôn ngữ sang lời dạy không gian rồi lời dạy âm nhạc hay vận động, giao tiếp.

Thuyết Đa trí tuệ đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của trẻ:

Mỗi trẻ có cách tiếp nhận và học tập riêng biệt. Trẻ mạnh về trí thông minh âm nhạc có thể ghi nhớ từ vựng qua bài hát, trẻ thiên về vận động có thể học tốt thông qua trò chơi vận động hoặc đóng vai. Việc tổ chức hoạt động dựa theo thuyết đa trí tuệ giúp cá nhân hóa việc học, giúp trẻ phát huy điểm mạnh của mình trong việc tiếp cận tiếng Anh.

Thuyết Đa trí tuệ tạo hứng thú và tăng hiệu quả học tập:

Khi trẻ được tham gia vào các hoạt động phù hợp với năng lực và sở thích (như hát tiếng Anh, kể chuyện, vẽ tranh theo từ vựng...), các em sẽ tích cực, tự tin hơn và có hứng thú học tiếng Anh hơn. Trẻ sẽ dễ dàng ghi nhớ từ mới và cấu trúc câu lâu hơn, cũng như sử dụng linh hoạt hơn. Từ đó giúp trẻ phát triển toàn diện nhiều năng lực. Khi tổ chức các hoạt động theo nhiều loại trí thông minh, trẻ không chỉ học tiếng Anh mà còn được phát triển kỹ năng giao tiếp, vận động, tư duy, làm việc nhóm... Qua đó, trẻ phát triển một cách toàn diện cả về trí tuệ, cảm xúc và xã hội.

Thuyết Đa trí tuệ khuyến khích sự tham gia của tất cả trẻ:

Trẻ ở lứa tuổi mầm non thường có sự phát triển không đồng đều. Việc áp dụng thuyết đa trí tuệ giúp tạo cơ hội cho mọi trẻ đều được tham gia và tỏa sáng, không bị so sánh hay bỏ lại phía sau. Điều này tạo nên môi trường học tập tích cực, công bằng và thân thiện.

2.3.2. Một số gợi ý áp dụng thuyết Đa trí tuệ trong việc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh

Qua nghiên cứu và thực nghiệm cho thấy, việc tổ chức dạy học bằng việc sử dụng linh hoạt, tổng hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực mà Bộ giáo dục và Đào tạo đang tích cực triển khai gần đây như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, bàn tay nặn bột, bản đồ tư duy, sẽ tạo ra môi trường học tập đa trí tuệ rất hiệu quả.

Trong đó, phương pháp dạy học theo phương pháp kết hợp Đa trí tuệ góp phần phát triển toàn diện cho trẻ. Theo định hướng này, giáo viên có thể tổ chức dạy học kết hợp với sự tham gia của nhiều yếu tố “trí thông minh” trong một hoạt động học:

Hoạt động 1: Trẻ nghiên cứu tài liệu, tìm từ khóa (phát huy trí thông minh, nội tâm, ngôn ngữ) sau đó đọc bài dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Hoạt động 2: Trẻ thực hành nhóm, lớp về nội dung, dưới sự dẫn dắt gợi ý của giáo viên (phát huy trí thông minh giao tiếp);

Hoạt động 3: Trẻ tham gia chơi trò chơi về chủ đề đang học dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong đó có sự kết hợp của âm nhạc, quan sát, vận động (phát huy trí thông minh ngôn ngữ, logic, không gian)

Hoạt động 4: Trẻ thực hành kỹ năng nói cùng bạn trước lớp. Khi trẻ thuyết trình trẻ cần diễn đạt cả ngữ điệu, âm điệu, điệu bộ cơ thể (phát huy trí thông minh giao tiếp, hình thể động năng, âm nhạc).

Qua đây tôi cũng xin gợi ý một số hoạt động vận dụng thuyết đa trí tuệ trong việc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh để trẻ nắm bài tốt hơn:

Sau khi áp dụng hoạt động 1 và 2 trong lồng ghép vào nội dung bài học, thì hoạt động 3,4 là hoạt động giúp trẻ phát triển “trí thông minh” của chính bản thân mình rõ ràng nhất. Và hoạt động thường được lồng ghép vào các trò chơi với nhiều sự kết hợp của trí thông minh riêng biệt giúp mỗi trẻ không cảm thấy bị bỏ rơi trong giờ học “ngôn ngữ”.

Hoạt động kích thích trí thông minh ngôn ngữ (Verbal–Linguistic Intelligence)

Hoạt động: Kể chuyện tranh bằng tiếng Anh (storytelling), học từ vựng qua thơ ca (Rhymes & Chants), đọc truyện ngắn có hình minh họa, sử dụng các trò chơi trong dạy học.

Ví dụ: Sử dụng sách tranh như “*Brown Bear, Brown Bear, What Do You See?*” để dạy màu sắc và con vật.

Giáo viên mô tả một từ không nói ra để trẻ đoán (ví dụ: “*It’s a fruit. It’s yellow. Monkeys like it.*”), trẻ đoán: “*Banana!*” để rèn tư duy ngôn ngữ và vốn từ vựng

Các hoạt động kích thích trí thông minh ngôn ngữ giúp trẻ phát triển kỹ năng nghe, nói, ghi nhớ từ và cấu trúc tiếng Anh, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để trẻ tiếp thu ngoại ngữ một cách tự nhiên và hiệu quả.

Hoạt động kích thích trí thông minh âm nhạc (Musical Intelligence)

Hoạt động: Học tiếng Anh qua các bài hát, vỗ tay theo nhịp điệu từ vựng, trò chơi âm nhạc.

Ví dụ: Hát bài “*Head, Shoulders, Knees and Toes*” để học từ vựng về các bộ phận cơ thể.

Với việc sử dụng các bài hát, bài chant đơn giản, vui tươi có liên quan đến chủ đề bài học có thể kích thích trẻ cảm thấy thoải mái hơn và tai sẽ quen dần với vô âm thanh của một thứ tiếng khác tiếng mẹ đẻ đây là cách giúp học sinh thả lỏng trước khi vào bài. Đây cũng là cách áp dụng thuyết đa trí tuệ vào bài dạy một cách gián tiếp. Trẻ được kích thích trí thông minh của riêng mình qua nhịp điệu, âm thanh, hình ảnh và sự vận động xuất hiện hay biến mất của hình ảnh.

Hoạt động kích thích trí thông minh vận động cơ thể (Bodily–Kinesthetic Intelligence)

Hoạt động: Học từ vựng thông qua hành động (TPR-Total Physical Response), đóng vai (Role- play), trò chơi vận động (Themed Movement Games), chạy tiếp sức theo từ vựng (Vocabulary Relay Race).

Ví dụ: Giáo viên hô "Jump", "Run", "Sit", "Clap", “Stand up”, “Jump”, “Touch your nose”, “Clap your hands”, “Spin around” trẻ làm theo để ghi nhớ động từ, cụm động từ.

Hoạt động vận động giúp trẻ học tiếng Anh một cách tự nhiên, vui nhộn và dễ ghi nhớ. Đồng thời, trẻ còn được rèn luyện thể chất, phản xạ, sự phối hợp tay - mắt - tai, phát triển toàn diện cả thể chất lẫn trí tuệ.

Hoạt động kích thích trí thông minh logic - toán học (Logical-Mathematical Intelligence)

Hoạt động: Đếm số lượng bằng tiếng Anh (Counting Activities), sắp xếp đồ vật theo kích cỡ/màu sắc (Sorting and Sequencing), chơi trò chơi ghép hình liên quan đến từ vựng (Matching games).

Ví dụ: Sử dụng khối hình để học đếm: "*How many blocks? One, two, three...*"

Các hoạt động kích thích trí thông minh logic- toán học giúp trẻ tư duy mạch lạc, phân tích, ghi nhớ từ vựng và cấu trúc tiếng Anh hiệu quả hơn, đồng thời rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề - một năng lực quan trọng trong quá trình học tập và phát triển toàn diện.

Hoạt động kích thích trí thông minh không gian (Visual–Spatial Intelligence)

Hoạt động: Tô màu theo từ vựng tiếng Anh (Coloring by Vocabulary), Xem và mô tả tranh ảnh (Picture Description), Lắp ghép tranh, xếp hình (Puzzle or Matching Games), Học chữ cái qua hình ảnh (Alphabet Visual Aids)

Ví dụ: Vẽ theo chủ đề đã học (animals, family, weather...), sau đó trẻ trình bày bằng tiếng Anh: "*This is my family. This is my mom. This is my dad.*" để thể hiện sáng tạo và ghi nhớ từ mới.

Các hoạt động kích thích trí thông minh không gian giúp trẻ học tiếng Anh thông qua hình ảnh, màu sắc, sự tưởng tượng và khả năng định hướng không gian. Điều này đặc biệt hiệu quả với những trẻ yêu thích vẽ, quan sát, và làm việc với thị giác.

Hoạt động kích thích trí thông minh giao tiếp (Interpersonal Intelligence)

Hoạt động: Làm việc nhóm (Role- play), hội thoại đóng vai, hỏi- đáp đơn giản bằng tiếng Anh (Pair work Q&A), làm việc nhóm (Group activities).

Ví dụ: Trẻ đóng vai “người bán hàng” và “người mua” trong hoạt động học từ vựng về đồ vật/đồ ăn:

A: Hello! What do you want?

B: I want an apple, please.

Các hoạt động kích thích trí thông minh giao tiếp giúp trẻ tự tin giao tiếp tiếng Anh, biết lắng nghe, hợp tác và thể hiện bản thân trong môi trường nhóm. Đây là nền tảng quan trọng giúp trẻ phát triển cả ngôn ngữ lẫn kỹ năng xã hội.

Hoạt động kích thích trí thông minh nội tâm (Intrapersonal Intelligence)

Hoạt động: Viết/ vẽ nhật ký cảm xúc đơn giản bằng tiếng Anh (Expressing Feelings), Nhật ký tranh cảm xúc (Emotion Drawing Journal), chọn màu sắc/hình ảnh thể hiện cảm xúc.

Ví dụ: Trẻ vẽ lại cảm xúc của mình trong ngày và nói/viết một câu tiếng Anh tương ứng “*I am happy because I played with my friend.*”

Các hoạt động phát triển trí thông minh nội tâm giúp trẻ hiểu chính mình, tự tin thể hiện suy nghĩ và cảm xúc, đồng thời hỗ trợ việc học tiếng Anh một cách sâu sắc và cá nhân hóa hơn. Đây là nền tảng quan trọng để trẻ hình thành sự tự nhận thức và phát triển cảm xúc lành mạnh.

Hoạt động kích thích trí thông minh thiên nhiên (Naturalistic Intelligence)

Hoạt động: Học từ vựng qua việc quan sát ngoài trời (*Nature Walk*), thu thập và phân loại (*Collecting and Sorting Natural Items*), hoa, con vật ngoài sân trường.

Ví dụ: Tổ chức “*English nature walk*” – trẻ học từ như *tree, leaf, bird, flower...* khi đi dạo trong vườn.

Các hoạt động kích thích trí thông minh thiên nhiên giúp trẻ yêu thiên nhiên, phát triển khả năng quan sát, tư duy phân loại và học tiếng Anh một cách gần gũi, thực tế và đầy hứng thú. Đây là một hướng học tập hiệu quả, đặc biệt với những trẻ yêu thích khám phá thế giới xung quanh.

Lớp học cũng cần phải thiết kế thuận tiện cho hoạt động thực nghiệm (như sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột, hay học nhóm, vẽ bản đồ tư duy,) hay chỉ kê bàn ghế theo một kiểu, một dãy bàn thẳng từ trên xuống dưới? Trang trí lớp học như thế nào? Trần, tường, ánh sáng như thế nào? Trẻ có được chiêm ngưỡng trang trí đẹp mắt, thân thiện không, có tranh ảnh, hội họa không? Hay chỉ là mảng tường trống, phòng học trống không?

Vận dụng đa trí tuệ trong dạy học, giáo viên cần vận dụng các phương pháp dạy học tích cực một cách linh hoạt, mềm dẻo, đa dạng phù hợp với các loại trí thông minh khác nhau của trẻ lớp mình đang giảng dạy.

Chẳng hạn, làm tốt nội dung hoạt động tập thể (câu lạc bộ, thể dục, thể thao, trò chơi dân gian) là phát huy trí thông minh âm nhạc, trí thông minh vận động, trí thông minh giao tiếp cho trẻ.

3. KẾT LUẬN

Thuyết đa trí tuệ của H.Gardner chỉ ra rằng, mỗi cá nhân đều đạt một mức độ trí tuệ nào đó trong từng “phạm vi trí tuệ” khác nhau. Mức độ này sẽ có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) phụ thuộc chủ yếu vào sự rèn luyện của từng cá nhân. Hay nói cách khác, trí tuệ không đơn thuần phát triển một cách mạnh mẽ mà nó phụ thuộc vào sự rèn luyện của mỗi người cũng như kết quả học tập.

Việc áp dụng thuyết đa trí tuệ trong tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh không chỉ nâng cao hiệu quả học tập, mà còn giúp kích thích tư duy, phát triển toàn diện, và nuôi dưỡng niềm yêu thích với ngoại ngữ ngay từ sớm. Đây là một hướng tiếp cận sư phạm hiện đại, phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhu cầu của trẻ mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Aljohani, R. A. (2021), *Teachers and Students' perceptions on the impact of Artificial Intelligence on English Language Learning in Saudi Arabia*. Journal of Applied Linguistics and Language Research, 8(1), 36-47.
- [2]. Gardner, H. E. (2011), *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*. New York: Basic Books.
- [3]. Strass, V. (2013, Oct. 16). Howard Gardner, “*Multiple intelligences*” are not “*learning styles*.” The Washington Post
- [4]. Ellis, R. (2008), *The study of second language acquisition* (2nd ed.). Oxford University Press.
- [5].Cameron, L. (2001), *Teaching languages to young learners*. New York, Melbourne, Singapore: Cambridge University Press.
- [6]. Trần Khánh Đức (2010), *Lí thuyết đa thông minh và đổi mới phương pháp dạy học ở bậc đại học*. Tạp chí Giáo dục, số 235
- [7]. Thủ tướng chính phủ. (2025), Quyết định số 2371/QĐ- TTgn Phê duyệt đề án “*Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025- 2035, tầm nhìn đến 2045*”, ngày 29/10/2025.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỂ TẠO EBOOK TƯƠNG TÁC CHO TRẺ MẦM NON

ThS. Nguyễn Thanh Thủy

Khoa Công nghệ thông tin -

Giáo dục nghề nghiệp

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào giáo dục mầm non mở ra những khả năng mới trong thiết kế học liệu số trực quan, sinh động và cá nhân hóa trải nghiệm học tập cho trẻ. Bài báo trình bày quy trình ứng dụng AI để tạo ebook tương tác cho trẻ mầm non, bao gồm thiết kế truyện minh họa, xây dựng giọng kể chuyện bằng AI, tạo video minh họa và chuyển đổi sản phẩm thành sách điện tử lật trang sinh động trên các nền tảng như Canva, Heyzine. Quy trình được mô tả một cách hệ thống, dễ hiểu, gắn với thực tiễn, nhằm hỗ trợ giáo viên và phụ huynh chủ động, sáng tạo trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo; ebook tương tác; học liệu số; giáo dục mầm non.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục, yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và phát triển học liệu số ngày càng trở nên cấp thiết. Đối với giáo dục mầm non, học liệu không chỉ cần bảo đảm tính trực quan, hấp dẫn mà còn phải phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ, tạo điều kiện để trẻ tương tác, khám phá và phát triển ngôn ngữ một cách tự nhiên. Trong khi đó, nhiều giáo viên hiện nay vẫn gặp khó khăn trong việc thiết kế học liệu số do hạn chế về kỹ năng công nghệ, thời gian và công cụ hỗ trợ.

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) mở ra những cơ hội mới giúp giáo viên dễ dàng tạo ra các sản phẩm học liệu đa phương tiện, sáng tạo và hiệu quả hơn. Các công cụ như Canva AI, Heyzine Flipbook, trình tạo hình ảnh và giọng đọc AI cho phép tự động hóa nhiều khâu trong quá trình thiết kế, từ tạo nội dung, minh họa hình ảnh, dựng video cho đến xuất bản ebook tương tác. Nhờ đó, giáo viên có thể tiết kiệm thời gian, nâng cao chất lượng bài

giảng và cá nhân hóa hoạt động học tập cho trẻ. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI trong thiết kế học liệu ở bậc mầm non vẫn chưa được khai thác rộng rãi; giáo viên còn thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể, rõ ràng và quy trình mẫu để có thể thực hành thuận lợi. Xuất phát từ thực tế đó, bài báo tập trung trình bày quy trình ứng dụng AI để tạo ebook tương tác dành cho trẻ mầm non, đồng thời giới thiệu một số công cụ hỗ trợ và ví dụ minh họa, nhằm giúp giáo viên dễ dàng vận dụng trong hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm học liệu số và vai trò của AI

Học liệu số (digital learning materials) được hiểu là toàn bộ các tài nguyên dạy học được số hóa và trình bày dưới nhiều dạng như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, mô phỏng, bài giảng điện tử, hoặc các hệ thống tương tác trực tuyến; được xây dựng nhằm hỗ trợ người học tiếp nhận kiến thức linh hoạt hơn so với học liệu truyền thống (UNESCO, 2023). Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, học liệu số là một cấu phần quan trọng trong chuyển đổi số giáo dục, cho phép cá nhân hóa quá trình học, mở rộng khả năng tiếp cận và tăng cường trải nghiệm học tập chủ động thông qua các môi trường số (MOET, 2022). Trong bối cảnh đó, trí tuệ nhân tạo (AI) đóng vai trò như một “công nghệ nền tảng” giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả của học liệu số thông qua các năng lực như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, tạo nội dung tự động, phân tích dữ liệu học tập lớn và gợi ý học tập thích ứng (OECD, 2021).

Đặc biệt với sự xuất hiện của các mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models – LLMs) như ChatGPT, Gemini hay Claude, AI có thể tham gia sâu vào quá trình thiết kế, cá nhân hóa và tối ưu hóa học liệu, từ việc hỗ trợ viết kế hoạch bài dạy, biên tập ngôn ngữ sư phạm, tạo câu hỏi – bài tập phân hóa, cho đến tạo tình huống mô phỏng hoặc kịch bản dạy học tương tác (OpenAI, 2023). Nhờ khả năng tạo lập nội dung nhanh, đa dạng và phù hợp theo mục tiêu đầu ra, AI giúp rút ngắn đáng kể thời gian chuẩn bị học liệu, đồng thời nâng cao chất lượng và tính sáng tạo trong giảng dạy, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục và phát triển năng lực số cho giáo viên – sinh viên trong các cơ sở đào tạo (UNESCO, 2023; MOET, 2022).

2.2. Thực trạng ứng dụng AI tạo học liệu số sáng tạo cho trẻ mầm non

Trong những năm gần đây, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là các mô hình sinh nội dung (Generative AI), đã trở thành xu hướng nổi bật trong lĩnh vực giáo dục mầm non. Nhiều giáo viên và sinh viên sư phạm đã sử dụng các công cụ như ChatGPT, Canva AI, hoặc các hệ thống tạo hình ảnh – kịch bản tự động để xây dựng học liệu số như truyện tranh, phiếu hoạt động, kịch bản trò chơi, video tương tác và bài giảng điện tử nhằm tăng tính hấp dẫn và sáng tạo cho trẻ [1], [2].

Việc sử dụng AI giúp giảm đáng kể thời gian thiết kế học liệu, đồng thời tạo ra nhiều phiên bản nội dung phù hợp với đặc điểm phát triển của từng nhóm tuổi, vốn là yêu cầu quan trọng trong Giáo dục mầm non [3]. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây cho thấy việc ứng dụng AI trong giáo dục mầm non vẫn ở mức thử nghiệm và mang tính cá nhân lẻ tẻ, chưa có tiêu chuẩn thống nhất về quy trình sư phạm, kiểm định độ chính xác nội dung, hay mức độ an toàn khi sử dụng dữ liệu liên quan đến trẻ nhỏ [4].

Một số nghiên cứu tình huống (case study) tại các cơ sở giáo dục quốc tế ghi nhận rằng giáo viên đánh giá AI có ích trong gợi ý ý tưởng và thiết kế học liệu, nhưng vẫn lo ngại về sai lệch văn hóa, tính phù hợp độ tuổi và nguy cơ AI tạo ra nội dung không chính xác hoặc thiếu an toàn nếu không được kiểm duyệt bởi chuyên gia sư phạm [5]. Đồng thời, các tổ chức giáo dục toàn cầu như UNESCO nhấn mạnh rằng việc sử dụng học liệu AI cho trẻ mầm non phải đi kèm quy trình thẩm định sư phạm, biện pháp bảo vệ dữ liệu và cam kết đạo đức nhằm tránh nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư của trẻ [6].

Nhìn chung, thực trạng hiện nay cho thấy AI mở ra nhiều cơ hội đổi mới và sáng tạo học liệu số cho trẻ mầm non, nhưng việc triển khai rộng rãi còn hạn chế do thiếu nghiên cứu định lượng, thiếu tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và chưa có khung hướng dẫn chuyên biệt cho cấp học này.

2.3. Quy trình ứng dụng AI tạo ebook cho trẻ mầm non

Bước 1: Xác định chủ đề và nội dung giáo dục

Lựa chọn truyện kể, bài học về chữ cái, số đếm, màu sắc, kỹ năng sống...

Ví dụ:

Truyện “Thỏ con không vâng lời” – giúp dạy trẻ bài học về nghe lời người lớn.

Bước 2: Tạo tranh minh họa bằng AI

Công cụ: DALL·E, Bing Image Creator, Canva AI.

Thực hiện:

Viết mô tả hình ảnh bằng tiếng Anh (prompt).

Dán prompt vào Canva AI để tạo ảnh minh họa truyện.

Ví dụ prompt: “*A cute white bunny with a red backpack, looking surprised under a big tree in the forest.*”

Bước 3: Tạo giọng kể chuyện AI

Công cụ: Google Text-to-Speech, Play.ht, Murf AI.

Thực hiện:

Soạn lời kể chuyện bằng văn bản.

Chọn giọng đọc phù hợp (bé gái, nhẹ nhàng).

Tinh chỉnh cao độ/tốc độ bằng vocalremover.org (Pitcher) nếu cần.

Bước 4: Tạo video minh họa hoặc hoạt hình

Công cụ: Pika Labs, Canva Video, Vidu.ai, CapCut.

Thực hiện:

Dùng ảnh từ Canva AI làm nền.

Ghép âm thanh giọng đọc kể chuyện.

Chèn hiệu ứng chuyển động cơ bản để tạo video hoạt hình mini.

Bước 5: Chuyển sang ebook tương tác dạng lật trang

Công cụ: Heyzine.com, Canva Flipbook.

Thực hiện:

Thiết kế nội dung bài giảng/truyện trên Canva (sử dụng ảnh + chữ).

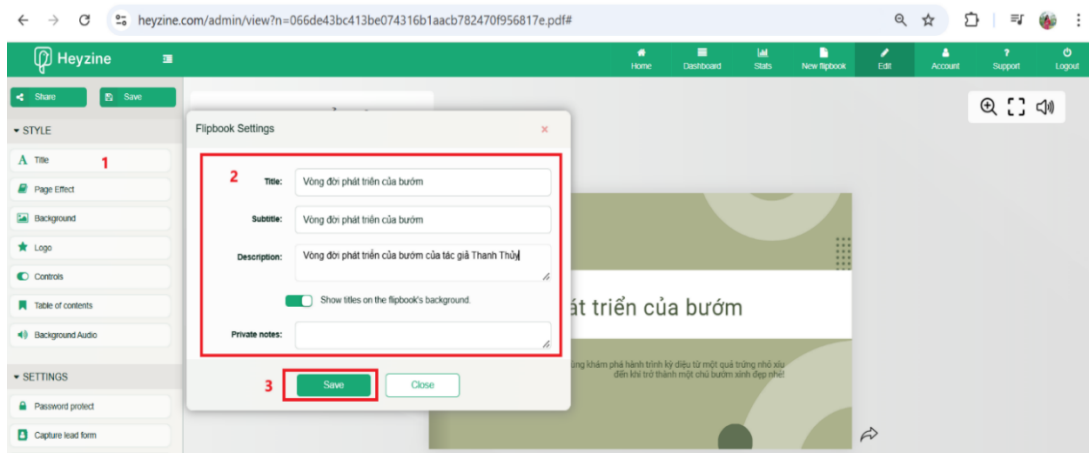
Chọn “Chia sẻ” → “Xem tất cả” → chọn xuất bản dưới dạng Flipbook.

Tùy chỉnh: tiêu đề, giao diện lật trang, chèn âm thanh nền, nút điều hướng.

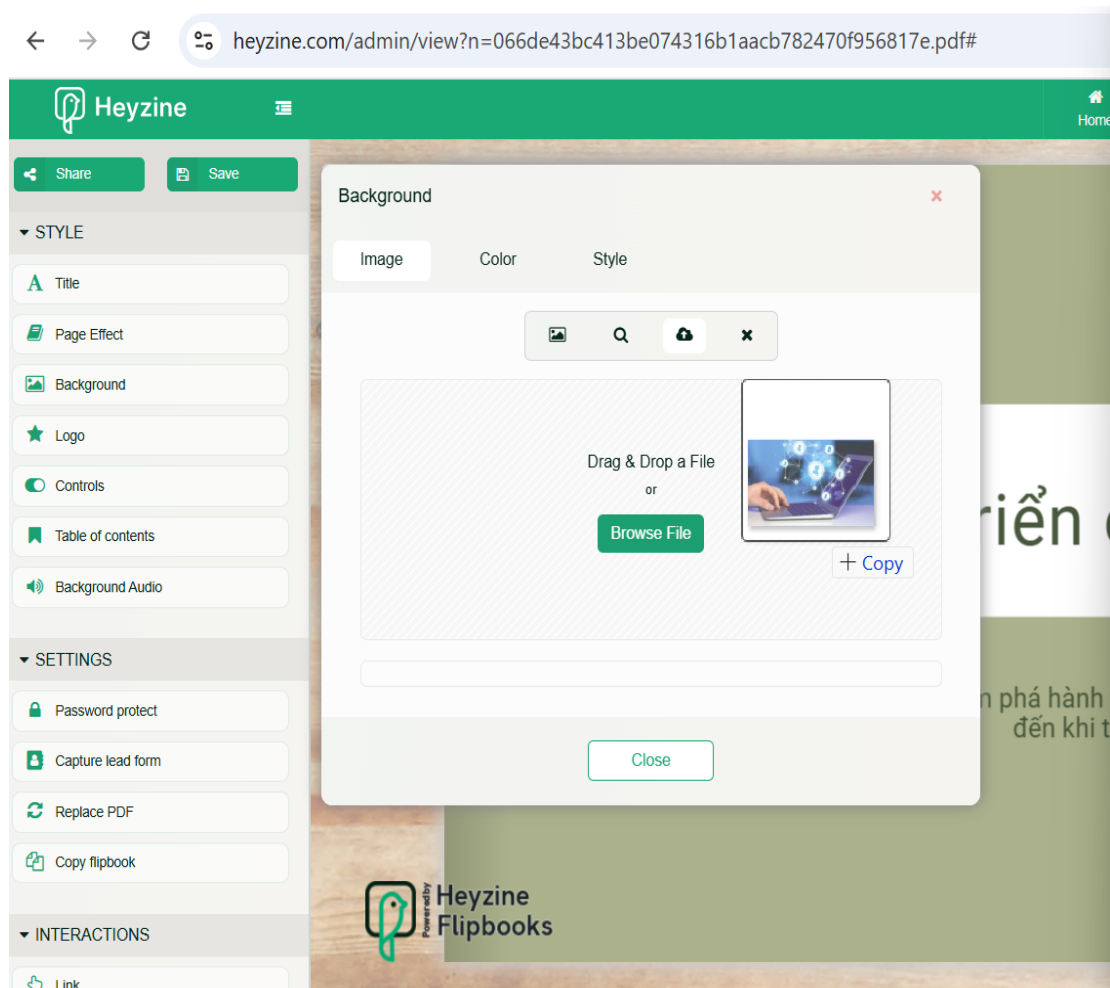
Thêm liên kết, video, audio vào từng trang sách để tăng tính tương tác.

Sửa tiêu đề:

- Chọn mục Title
- Nhập các nội dung
- Save and close



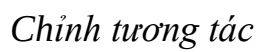
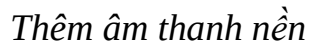
- Chọn nền ảnh tải từ máy lên



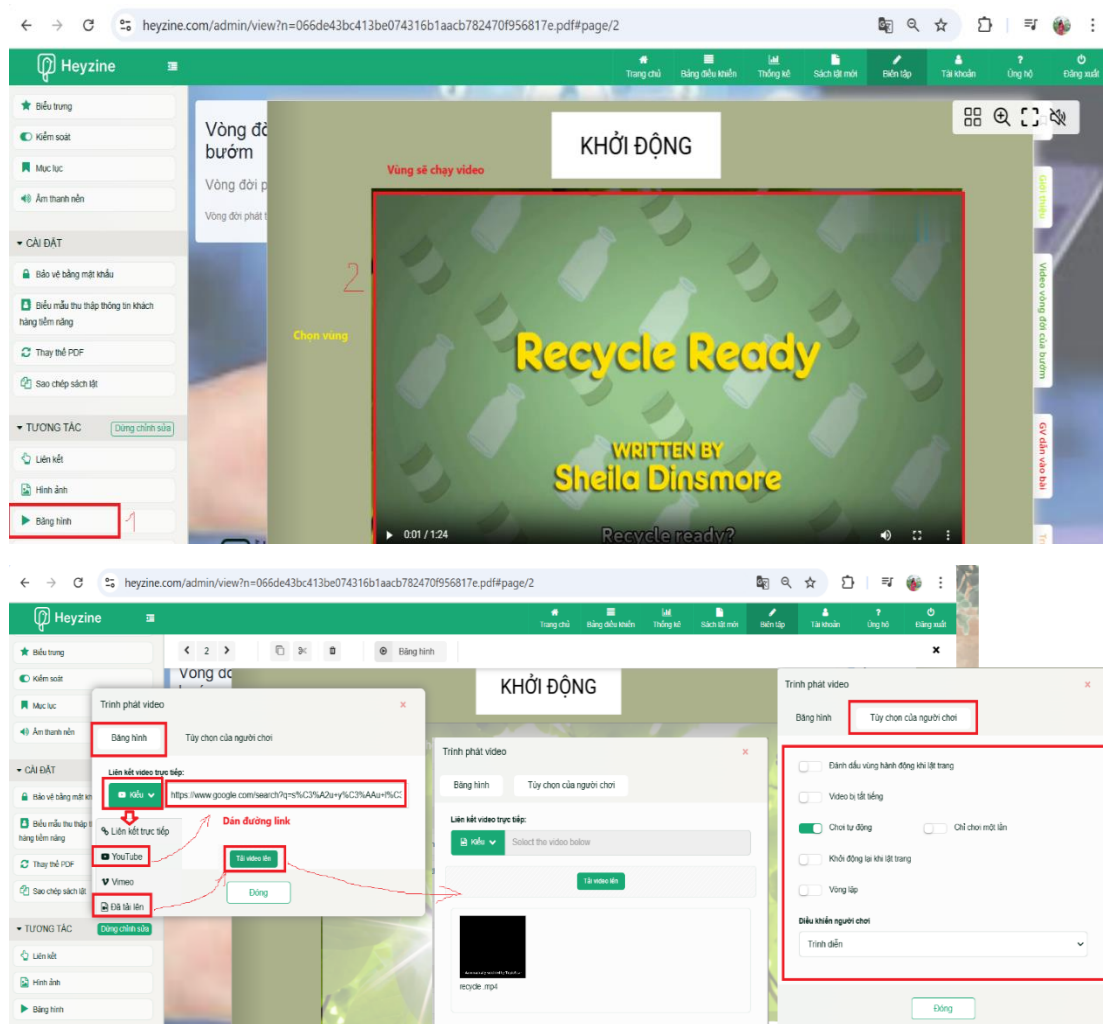
Thiết đặt các nút điều hướng cho sách

- Có cho phép tải về, chia sẻ, in ấn hay không?
- Có cho phép xem toàn màn hình, về đầu, về cuối, phóng to ?

Tạo mục lục cho sách



87



Thiết đặt xong nhớ click biểu tượng “Dừng chỉnh sửa” góc trên bên phải tab “Tương tác” (bên trái màn hình).

Bước 6: Đăng tải và chia sẻ

Tải link ebook → chia sẻ cho phụ huynh (qua Zalo, website lớp học).

Có thể lưu trữ sách trên kho lớp học số hoặc hệ thống trường.

2.4. Những lợi ích nổi bật khi ứng dụng AI tạo ebook

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế và sản xuất ebook mang lại nhiều lợi ích rõ rệt trong hoạt động dạy học, đặc biệt ở bậc mầm non – nơi học liệu cần giàu tính trực quan, sinh động và dễ tiếp cận với trẻ. Trước hết, AI giúp tự động hóa quy trình tạo nội dung, từ viết kịch bản, mô tả hoạt động, tạo hình minh họa đến biên tập bố cục, giúp giáo viên rút ngắn từ 50–80% thời gian thiết kế ebook so với cách thủ công [7]. Bên cạnh đó, các mô hình tạo sinh (Generative AI) như GPT-4, Claude hay Canva Magic Write có khả năng tạo

nhiều phiên bản nội dung phù hợp các độ tuổi, giúp cá nhân hóa tài liệu theo năng lực và đặc điểm phát triển của từng nhóm trẻ [8].

AI cũng hỗ trợ tăng cường tính sáng tạo trong ebook thông qua các chức năng gợi ý ý tưởng, thiết kế trang, minh họa đa phong cách, tạo storyboard hoặc mô phỏng hoạt động, từ đó giúp giáo viên mở rộng kho học liệu mà không bị giới hạn bởi kỹ năng thiết kế truyền thống [9].

Ngoài ra, ebook được tạo bằng AI có thể tích hợp các yếu tố đa phương tiện như âm thanh, hình động hoặc tương tác, góp phần phát triển kỹ năng ngôn ngữ, nhận thức và khám phá của trẻ – phù hợp với định hướng giáo dục sớm lấy trẻ làm trung tâm [10]. Nhìn chung, AI không chỉ làm tăng năng suất biên soạn học liệu mà còn góp phần nâng cao chất lượng ebook, giúp tài liệu trở nên hấp dẫn, chính xác và thuận lợi cho việc triển khai trong thực tiễn lớp học mầm non.

2.5. Một số khó khăn và giải pháp

Mặc dù trí tuệ nhân tạo (AI) mở ra nhiều cơ hội đổi mới trong việc thiết kế ebook tương tác cho trẻ mầm non, quá trình triển khai vẫn gặp phải nhiều khó khăn liên quan đến kỹ thuật, sự phạm và quản lý. Một trong những thách thức lớn nhất là hạn chế về năng lực số và kỹ năng sử dụng AI của giáo viên, khi nhiều giáo viên mầm non chưa quen với quy trình thiết kế học liệu số hoặc thiếu khả năng đánh giá chất lượng nội dung do AI tạo ra [11].

Bên cạnh đó, các công cụ AI tạo sinh đôi khi tạo ra nội dung sai lệch, thiếu chính xác hoặc không phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ, đòi hỏi sự kiểm duyệt nghiêm ngặt để đảm bảo tính an toàn và phù hợp sự phạm [12]. Vấn đề đạo đức và bảo mật dữ liệu cũng là rào cản quan trọng, bởi nhiều nền tảng AI thu thập dữ liệu người dùng và không phải hệ thống nào cũng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn bảo vệ trẻ em trong môi trường số [13]. Ngoài ra, một số cơ sở giáo dục còn thiếu hạ tầng công nghệ (thiết bị, mạng, tài khoản bản quyền), làm hạn chế khả năng triển khai rộng rãi ebook tương tác [14].

Từ thực trạng này, các giải pháp được đề xuất bao gồm:

- Bồi dưỡng năng lực số và năng lực sử dụng AI cho giáo viên theo hướng thực hành, tập trung vào kỹ năng đánh giá – chỉnh sửa nội dung AI-generated;

- Xây dựng quy trình thẩm định sự phạm cho ebook AI, bao gồm kiểm tra độ chính xác, phù hợp lứa tuổi, tính an toàn và yếu tố văn hóa;
- Áp dụng các hướng dẫn đạo đức về AI của UNESCO, đặc biệt về quyền riêng tư, công bằng và tính minh bạch khi sử dụng dữ liệu [15];
- Hoàn thiện hạ tầng số tại các cơ sở giáo dục mầm non và khuyến khích sử dụng các nền tảng AI uy tín, có bộ lọc nội dung dành riêng cho trẻ. Những giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của AI trong việc tạo ebook tương tác, đồng thời bảo đảm tính khoa học, an toàn và phù hợp phát triển cho trẻ mầm non.

3. KẾT LUẬN

Bài viết “ứng dụng trí tuệ nhân tạo (ai) để tạo ebook tương tác cho trẻ mầm non” đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và khả năng ứng dụng của các công cụ AI trong thiết kế học liệu số dành cho trẻ nhỏ. Kết quả nghiên cứu cho thấy AI không chỉ hỗ trợ tự động hóa quy trình biên soạn nội dung, mà còn mở ra những phương thức sáng tạo mới trong xây dựng eBook tương tác thông qua khả năng tạo văn bản, hình ảnh, mô phỏng hoạt động và thiết kế đa phương tiện. Các eBook được tạo bằng AI có tiềm năng đáp ứng tốt hơn nhu cầu cá nhân hóa, tính trực quan và đặc điểm phát triển của trẻ mầm non trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Bên cạnh những lợi ích nổi bật, nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế cần tiếp tục quan tâm, bao gồm năng lực số của giáo viên, tính chính xác của nội dung do AI tạo sinh, vấn đề bảo mật dữ liệu và yêu cầu thẩm định sự phạm trước khi triển khai học liệu cho trẻ. Những khó khăn này đặt ra yêu cầu phải xây dựng các quy trình kiểm định chất lượng học liệu AI, bồi dưỡng năng lực sử dụng công nghệ cho giáo viên và tăng cường hạ tầng số tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Từ những kết quả đạt được, có thể khẳng định rằng việc ứng dụng AI trong tạo eBook tương tác là hướng đi phù hợp với định hướng chuyển đổi số giáo dục, đồng thời góp phần đổi mới phương pháp dạy học tại các cơ sở giáo dục mầm non. Nếu được triển khai một cách có kiểm soát, có đạo đức và bám sát đặc điểm tâm sinh lý trẻ em, eBook tương tác được hỗ trợ bởi AI sẽ trở thành công cụ học tập hiệu quả, sáng tạo và thân thiện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Canva (2024). *AI for Teachers: Magic Design & Classroom Tools*.
- [2]. OpenAI (2023). *GPT-4 System Card: Applications in Education*.
- [3]. Ministry of Education and Training (MOET) (2022). *Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non*.
- [4]. Su, J. (2023). *AI Literacy in Early Childhood Education: A Scoping Review*.
- [5]. Uğraş, M. (2024). *Evaluation of ChatGPT Usage in Preschool Education: Teacher Perspectives*.
- [6]. UNESCO (2023). *Guidance for Generative AI in Education and Research*.
- [7]. OpenAI (2023). *Applications of GPT-4 in creative content generation*.
- [8]. Canva (2024). *Magic Write & AI Tools for Digital Storybooks*.
- [9]. Adobe Firefly Team (2024). *Generative AI for Education and Creative Design*.
- [10]. UNESCO (2023). *AI-powered digital content and its role in early childhood learning*.
- [11] MOET (2023). *Báo cáo năng lực số của giáo viên mầm non trong bối cảnh chuyển đổi số*.
- [12] Google DeepMind (2024). *Limitations of Generative Models in Educational Content*.
- [13] UNICEF (2023). *Child Online Protection Guidelines for AI Systems*.
- [14] World Bank (2022). *Digital Infrastructure in Early Childhood Education*.
- [15] UNESCO (2023). *Ethical AI Framework for Education and Children's Rights*.

MỘT SỐ LƯU Ý KHI SỬ DỤNG CÔNG CỤ AI THIẾT KẾ TRANH MINH HOẠ TÁC PHẨM VĂN HỌC DÀNH CHO TRẺ MẦM NON

ThS. Nguyễn Cẩm Giang

ThS. Trần Thị Ngoan

Khoa Giáo dục Mầm non

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh, AI mở ra khả năng tạo tranh minh họa tác phẩm văn học cho trẻ mầm non nhanh, đa dạng phong cách nghệ thuật. Tuy nhiên, AI không thể thay thế được sự thấu hiểu cảm xúc, bối cảnh văn hoá xã hội và mục tiêu giáo dục của con người, dẫn đến nguy cơ tranh thiếu chiều sâu tư tưởng, dễ gây hiểu nhầm hoặc thiếu tính biểu cảm độc đáo. Vì vậy, việc sử dụng công cụ AI vào lĩnh vực giáo dục trong đó có thiết kế tranh minh họa tác phẩm văn học cho trẻ mầm non đòi hỏi một cái nhìn thận trọng, toàn diện về cả lợi ích và những hệ lụy tiềm ẩn đối với sự phát triển của trẻ nhỏ.

Từ khóa: AI, tranh minh họa

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh công nghệ số phát triển nhanh chóng, trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng thay thế nhiều lĩnh vực sáng tạo, bao gồm cả nghệ thuật thị giác và thiết kế nội dung giáo dục. Đặc biệt, khả năng tạo ra tranh minh họa từ văn bản đầu vào của các hệ thống AI như DALL-E, MidJourney hay Stable Diffusion, Adobe Firefly... đã mở ra một hướng đi mới trong việc sản xuất tranh, sách thiếu nhi, đặc biệt là sách và tranh minh họa tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non. Tuy nhiên, việc tích hợp AI vào lĩnh vực giáo dục trong đó có việc sử dụng AI thiết kế tranh minh họa tác phẩm văn học cho trẻ mầm non đòi hỏi một cái nhìn thận trọng, toàn diện về cả lợi ích và những hệ lụy tiềm ẩn đối với sự phát triển của trẻ nhỏ.

2. NỘI DUNG

2.1. Vai trò của việc sử dụng tranh minh họa khi cho trẻ mầm non làm quen tác phẩm văn học

Trẻ mầm non chủ yếu nhận biết và khám phá thế giới thông qua các giác quan, đặc biệt là thị giác, vì não bộ của trẻ ở độ tuổi này chưa phát triển đầy đủ khả năng tư duy trừu tượng hay logic phức tạp. Hình ảnh trực quan, cụ thể từ tranh minh họa hay đồ vật, sự vật thực tế giúp trẻ dễ dàng nắm bắt và liên kết

thông tin hơn so với các khái niệm trừu tượng hoặc ngôn ngữ đơn thuần. Theo các nghiên cứu tâm lý học phát triển, như lý thuyết của Jean Piaget, trẻ ở giai đoạn tiền thao tác (preoperational stage) thường tư duy dựa trên biểu tượng và hình ảnh, với trí nhớ và sự chú ý gắn liền với những gì trực quan, sinh động. Do đó, việc sử dụng hình ảnh, màu sắc và vật thể cụ thể trong giáo dục mầm non không chỉ phù hợp mà còn tối ưu hóa khả năng học hỏi và phát triển của trẻ.

Với hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, việc sử dụng tranh minh họa khi kể chuyện, đọc thơ có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sự phát triển nhận thức, cảm xúc và ngôn ngữ của trẻ. Tranh minh họa với hình ảnh rõ ràng, màu sắc bắt mắt giúp trẻ dễ dàng hình dung nội dung câu chuyện hoặc bài thơ, từ đó tăng cường khả năng hiểu và ghi nhớ. Những hình ảnh sống động không chỉ kích thích trí tưởng tượng mà còn khơi gợi cảm xúc, giúp trẻ đồng cảm với nhân vật hoặc thông điệp của tác phẩm. Hơn nữa, tranh minh họa còn là công cụ hỗ trợ phát triển ngôn ngữ, khi trẻ liên kết hình ảnh với từ ngữ, khuyến khích trẻ đặt câu hỏi, diễn đạt ý tưởng và tham gia thảo luận. Do đó, tranh minh họa không chỉ làm cho hoạt động kể chuyện, đọc thơ trở nên hấp dẫn mà còn góp phần xây dựng nền tảng tư duy sáng tạo và kỹ năng giao tiếp cho trẻ mầm non.

Tuy nhiên khi thiết kế tranh minh họa cho tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non cần đáp ứng một số yêu cầu và tiêu chí phù hợp với đặc điểm phát triển tâm lý, nhận thức của trẻ cũng như mục tiêu giáo dục mầm non:

- Hình ảnh cần đơn giản, rõ ràng, màu sắc hài hòa, tươi sáng, giàu tính nghệ thuật nhằm khơi gợi trí tưởng tượng, liên tưởng và phát triển khả năng cảm thụ cái đẹp cho trẻ. Bối cảnh được minh họa với đường nét mềm mại, tránh chi tiết rườm rà hoặc hình ảnh đáng sợ để tạo cảm giác an toàn và gần gũi với trẻ. Bố cục tranh phải logic, kích thước nhân vật và sự vật cân đối, phù hợp với nhận thức không gian của trẻ.

- Tranh minh họa cần bám sát nội dung tác phẩm, thể hiện được những điểm, những chi tiết trọng tâm và truyền tải đúng thông điệp, cảm xúc của tác phẩm, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa và tâm lý trẻ nhỏ như: tình yêu thương, sự chia sẻ, tinh thần đoàn kết,...

- Kích thước tranh cần có tỉ lệ thích hợp: Tranh minh họa sử dụng trong hoạt động học thường có tỉ lệ khoảng 45x 60cm; Tranh minh họa tác phẩm trong cuốn sách thì kích thước khoảng 20x27cm hoặc 15x21cm để phù hợp với việc tri giác gần và thuận lợi cho việc giở sách của trẻ.

2.2. Lưu ý khi sử dụng AI thiết kế tranh minh họa tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non

2.2.1. Ưu điểm và hạn chế khi sử dụng AI thiết kế tranh minh họa tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non

a) Ưu điểm

Một trong những ưu điểm nổi bật của AI là khả năng tạo ra hình ảnh nhanh chóng với chi phí thấp. Trong các chương trình giáo dục quy mô lớn hoặc các dự án cộng đồng, việc sử dụng AI có thể giúp rút ngắn thời gian sản xuất và gia tăng tính khả thi cho việc tiếp cận tài liệu học tập đa dạng, hấp dẫn và dễ tiếp cận hơn với trẻ.

AI có thể mô phỏng nhiều phong cách nghệ thuật khác nhau - từ cổ tích, hiện đại, dân gian đến siêu thực - góp phần làm phong phú thế giới hình ảnh trong tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non. Điều này giúp nội dung tác phẩm trở nên hấp dẫn, phù hợp với sở thích, độ tuổi và nhu cầu phát triển thẩm mỹ ở từng giai đoạn của trẻ từ 0 - 6 tuổi.

Khả năng “cá nhân hóa” của AI cho phép tạo ra các hình ảnh phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mầm non. Ví dụ, nhóm tuổi 0 - 3 thường ưu tiên nhận diện hình ảnh có màu sắc tươi sáng, hình khối đơn giản, đường nét rõ ràng - tất cả đều có thể được AI điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu đầu vào của người thiết kế.

AI còn mở ra khả năng thiết kế nội dung mang yếu tố cá nhân hóa cao: nhân vật có tên giống trẻ, bối cảnh gần gũi với môi trường sống của trẻ... Điều này không chỉ tạo sự gắn kết cảm xúc mà còn tăng cường khả năng nhập vai, hứng thú đọc và phát triển ngôn ngữ, tư duy phản biện từ sớm của trẻ.

b) Hạn chế

Mặc dù AI có thể tạo ra những hình ảnh thẩm mỹ, nhưng bản chất hoạt động của nó vẫn dựa trên thuật toán và dữ liệu thống kê. AI không thể hiểu được cảm xúc, bối cảnh văn hóa - xã hội hay các mục tiêu giáo dục như con người. Do đó, hình ảnh minh họa do AI tạo ra dễ thiếu chiều sâu sư phạm và có thể gây nhầm lẫn hoặc sợ hãi cho trẻ nếu không được kiểm duyệt kỹ lưỡng.

Tranh minh họa do họa sĩ sáng tạo thường mang tính cá nhân sâu sắc, ẩn chứa thông điệp giáo dục và cảm xúc chân thật. Ngược lại, hình ảnh do AI tạo ra thường rập khuôn, thiếu tính biểu cảm độc đáo. Việc lạm dụng hình ảnh AI có thể làm suy giảm khả năng cảm thụ nghệ thuật và óc tưởng tượng của trẻ - những yếu tố quan trọng trong phát triển tư duy sáng tạo.

Tranh minh họa, truyện tranh không chỉ là công cụ học tập mà còn là phương tiện tương tác giữa người lớn và trẻ em. Những cuộc trò chuyện, mô tả hình ảnh và kể chuyện đi kèm tranh minh họa đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng giao tiếp xã hội. Sự phụ thuộc vào công nghệ nói chung, AI nói riêng dễ dẫn đến việc giảm sút các tương tác này.

Ngoài ra, AI học từ dữ liệu có trên internet, trong đó nhiều nguồn chưa được xác minh về bản quyền hoặc nguồn gốc. Điều này đặt ra nguy cơ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của các nghệ sĩ. Hơn nữa, nếu không kiểm soát chặt chẽ, AI có thể tạo ra nội dung không phù hợp về giới tính, văn hóa hoặc chứa định kiến xã hội.

2.2.2. Một số lưu ý khi sử dụng AI thiết kế tranh minh họa tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non

Để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp trong giáo dục mầm non, việc sử dụng AI thiết kế tranh minh họa tác phẩm văn học cho trẻ mầm non cần được giám sát chuyên môn chặt chẽ:

(1) Lựa chọn và kiểm soát công cụ AI:

Khi thiết kế tranh minh họa cho trẻ mầm non, giáo viên cần chọn các công cụ AI đáng tin cậy, có khả năng kiểm soát được nội dung đầu ra. Không phải tất cả nền tảng tạo hình ảnh AI đều an toàn và phù hợp với trẻ nhỏ, do đó việc tìm hiểu kỹ về công cụ trước khi sử dụng là bắt buộc. Giáo viên cũng phải chủ động kiểm duyệt

toàn bộ hình ảnh trước khi đưa vào sử dụng để tránh các chi tiết gây nhiễu loạn, nhầm lẫn hoặc không phù hợp về mặt sư phạm, đạo đức hoặc văn hóa.

(2) Tính nhất quán với nội dung tác phẩm văn học:

Minh họa bằng AI cần đảm bảo sự nhất quán chặt chẽ với nội dung tác phẩm văn học, phản ánh đúng nhân vật, bối cảnh, cảm xúc và thông điệp của tác phẩm. Hình ảnh phải giúp trẻ hiểu và đồng cảm với nội dung thay vì hiểu sai tình huống.

(3) Vai trò của giáo viên và tương tác học tập:

Tranh minh họa chỉ là công cụ hỗ trợ và chỉ thể hiện một phần nội dung tác phẩm, biểu hiện các hành động riêng lẻ, chân dung nhân vật hay khung cảnh thiên nhiên theo tinh thần tác phẩm. Ngay cả các hình tượng minh họa chi tiết cũng không thể thay thế được trọn vẹn tác phẩm văn học. Trẻ chỉ tiếp nhận đầy đủ và cảm nhận sâu sắc tác phẩm khi giáo viên kết hợp việc đọc và kể diễn cảm, giúp trẻ tiếp nhận bằng cả tai và mắt, làm cho tác phẩm trở nên sống động và rõ ràng hơn. Giá trị giáo dục thực sự phát huy khi giáo viên kết hợp tranh với các hoạt động tương tác như: đặt câu hỏi, khuyến khích trẻ mô tả, tưởng tượng và phản hồi,... Việc này không những phát triển ngôn ngữ và tư duy mà còn tăng cường sự gắn kết cảm xúc giữa người lớn và trẻ nhỏ, điều mà công nghệ không thể thay thế.

(4) Kết hợp tranh minh họa AI và tranh do họa sĩ vẽ:

Giáo viên nên kết hợp tranh minh họa do AI tạo với các tác phẩm minh họa của họa sĩ để giúp trẻ tiếp cận đa dạng biểu đạt nghệ thuật, nuôi dưỡng cảm thụ thẩm mỹ cá nhân và tránh bị “đồng hóa” bởi hình ảnh sản xuất hàng loạt. Thêm vào đó, giáo viên có thể giới thiệu cho trẻ về nguồn gốc hình ảnh, từ đó giáo dục ý thức tôn trọng sản phẩm sáng tạo và bản quyền- một giá trị quan trọng trong giáo dục công dân thời đại số.

3. KẾT LUẬN

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong minh họa tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non là một xu hướng tiềm năng, đặc biệt hữu ích trong sản xuất nội dung quy mô lớn. Tuy nhiên, AI chỉ nên được xem như một công cụ hỗ trợ, không thể thay thế vai trò của con người - bao gồm giáo viên, họa sĩ, nhà văn và chuyên gia tâm lý - những người có khả năng nuôi dưỡng cảm xúc, trí

trường tượng và nhân cách của trẻ. Đặc biệt, với hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non, sự thấu hiểu trẻ nhỏ, kỹ năng sư phạm và tình cảm của người giáo viên với trẻ là yếu tố cốt lõi để mang lại trải nghiệm học tập toàn diện, an toàn và đầy cảm hứng cho trẻ ở lứa tuổi đầu đời, AI chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Chương trình Giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục.
- [2]. Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2014). *Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học*. NXB Giáo dục.

THỨC ĐẨY HỌC TẬP CÁ NHÂN HOÁ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRONG KỶ NGUYÊN SỐ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

ThS. Phạm Hồng Dương

Khoa Tiếng Anh

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Trong kỷ nguyên số, việc phát triển năng lực tiếng Anh là yêu cầu cấp thiết đối với sinh viên, đặc biệt là khối ngành Sư phạm tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (NCE). Tuy nhiên, thực trạng trình độ đầu vào không đồng đều và phương pháp giảng dạy đại trà đang tạo ra rào cản lớn trong việc tối ưu hóa hiệu quả học tập. Bài viết này đề xuất giải pháp học tập cá nhân hóa dựa trên nền tảng Trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm xây dựng lộ trình học tập linh hoạt. Qua đó, tác giả kiến nghị hệ thống đánh giá năng lực cá nhân và chương trình phân tầng để thúc đẩy tính chủ động, đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Học tập cá nhân hoá, tiếng Anh, sinh viên, công nghệ giáo dục, trí tuệ nhân tạo, phát triển năng lực

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, năng lực sử dụng tiếng Anh ngày càng đóng vai trò quan trọng giúp sinh viên tiếp cận tri thức quốc tế và mở rộng cơ hội nghề nghiệp. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo giáo viên – một ngành nghề đang đòi hỏi sự đổi mới toàn diện và sâu rộng – tiếng Anh không chỉ đơn thuần là công cụ giao tiếp, mà còn là yếu tố then chốt giúp người học thích ứng với các tiêu chuẩn giáo dục hiện đại.

Tuy nhiên, tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (NCE), đa số sinh viên năm thứ nhất hiện có trình độ tiếng Anh ở mức A1-A2; một số đạt mức tiệm cận B1 nhưng kỹ năng chưa thực sự vững vàng. Những hạn chế về vốn từ, kỹ năng giao tiếp, cùng tâm lý thụ động và năng lực tự học còn yếu đang tạo ra rào cản lớn trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ. Đáng chú ý, phương pháp giảng dạy hiện tại vẫn mang tính đồng loạt, ít tính cá nhân hóa, dẫn đến việc chưa đáp ứng kịp thời sự khác biệt về năng lực và nhu cầu thực tiễn của từng người học.

Trước thực trạng đó, việc áp dụng mô hình **Học tập cá nhân hóa (Personalized Learning)** – lấy người học làm trung tâm để xây dựng lộ trình học tập riêng biệt – là hướng đi cấp thiết. Đặc biệt, sự hỗ trợ từ công nghệ giáo dục và Trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ giúp tối ưu hóa khả năng triển khai mô hình này một cách linh hoạt và hiệu quả. Do đó, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cá nhân hóa học tập tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất tại NCE, từ đó đề xuất các giải pháp gắn liền với công nghệ hiện đại nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và tư duy nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên tương lai.

2.NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận của học tập cá nhân hoá trong dạy - học tiếng Anh

2.1.1. Khái niệm học tập cá nhân hoá

Học tập cá nhân hoá (Personalized Learning) là một phương pháp giáo dục trong đó nội dung, tiến trình và cách thức học tập được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu, sở thích, năng lực và tốc độ học của từng cá nhân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, năng lực tiếng Anh đóng vai trò then chốt giúp sinh viên tiếp cận tri thức và mở rộng cơ hội nghề nghiệp. Đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, ngoại ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là điều kiện tiên quyết giúp đội ngũ giáo viên tương lai thích ứng với các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (NCE), đa số sinh viên năm thứ nhất vẫn đang gặp nhiều rào cản do trình độ đầu vào còn hạn chế (mức A1-A2). Những khó khăn về vốn từ, kỹ năng giao tiếp cùng tâm lý thụ động đang khiến việc học tập chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Đáng chú ý, phương pháp giảng dạy hiện tại vẫn mang tính đại trà, chưa đáp ứng được sự khác biệt về năng lực và nhu cầu riêng biệt của từng cá nhân.

Trước thực trạng đó, việc áp dụng mô hình Học tập cá nhân hóa (Personalized Learning) kết hợp với Trí tuệ nhân tạo (AI) là một hướng đi tất yếu. Giải pháp này không chỉ giúp xây dựng lộ trình học tập linh hoạt mà còn thúc đẩy tính chủ động, nâng cao năng lực ngoại ngữ và tư duy nghề nghiệp cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập."

2.1.2. Học tập cá nhân hoá gắn với phát triển năng lực người học

Mục tiêu giáo dục hiện đại không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn phát triển năng lực toàn diện cho người học. Trong tiếng Anh, năng lực bao gồm kiến thức ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, khả năng giao tiếp, tư duy phản biện và vận dụng trong môi trường quốc tế. Khung tham chiếu ngôn ngữ châu Âu (CEFR) là hệ thống đánh giá phổ biến, mô tả chi tiết các cấp độ từ A1 đến C2, giúp người học xác định vị trí và xây dựng mục tiêu tiến bộ cụ thể. Học tập cá nhân hoá hỗ trợ sinh viên tiếp cận mục tiêu này phù hợp với năng lực nền tảng và định hướng nghề nghiệp riêng. Theo Tomlinson (2017), khi người học được lựa chọn phương pháp học phù hợp, họ phát triển tư duy phản biện, khả năng tự điều chỉnh và niềm tin vào bản thân. Đây là nền tảng hình thành năng lực học tập suốt đời, một phẩm chất quan trọng của công dân toàn cầu thế kỷ 21.

2.1.3. Vai trò của công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI)

Sự phát triển nhanh của công nghệ giáo dục (EdTech) và trí tuệ nhân tạo (AI) đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai học tập cá nhân hoá trên diện rộng. Các nền tảng như Duolingo, ELSA Speak, Quizlet AI, Grammarly và ChatGPT cung cấp nội dung theo cấp độ, phản hồi tự động và theo dõi tiến độ cá nhân. Người học có thể chọn kỹ năng, chủ đề và tốc độ học phù hợp với nhu cầu cá nhân.

Luckin et al. (2016) chỉ ra rằng AI trong giáo dục giúp thu thập dữ liệu học tập (thời gian học, lỗi sai, phản hồi...), từ đó tạo đề xuất học tập thích ứng theo thời gian thực. Điều này đặc biệt hữu ích trong dạy tiếng Anh, hỗ trợ phát âm, từ vựng, cấu trúc câu và phản hồi giao tiếp tức thì.

Bên cạnh đó, các hệ thống quản lý học tập (LMS) như Moodle, Canvas, Google Classroom khi tích hợp AI cho phép giảng viên theo dõi tiến độ từng cá nhân, đưa ra hướng dẫn và điều chỉnh học liệu phù hợp, ngay cả với lớp học đông người.

2.1.4. Tính khả thi trong giáo dục đại học tại Việt Nam

Tại Việt Nam, việc học tập cá nhân hóa đã bắt đầu được quan tâm trong các chính sách đổi mới giáo dục, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Hà (2021) tại một trường đại học cho thấy rằng, khi sinh viên được hướng dẫn sử dụng các công cụ học tập số và khuyến khích thiết lập mục tiêu cá nhân, họ có xu hướng học tập một cách chủ động hơn, tham gia tích cực vào các hoạt động lớp học và cải thiện rõ rệt kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nói và giao tiếp tiếng Anh.

Ngoài ra, đặc điểm thế hệ sinh viên hiện nay, phần lớn thuộc Gen Z, cho thấy mức độ thích nghi nhanh với công nghệ và sẵn sàng học qua nền tảng trực tuyến. Đây là điều kiện thuận lợi để triển khai học tập cá nhân hoá ở bậc cao đẳng, đại học, với điều kiện có định hướng rõ ràng từ nhà trường và sự đồng hành từ giảng viên.

2.2. Thực trạng dạy và học tiếng Anh tại Trường CDSP Trung ương

2.2.1. Đặc điểm người học tại Nhà trường

Sinh viên năm nhất tại NCE chủ yếu là học sinh tốt nghiệp THPT từ các vùng miền khác nhau, có sự đa dạng về nền tảng học tập, trong đó phần lớn chưa có nền tảng tiếng Anh vững chắc. Đa phần sinh viên có tâm lý e ngại, thiếu tự tin khi sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng nghe - nói. Các em cũng chưa hình thành thói quen tự học và tự đánh giá tiến độ của bản thân, phần lớn còn phụ thuộc vào lớp học chính khóa và giảng viên. Nhiều sinh viên chưa có kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ học tiếng Anh trực tuyến, dù bản thân thuộc thế hệ có khả năng tiếp cận công nghệ tương đối tốt.

2.2.2. Mô hình giảng dạy tiếng Anh hiện hành tại Nhà trường

Chương trình tiếng Anh cho sinh viên không chuyên tại NCE hiện áp dụng giáo trình thống nhất theo chuẩn đầu ra B1 (CEFR), và mang tính đồng loạt. Tất cả sinh viên học cùng tốc độ, dạng bài và được đánh giá giống nhau, dù năng lực đầu vào rất khác biệt.

Lớp học đông (50-60 sinh viên/lớp) khiến việc cá nhân hoá trong dạy và đánh giá gặp nhiều khó khăn. Giảng viên phải dành nhiều thời gian hỗ trợ nhóm yếu, trong khi nhóm khá - giỏi ít có cơ hội phát triển nâng cao, gây chênh lệch và thiếu động lực học.

Ngoài giờ chính khoá, hoạt động bổ trợ như câu lạc bộ, học nhóm hay học liệu mở chưa phát huy hiệu quả. Việc ứng dụng công cụ số (Google Classroom, Quizlet, ELSA...) vẫn phụ thuộc vào mức độ chủ động của từng giảng viên và sinh viên.

Dù nhà trường đã triển khai đào tạo công nghệ dạy học, nhưng chưa có chiến lược tổng thể tích hợp công nghệ, đặc biệt là AI, vào hỗ trợ cá nhân hoá, nâng cao hiệu quả học tập và chất lượng đào tạo tiếng Anh.

2.2.3. *Khó khăn và thách thức trong triển khai học tập cá nhân hoá*

Việc áp dụng mô hình học tập cá nhân hoá trong thực tế tại NCE hiện nay đang đối mặt với một số khó khăn chính:

- *Về phía sinh viên:* Thiếu kỹ năng học tự chủ, chưa biết cách đặt mục tiêu cá nhân hoặc sử dụng công cụ số để theo dõi tiến độ học. Nhiều sinh viên chưa nhận thức được vai trò của học ngoại ngữ trong định hướng nghề nghiệp, dẫn đến tâm lý học đôi phó, thiếu động lực.

- *Về phía giảng viên:* Chưa được tập huấn bài bản về cá nhân hoá học tập và ứng dụng công nghệ phù hợp. Khối lượng công việc lớn, thời lượng giảng dạy hạn chế khiến việc theo dõi tiến độ từng cá nhân trở nên khó khả thi.

- *Về mặt hệ thống:* Thiếu nền tảng công nghệ đồng bộ để hỗ trợ triển khai học tập cá nhân hoá trên diện rộng. Hạ tầng CNTT chưa đầy đủ để tổ chức đánh giá tiến độ, lưu trữ dữ liệu cá nhân, hay tích hợp các công cụ học tập thích ứng.

2.2.4. *Những cơ hội thuận lợi để áp dụng học tập cá nhân hoá*

Bên cạnh những khó khăn, NCE cũng có nhiều điều kiện thuận lợi để triển khai cá nhân hoá học tập:

- Sinh viên có khả năng sử dụng công nghệ, mạng xã hội và thiết bị di động tương đối tốt. Đây là nền tảng quan trọng để sinh viên có thể sử dụng các công cụ học tiếng Anh trực tuyến.

- Đội ngũ giảng viên có tinh thần đổi mới, sẵn sàng học hỏi và ứng dụng công nghệ trong xây dựng và triển khai chương trình đào tạo.

- Xu hướng chung của giáo dục Việt Nam và yêu cầu hội nhập quốc tế thúc đẩy các trường cần đầu tư vào phát triển năng lực tiếng Anh và kỹ năng số cho sinh viên, trong đó học tập cá nhân hoá là một trong những hướng đi ưu tiên.

2.3. Giải pháp thúc đẩy học tập cá nhân hoá nhằm phát triển năng lực tiếng Anh cho sinh viên

2.3.1. Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực đầu vào và theo dõi tiến độ cá nhân

Để thực hiện cá nhân hoá hiệu quả, bước đầu tiên cần thiết là thiết lập hệ thống đánh giá trình độ đầu vào và theo dõi tiến độ học tập cá nhân. Thay vì chỉ dựa vào điểm kiểm tra định kỳ, trường có thể ứng dụng các công cụ đánh giá trực tuyến như Oxford Online Placement Test (OOPT), CEFR self-assessment tools, hoặc xây dựng bài kiểm tra phân trình độ nội bộ theo khung CEFR.

Ngoài ra, cần thiết lập hồ sơ học tập cá nhân (learning portfolio) cho từng sinh viên, trong đó ghi nhận quá trình học, các kỹ năng mạnh/yếu, mục tiêu ngắn hạn/dài hạn và các phản hồi định kỳ từ giảng viên. Việc này giúp cá nhân hoá nội dung học và định hướng học tập phù hợp hơn trong từng học kỳ.

2.3.2. Thiết kế lộ trình học tập phân hoá và linh hoạt

Trên cơ sở phân loại trình độ, chương trình học cần được điều chỉnh theo hướng phân tầng (tiered instruction). Sinh viên yếu được học thêm các lớp hỗ trợ kỹ năng nền tảng, trong khi sinh viên khá giỏi có thể được tiếp cận nội dung mở rộng (ví dụ: thuyết trình học thuật, viết bài luận cơ bản, học tiếng Anh qua dự án...).

Lộ trình học cần cho phép sinh viên lựa chọn nội dung phù hợp với nhu cầu và mục tiêu cá nhân. Ví dụ, nhóm sinh viên ngành Mầm non có thể tập trung vào từ vựng, cấu trúc liên quan đến giao tiếp sư phạm, trong khi sinh viên ngành Công tác xã hội có thể học thêm ngôn ngữ giao tiếp cộng đồng.

Sự linh hoạt này có thể được hỗ trợ thông qua học liệu số hoá, ngân hàng bài tập và nền tảng LMS, giúp sinh viên học theo nhịp độ riêng.

2.3.3. Ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập cá nhân hoá

Việc tích hợp các công cụ công nghệ vào quá trình dạy và học là điều kiện thiết yếu để hiện thực hoá cá nhân hoá trong lớp học đông và có thời lượng hạn chế. Một số gợi ý triển khai bao gồm:

Sử dụng phần mềm AI học tiếng Anh: ELSA Speak giúp luyện phát âm cá nhân hoá; Grammarly hỗ trợ viết học thuật; ChatGPT hoặc Quillbot hỗ trợ diễn đạt ý tưởng; Duolingo hoặc BBC Learning English giúp rèn luyện đa kỹ năng.

Tích hợp LMS hỗ trợ cá nhân hóa: Triển khai hệ thống học trực tuyến như Google Classroom, Moodle hoặc Canvas, trong đó sinh viên có thể nhận nhiệm vụ cá nhân, nộp bài linh hoạt, được nhận phản hồi chi tiết từ giảng viên hoặc AI.

3.3.4. Tăng cường vai trò hướng dẫn và hỗ trợ của giảng viên

Dù công nghệ đóng vai trò quan trọng, nhưng giảng viên vẫn là nhân tố then chốt đảm bảo hiệu quả học tập cá nhân hoá. Giảng viên cần chuyển từ vai trò “truyền đạt” sang người hướng dẫn (facilitator) hoặc cố vấn học tập (learning coach). Điều này đòi hỏi:

Tập huấn chuyên môn: về cá nhân hoá học tập, phân tích dữ liệu học tập cá nhân, và sử dụng công nghệ hỗ trợ giảng dạy.

Thiết lập cơ chế phản hồi định kỳ (qua email, LMS, hoặc giờ cố vấn học tập), trong đó sinh viên nhận được góp ý cụ thể, định hướng điều chỉnh lộ trình cá nhân.

Khuyến khích sự tự nhận thức (metacognition) của người học: Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách đặt mục tiêu học, tự đánh giá sự tiến bộ, và điều chỉnh chiến lược học tập cá nhân theo thực tế.

2.3.5. Phát triển văn hoá học tập chủ động trong nhà trường

Học tập cá nhân hoá không thể tách rời khỏi một môi trường học tập tích cực, nơi sinh viên được khuyến khích học chủ động, hợp tác và linh hoạt. Một số giải pháp cấp hệ thống bao gồm:

Phát triển tài nguyên học tập mở (OER): Tạo thư viện học liệu số, ngân hàng video, podcast học tiếng Anh phân cấp, tài liệu học qua dự án thực tế...

Khuyến khích sinh viên tự học có hướng dẫn: Tổ chức các buổi học nhóm theo trình độ, các chuyên đề tiếng Anh ứng dụng (theo ngành học), hoặc các dự án học tiếng Anh qua trải nghiệm (ví dụ: phỏng vấn, tour hướng dẫn giả lập, sân khấu hoá tình huống...).

Tăng cường phối hợp giữa các phòng ban: Khoa Tiếng Anh và các phòng ban có liên quan cần thiết lập sự phối hợp chặt chẽ để đảm bảo nền tảng công nghệ - học liệu - chính sách học tập cá nhân hoá được thực hiện đồng bộ.

2.4. Kiến nghị

Để triển khai hiệu quả mô hình học tập cá nhân hoá trong dạy và học tiếng Anh tại NCE, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp trọng tâm sau:

Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực và theo dõi cá nhân: Áp dụng công cụ đánh giá đầu vào theo khung CEFR; phát triển hồ sơ học tập cá nhân nhằm theo dõi tiến độ, năng lực và mục tiêu của từng sinh viên.

Thiết kế chương trình học phân tầng, linh hoạt: Xây dựng lộ trình học phù hợp với từng nhóm trình độ; kết hợp học truyền thống, trực tuyến và học liệu số để đảm bảo tính cá nhân hoá.

Ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI): Tích hợp các công cụ AI vào quá trình học (ELSA, ChatGPT, LMS...); phát triển nền tảng học tập trực tuyến và tập huấn giảng viên sử dụng công nghệ.

Đổi mới vai trò giảng viên: Chuyển từ “người dạy” sang “người hướng dẫn”, thúc đẩy sinh viên tự học, phản biện và cá nhân hoá phương pháp học.

Phát triển văn hoá học tập chủ động: Tăng cường tài nguyên học tập mở, hoạt động CLB, học nhóm theo trình độ, dự án học tiếng Anh thực tiễn và môi trường học tập đa chiều.

3.KẾT LUẬN

Học tập cá nhân hoá là mô hình hiệu quả và cần thiết để nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên không chuyên tại NCE, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Với sự hỗ trợ của công nghệ và trí tuệ nhân tạo, mô hình này giúp đáp ứng sự khác biệt về trình độ, nhu cầu và phong cách học tập. Việc triển khai cá nhân hoá đòi hỏi sự đổi mới toàn diện từ chương trình đào tạo, vai trò giảng viên đến hạ tầng công nghệ và văn hoá học đường, góp phần hình thành người học chủ động, tư duy phản biện và học tập suốt đời.

SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỂ TẠO HỌC LIỆU SỐ SÁNG TẠO CHO TRẺ MẦM NON

ThS. Nguyễn Thanh Thủy

ThS. Phạm Trung Dũng

Khoa Công nghệ thông tin - Giáo
dục nghề nghiệp

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào giáo dục mầm non đã mở ra nhiều cơ hội mới trong việc tạo dựng học liệu số sáng tạo, trực quan và cá nhân hóa. Học liệu số không chỉ giúp trẻ mầm non tiếp cận tri thức một cách sinh động mà còn thúc đẩy phát triển toàn diện về tư duy, ngôn ngữ, kỹ năng xã hội và cảm xúc. Bài viết này tập trung vào việc giới thiệu các bước ứng dụng AI để tạo học liệu số hấp dẫn cho trẻ mầm non thông qua các công cụ tiêu biểu như Canva AI, ChatGPT, hoặc các nền tảng AI chuyển văn bản thành hình ảnh, giọng nói. Qua đó, giáo viên có thể xây dựng bài giảng sinh động, tranh truyện minh họa, video hoạt hình hoặc trò chơi tương tác phù hợp với từng chủ đề học tập. Việc áp dụng AI góp phần nâng cao chất lượng dạy học, kích thích sự hứng thú, sáng tạo và khả năng tiếp thu của trẻ mầm non.

Từ khóa: Học liệu số, trí tuệ nhân tạo, giáo dục mầm non, công cụ AI, sáng tạo học liệu.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục mầm non là giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ nhỏ, không chỉ ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ mà còn định hình các kỹ năng xã hội và cảm xúc. Trẻ em trong độ tuổi này có khả năng tiếp thu rất nhanh nhưng cũng cần được kích thích đúng cách để phát huy tối đa tiềm năng của mình. Việc tạo ra các bài học hấp dẫn, tương tác và phù hợp với lứa tuổi là một thách thức lớn đối với các nhà giáo dục.

Trong bối cảnh giáo dục thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ sang môi trường số, việc tạo ra học liệu số phong phú, trực quan, dễ tiếp cận là một nhu cầu cấp thiết, đặc biệt đối với trẻ mầm non – lứa tuổi học mà chơi, chơi mà học. Tuy nhiên, giáo viên mầm non thường gặp khó khăn về kỹ thuật khi xây dựng học liệu số sáng tạo như tranh ảnh minh họa, video hoạt hình hay trò chơi trực tuyến.

Sự phát triển mạnh mẽ của AI đã mang lại những công cụ đơn giản, dễ sử dụng, giúp giáo viên, phụ huynh có thể tự thiết kế học liệu số hấp dẫn, phù hợp với khả năng và sở thích của từng trẻ. Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào các nguồn tài liệu sẵn có, giờ đây giáo viên có thể chủ động sáng tạo nội dung phù hợp với chương trình giáo dục mầm non và bối cảnh văn hóa Việt Nam.

Bài viết tập trung làm rõ vai trò của AI trong việc hỗ trợ giáo viên mầm non tạo học liệu số sáng tạo, đồng thời đề xuất quy trình, ví dụ cụ thể nhằm giúp việc ứng dụng AI vào thực tiễn giảng dạy đạt hiệu quả thiết thực. Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ thảo luận về những thách thức và hạn chế khi triển khai AI trong giáo dục mầm non, cũng như các giải pháp để khắc phục những vấn đề này.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm học liệu số và vai trò của AI trong giáo dục mầm non

Học liệu số (digital learning materials) được hiểu là toàn bộ các tài nguyên dạy học được số hóa và trình bày dưới nhiều dạng như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, mô phỏng, bài giảng điện tử, hoặc các hệ thống tương tác trực tuyến; được xây dựng nhằm hỗ trợ người học tiếp nhận kiến thức linh hoạt hơn so với học liệu truyền thống (UNESCO, 2023). Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, học liệu số là một cấu phần quan trọng trong chuyển đổi số giáo dục, cho phép cá nhân hóa quá trình học, mở rộng khả năng tiếp cận và tăng cường trải nghiệm học tập chủ động thông qua các môi trường số (MOET, 2022).

Trong giáo dục mầm non, học liệu số giữ vai trò đặc biệt quan trọng vì góp phần tạo nên môi trường học tập trực quan, hấp dẫn và phù hợp với đặc điểm nhận thức còn mang tính cảm tính – cụ thể của trẻ. Theo định hướng giáo dục hiện đại, trẻ mầm non học thông qua thao tác, tương tác và trải nghiệm, do đó các học liệu số như hình ảnh, video, ebook tương tác, trò chơi giáo dục hay mô phỏng trực quan hỗ trợ đáng kể quá trình kích thích giác quan và phát triển tư duy biểu tượng của trẻ [1]. Học liệu số giúp giáo viên linh hoạt hóa phương pháp giảng dạy, dễ dàng điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với từng nhóm trẻ, đồng thời tăng tính cá nhân hóa – yếu tố quan trọng trong giáo dục phát triển toàn diện. Bên cạnh đó, học liệu số còn góp phần đổi mới cách thức tổ chức hoạt động, thúc đẩy trẻ khám phá, sáng tạo và chủ động hơn trong học tập, phù hợp với định hướng chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong giáo dục mầm non hiện nay [2]. Khi kết hợp với trí tuệ nhân tạo (AI), học liệu số có thể được tạo ra nhanh

hơn, đa dạng hơn, và giàu tính tương tác hơn, từ đó mở ra nhiều cơ hội để nâng cao chất lượng dạy học, mở rộng kho tài nguyên giáo dục và hỗ trợ giáo viên tối ưu hóa thời gian soạn giảng.

2.2. Quy trình ứng dụng AI tạo học liệu số sáng tạo cho trẻ mầm non

Quy trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo học liệu số sáng tạo cho trẻ mầm non cần được tiến hành theo các bước khoa học, có kiểm soát, nhằm bảo đảm tính chính xác, phù hợp lứa tuổi và tuân thủ yêu cầu sư phạm.

Trước hết, giáo viên cần xác định rõ mục tiêu giáo dục, chủ đề và kỹ năng trẻ cần đạt, từ đó lựa chọn loại học liệu số cần thiết như ebook, trò chơi tương tác, hình minh họa hay hoạt động khám phá [3].

Tiếp theo, giáo viên sử dụng các công cụ AI thích hợp (như mô hình ngôn ngữ, công cụ tạo hình ảnh, hệ thống thiết kế bài giảng) để tạo bản thảo nội dung, bao gồm văn bản, lời thoại, hình ảnh hoặc bố cục trang. Sau bước tạo thô, giáo viên cần tiến hành đánh giá – chỉnh sửa – thẩm định để bảo đảm học liệu không chứa lỗi thông tin, phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ mầm non và đáp ứng yêu cầu an toàn nội dung.

Bước tiếp theo là thiết kế tương tác, tức tích hợp các yếu tố hành động như nút bấm, âm thanh, câu hỏi gợi mở hoặc hoạt động kéo – thả nhằm tăng tính chủ động và trải nghiệm cho trẻ. Cuối cùng, giáo viên thử nghiệm học liệu trong bối cảnh lớp học, lấy phản hồi từ trẻ và điều chỉnh để hoàn thiện. Việc thực hiện đầy đủ các bước này giúp tối ưu hóa hiệu quả của AI, đồng thời đảm bảo học liệu số được tạo ra mang giá trị giáo dục, tính trực quan và mức độ hấp dẫn phù hợp với trẻ mầm non [4].

Trong phần tiếp theo, tác giả sẽ phân tích cách AI được vận dụng để tạo học liệu số sáng tạo, sau đó tích hợp vào ClassPoint để tạo ra các bài học tương tác hấp dẫn và hiệu quả cho trẻ mầm non. Chúng ta sẽ đi sâu vào từng tính năng cụ thể của ClassPoint và cách chúng được áp dụng trong thực tế giảng dạy.

2.3. Ứng dụng AI trong tạo học liệu cụ thể

2.3.1. Tạo tranh minh họa truyện cổ tích với AI

- Công cụ: DALL·E hoặc Bing Image Creator hoặc ChatGPT,...

- Các bước thực hiện:

- + Viết mô tả chi tiết nhân vật hoặc cảnh truyện (prompt) trên ChatGPT. Một câu lệnh (Prompt) hiệu quả cần đảm bảo cấu trúc: [vai trò] + [bối cảnh] + [nhiệm vụ] + [yêu cầu định dạng]

- + AI tự tạo tranh minh họa theo mô tả.

- + Giáo viên tải về, sử dụng trong bài giảng hoặc in tranh cho lớp học hoặc có thể sử dụng ảnh này là đầu vào cho quá trình tạo video bằng công cụ AI khác

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tạo dựng tranh minh họa đang trở thành một xu hướng quan trọng trong phát triển học liệu số dành cho trẻ mầm non. Các mô hình sinh ảnh như DALL·E, Stable Diffusion, hay Midjourney cho phép giáo viên tạo ra các hình ảnh minh họa giàu tính nghệ thuật, phù hợp với nội dung truyện cổ tích và đặc điểm tâm lý lứa tuổi mầm non [5]. Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn tranh minh họa có sẵn, giáo viên có thể chủ động thiết kế các hình ảnh theo phong cách riêng, đồng bộ với nội dung bài học và đảm bảo tính hấp dẫn đối với trẻ.

Một trong những ưu điểm nổi bật của việc tạo tranh minh họa bằng AI là khả năng tùy biến theo yêu cầu giáo dục. Giáo viên có thể mô tả ngắn gọn đặc điểm nhân vật (ví dụ: “cô bé quàng khăn đỏ đáng yêu, mắt tròn, trang phục đỏ tươi”), bối cảnh và phong cách hình ảnh mong muốn (chẳng hạn phong cách hoạt hình 3D, màu sắc tươi sáng). Hệ thống AI sẽ tự động sinh ra nhiều phương án hình ảnh để giáo viên lựa chọn. Điều này tạo điều kiện cho việc xây dựng bộ tranh minh họa đồng nhất, phù hợp với đặc trưng thẩm mỹ dành cho trẻ mầm non và đáp ứng yêu cầu kể chuyện trực quan trong lớp học [6].

Bên cạnh đó, việc tạo tranh bằng AI còn giúp rút ngắn thời gian và công sức so với phương pháp minh họa thủ công truyền thống. Giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh hình ảnh theo nhiều phiên bản khác nhau (ví dụ: biến đổi cảm xúc nhân vật, thay đổi màu sắc, phong nền hoặc tư thế) để sử dụng trong các hoạt động như kể chuyện, đóng vai, tạo sách tranh tương tác, hay thiết kế góc học tập. Điều này mở ra nhiều cơ hội thúc đẩy sự sáng tạo và tăng tính cá nhân hóa trong xây dựng học liệu cho trẻ.

Tuy nhiên, để việc ứng dụng AI đạt hiệu quả sư phạm cao, giáo viên cần lưu ý một số nguyên tắc quan trọng:

- Đảm bảo hình ảnh phù hợp với chuẩn mực văn hóa và giá trị giáo dục dành cho trẻ nhỏ;

- Kiểm tra tính chính xác của nội dung hình ảnh so với cốt truyện; và

- Tuân thủ các vấn đề liên quan đến bản quyền và đạo đức sử dụng công nghệ [5], [6]. Khi được sử dụng đúng cách, AI trở thành công cụ hỗ trợ hữu hiệu, giúp nâng cao chất lượng và tính hấp dẫn của tranh minh họa trong các hoạt động giáo dục mầm non.

2.3.2. Tạo giọng kể chuyện từ văn bản

- Công cụ: Google Text-to-Speech, Play.ht, Murf AI,...
- Các bước thực hiện:
 - + Soạn văn bản câu chuyện.
 - + Lựa chọn giọng đọc phù hợp.
 - + AI chuyển văn bản thành file âm thanh kể chuyện sinh động.

Một ưu điểm nổi bật của TTS là khả năng mô phỏng nhiều kiểu giọng khác nhau như giọng vui tươi, nhẹ nhàng, hào hứng hoặc chậm rãi – những kiểu thể hiện quan trọng để thu hút trẻ trong quá trình tiếp nhận câu chuyện. Giáo viên có thể điều chỉnh tốc độ đọc, cao độ, âm sắc hoặc cảm xúc của giọng kể để phù hợp với độ tuổi và mục tiêu hoạt động. Các nghiên cứu cho thấy trẻ mầm non phản ứng tích cực hơn với giọng kể sinh động, giàu cảm xúc, đặc biệt trong các hoạt động phát triển ngôn ngữ và cảm thụ văn học [8].

Việc sử dụng AI để tạo giọng kể cũng giúp tăng tính linh hoạt trong thiết kế học liệu. Giáo viên không còn phụ thuộc vào thời gian thu âm thủ công hoặc kỹ năng diễn đạt của mình; thay vào đó, có thể nhanh chóng tạo ra nhiều phiên bản giọng kể khác nhau để phục vụ từng bối cảnh học tập. Những hệ thống tiên tiến như Google TTS, Microsoft Azure Speech Studio, hay ElevenLabs cho phép chuyển đổi văn bản dài thành giọng kể liền mạch, hạn chế ngắt quãng và thể hiện tốt ngữ điệu – yếu tố quan trọng đối với trẻ mầm non [9].

Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả sư phạm, giáo viên cần lưu ý lựa chọn giọng đọc rõ ràng, tốc độ phù hợp, không quá dồn dập hoặc trầm đục, tránh gây khó hiểu cho trẻ nhỏ. Đồng thời, cần kiểm tra lại nội dung giọng kể để bảo đảm tính chính xác và tính giáo dục của câu chuyện trước khi đưa vào sử dụng. Việc tuân thủ đạo đức công nghệ và bản quyền dữ liệu âm thanh cũng là yếu tố quan trọng cần được xem xét khi ứng dụng TTS trong giáo dục mầm non [7], [9].

Khi được vận dụng hợp lý, công nghệ TTS trở thành một công cụ mạnh mẽ giúp mở rộng kho học liệu âm thanh, hỗ trợ phát triển ngôn ngữ, tăng cường khả năng tập trung và hứng thú của trẻ đối với các hoạt động kể chuyện – một hoạt động quan trọng trong chương trình giáo dục mầm non.

2.3.3. Tạo video hoạt hình đơn giản với AI

- Công cụ: Pika Labs, HeyGen, Canva Video, VEO3,...

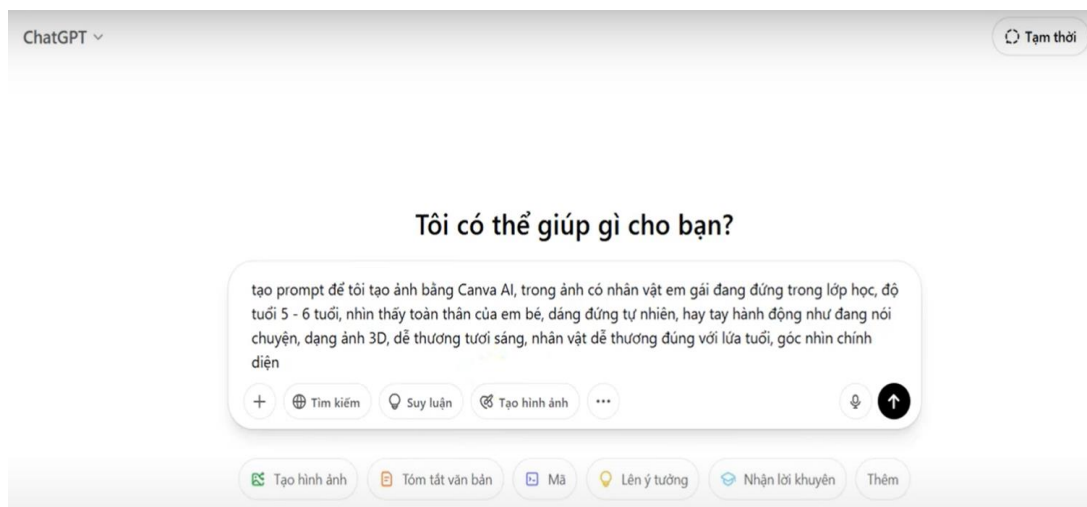
- Bước thực hiện:

- + Chuẩn bị nội dung kịch bản ngắn bằng ChatGPT
- + Sử dụng AI để tạo nhân vật hoạt hình, chèn giọng nói và hiệu ứng đơn giản.
- + Tạo video phục vụ tiết dạy hoặc chia sẻ với phụ huynh: sử dụng camva hoặc capcut biên tập các đoạn video thành sản phẩm hoàn chỉnh.

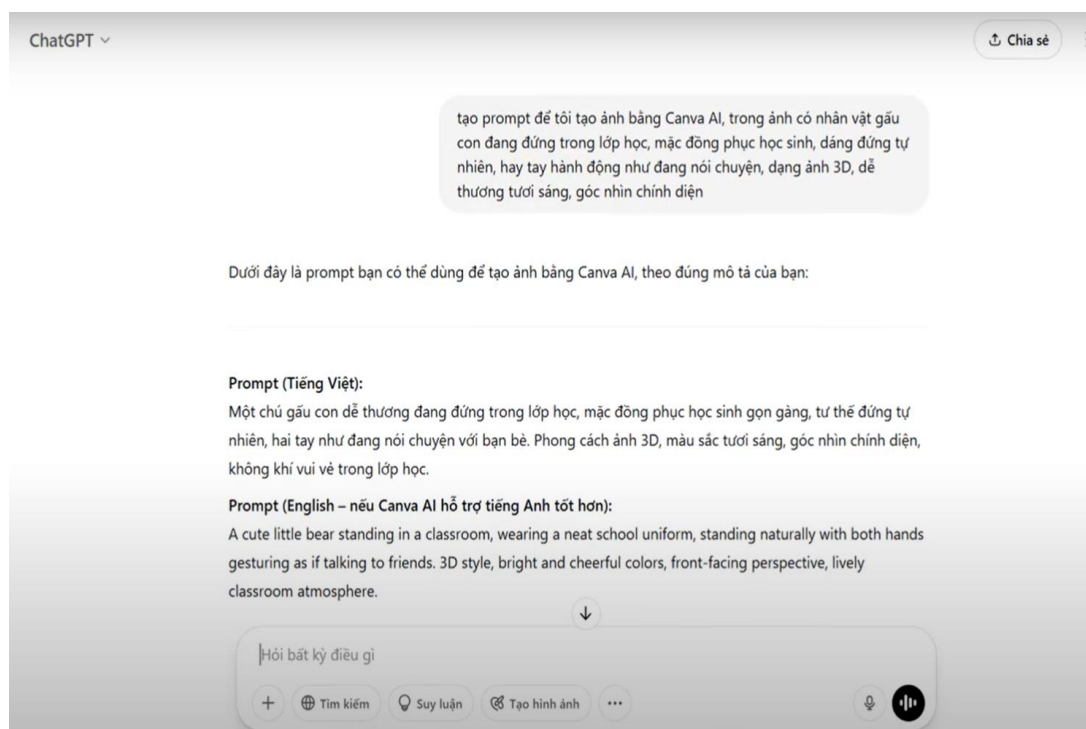
Lưu ý: Có thể sử dụng các công cụ chuyển ảnh thành video dựa trên câu lệnh prompt như Vidu.ai, K Ling.ai, Canva.com

- Ví dụ: Tạo nhân vật hoạt hình dẫn chuyện bằng AI

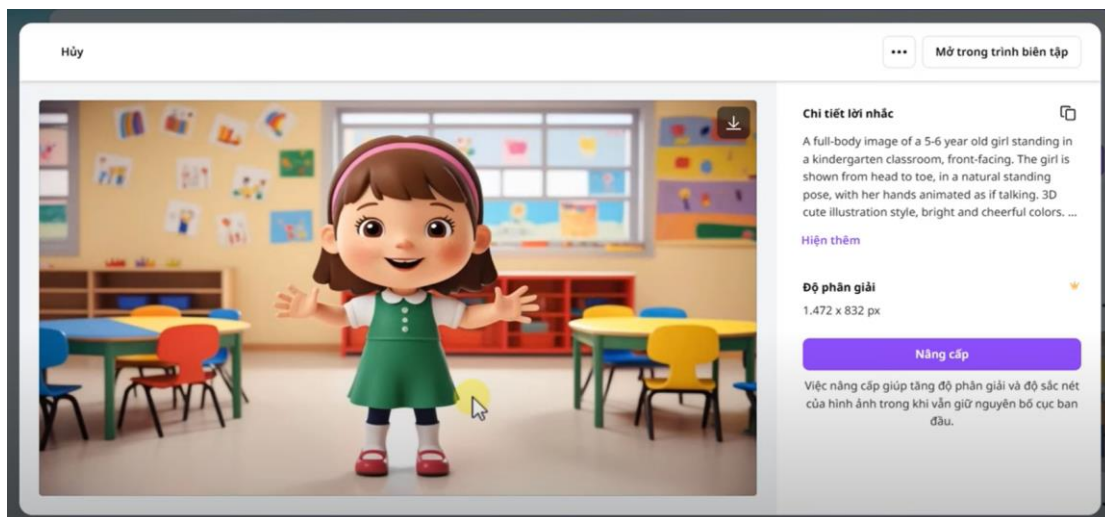
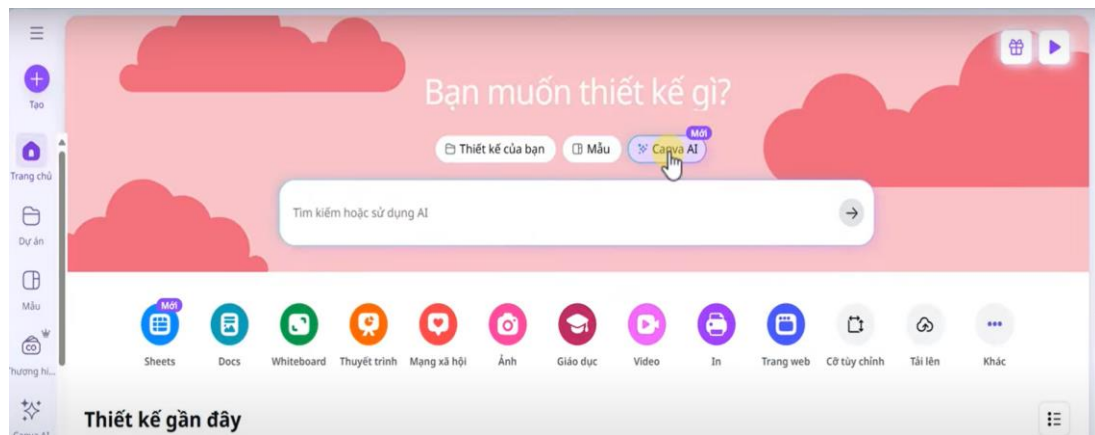
Dùng ChatGPT tạo prompt:



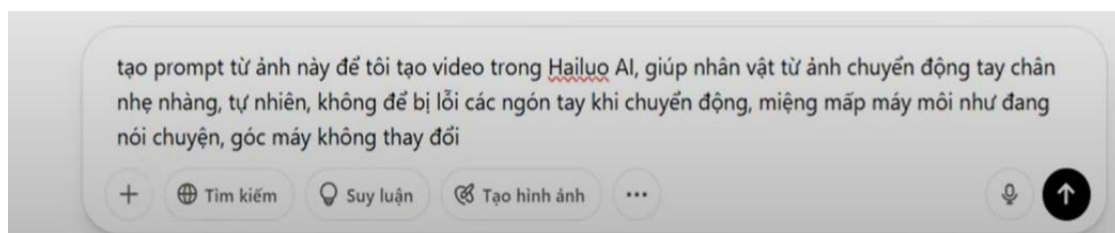
Nếu muốn tạo nhân vật là các con vật ngộ nghĩnh



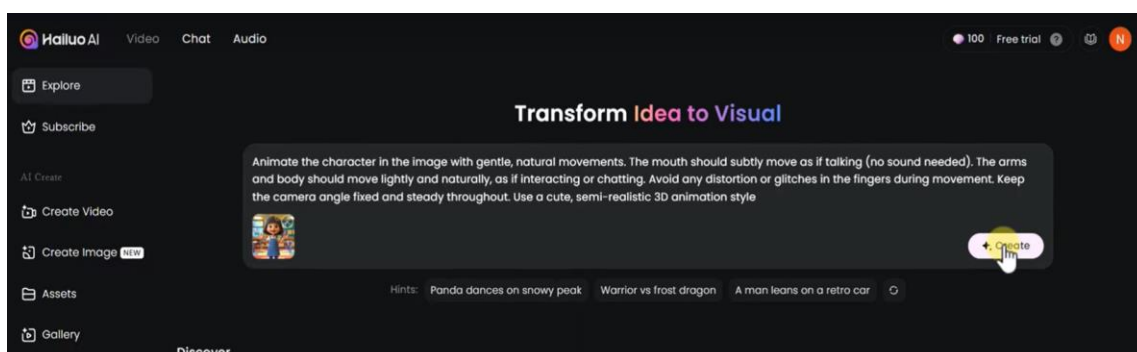
Copy nội dung tạo ảnh bằng câu lệnh tiếng Anh. Chuyển sang Canva.com. Dán vào vùng nhập của CanvaAI sau khi chọn mục “Tạo hình ảnh”, có thể chọn “phong cách”, “tỷ lệ” phù hợp với nhu cầu thiết kế



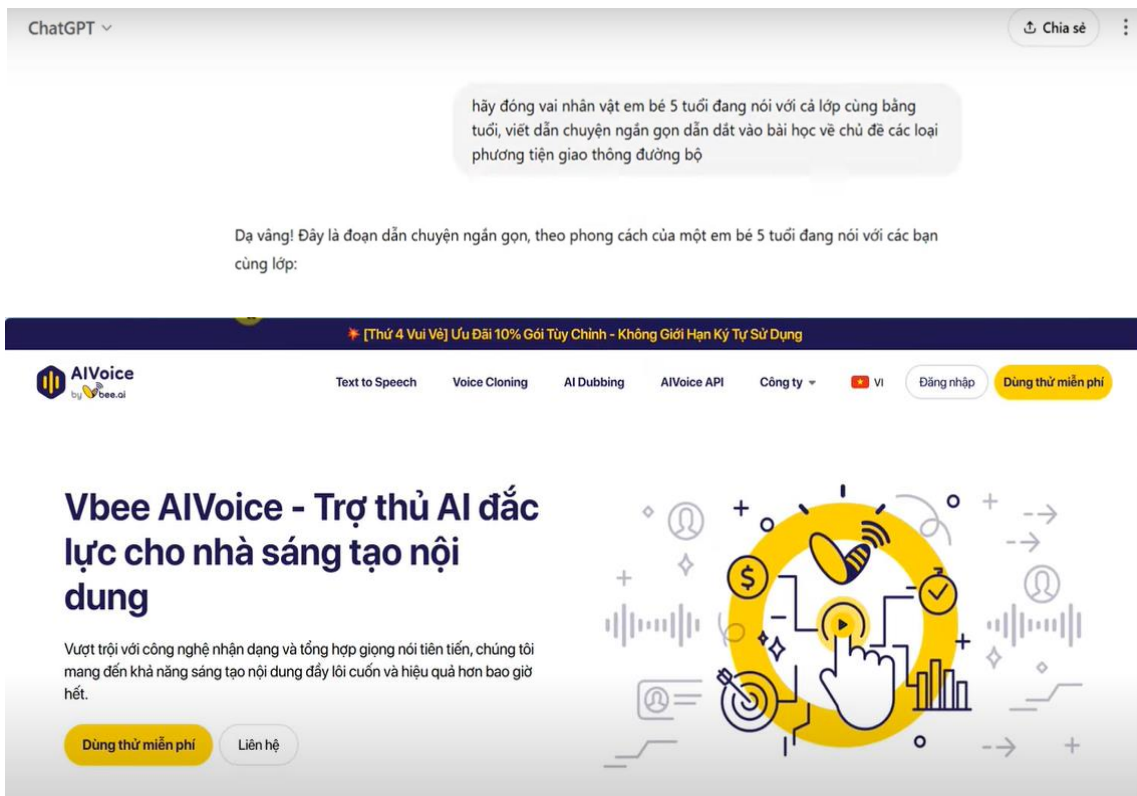
Sau đó quay lại ChatGPT để yêu cầu nó phân tích ảnh, và chuyển ảnh thành video



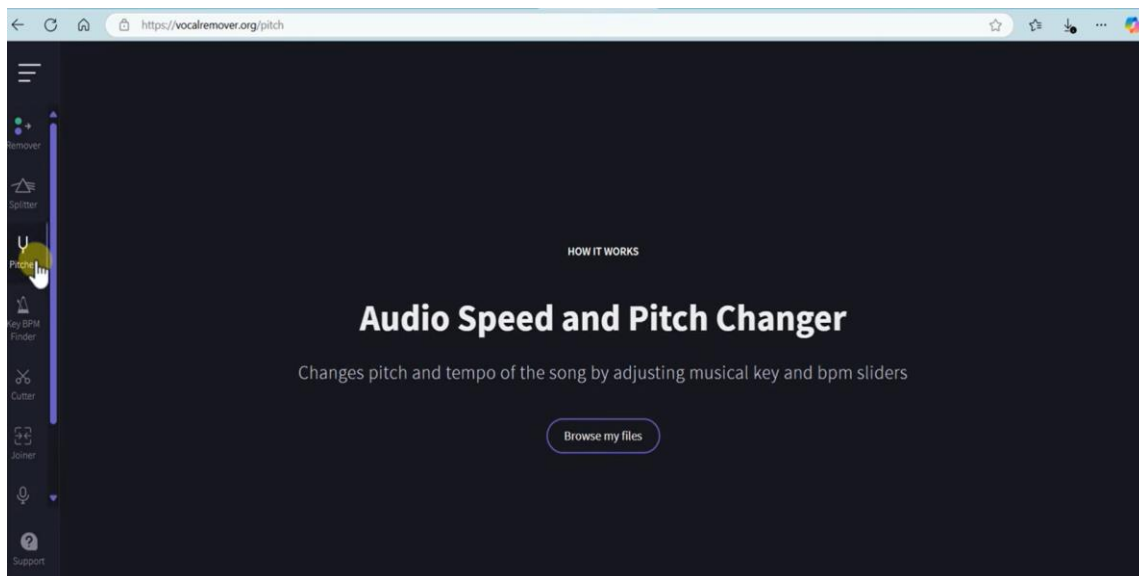
Chuyển sang công cụ chuyển ảnh thành video HailuoAI



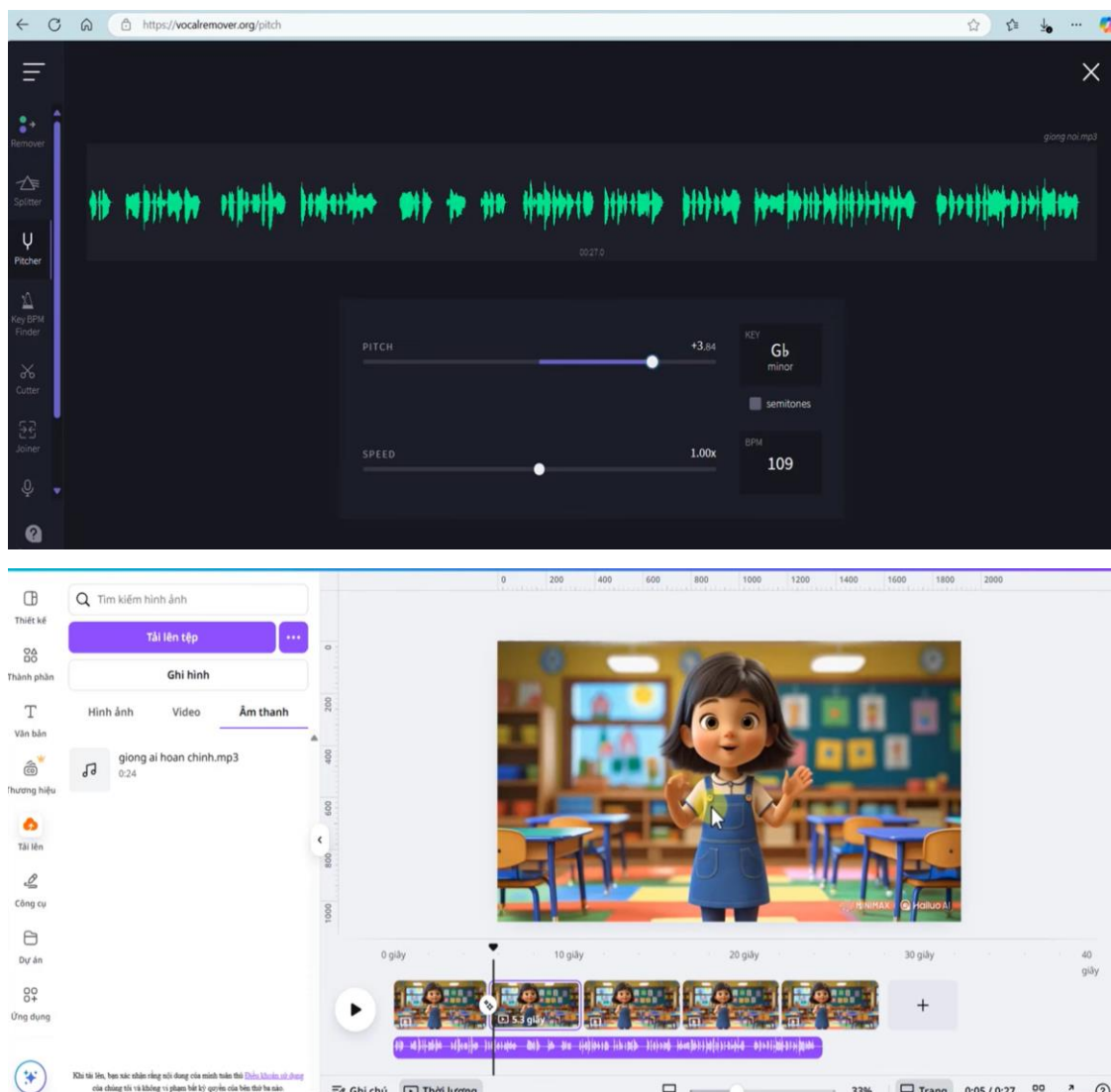
Tiếp theo, tạo nội dung dẫn chuyện bằng ChatGPT. Dùng các công cụ AI chuyển văn bản thành giọng nói.



Nếu giọng chưa giống giọng bé gái có thể vào trang vocalremover.org → chọn Pitcher → chọn file AI giọng đọc dẫn chuyện đã tạo



Chỉnh tông giọng và tốc độ → tải về → Dùng Capcut hoặc Canva ghép lại, chỉnh sửa, hoàn thiện



2.3.4. Sáng tạo bài hát với AI

- Công cụ: ChatGPT, Suno,...
 - Các bước thực hiện:
 - + Chuẩn bị nội dung bài hát bằng cách nhờ ChatGPT gợi ý.
 - + Kiểm tra nội dung, phong cách nhạc phù hợp với lứa tuổi và bài học.
 - + Tạo bài nhạc bằng công cụ Suno phục vụ tiết dạy hoặc chia sẻ với phụ huynh.
- Lưu ý: Có thể sử dụng ChatGPT phân tích lời bài hát và tạo ảnh theo nội dung. Sau đó chuyển ảnh thành video dựa trên câu lệnh prompt bằng công cụ Vidu.ai,...

2.3.5. Tạo bài giảng tương tác với ClassPoint

Công cụ ClassPoint – một tiện ích tích hợp trực tiếp vào Microsoft PowerPoint – cho phép giáo viên thiết kế các bài giảng có tính tương tác cao thông qua hệ thống câu hỏi, trò chơi học tập, bảng tương tác và các hoạt động phản hồi trực tiếp ngay trên

slide [10]. Đây là một giải pháp hiệu quả hỗ trợ giáo viên mầm non tạo ra những giờ học sinh động, phù hợp với nhu cầu phát triển nhận thức của trẻ.

Một trong những điểm mạnh của ClassPoint là khả năng kết hợp với các nội dung được tạo từ trí tuệ nhân tạo, chẳng hạn như hình ảnh minh họa, giọng đọc tự động hoặc video hoạt hình. Các nội dung này khi được tích hợp vào giao diện PowerPoint tương tác sẽ giúp trẻ mầm non học tập một cách trực quan, đa giác quan – yếu tố quan trọng trong giáo dục lứa tuổi này [11]. Giáo viên có thể sử dụng các tính năng như “quiz tương tác”, “khoanh vùng trên màn hình”, “bảng vẽ thời gian thực” để biến bài giảng thành một môi trường học tập năng động, từ đó thúc đẩy sự chủ động và khám phá của trẻ.

ClassPoint cũng hỗ trợ theo dõi và đánh giá mức độ tham gia của trẻ thông qua hệ thống điểm thưởng (Stars), bảng xếp hạng và phản hồi trực tiếp. Đối với trẻ mầm non, cơ chế khuyến khích này giúp tạo động lực, tạo cảm giác vui tươi khi hoàn thành nhiệm vụ và hỗ trợ hình thành thói quen tham gia vào hoạt động học tập theo nhóm [12]. Bên cạnh đó, giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh mức độ khó của câu hỏi, thời gian trả lời và hình thức phản hồi để phù hợp với từng độ tuổi (3–6 tuổi).

Từ góc độ sư phạm, việc ứng dụng ClassPoint kết hợp với công nghệ AI mang lại nhiều lợi ích: (1) tăng tính trực quan thông qua các học liệu số được tạo tự động; (2) xây dựng môi trường học tập tương tác, giúp trẻ duy trì sự chú ý; và (3) hỗ trợ giáo viên tiết kiệm thời gian trong thiết kế bài giảng mà vẫn đảm bảo tính lôi cuốn, sáng tạo. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả tối ưu, giáo viên cần đảm bảo rằng nội dung tương tác không quá phức tạp, phù hợp với đặc điểm nhận thức và thời gian tập trung ngắn của trẻ mầm non [10], [12].

Như vậy, ClassPoint là một công cụ mạnh mẽ giúp nâng cao chất lượng bài giảng theo hướng hiện đại, góp phần phát triển học liệu số sáng tạo thông qua việc kết hợp nhịp nhàng giữa công nghệ AI và phương pháp dạy học trực quan dành cho trẻ mầm non.

3. KẾT LUẬN

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng học liệu số mở ra nhiều cơ hội quan trọng cho đổi mới giáo dục mầm non. Các công nghệ tạo sinh như chuyển văn bản thành giọng đọc, tạo tranh minh họa, thiết kế video hoạt hình hay xây dựng bài giảng tương tác mang lại một hệ sinh thái học liệu phong phú, trực quan và hấp dẫn

đối với trẻ nhỏ. Những công cụ này không chỉ hỗ trợ giáo viên trong việc tiết kiệm thời gian thiết kế mà còn giúp nâng cao chất lượng truyền tải nội dung, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển nhận thức, ngôn ngữ và thẩm mỹ của trẻ.

Bên cạnh giá trị hỗ trợ kỹ thuật, AI còn góp phần thúc đẩy tư duy sáng tạo của giáo viên, mở rộng khả năng cá nhân hóa học liệu, cho phép điều chỉnh nội dung phù hợp với từng nhóm trẻ hoặc từng mục tiêu học tập cụ thể. Điều này giúp hoạt động dạy học trở nên linh hoạt hơn, tạo ra các môi trường học tập đa giác quan, tăng cường tương tác và sự hứng thú của trẻ đối với bài học. Tuy nhiên, để ứng dụng AI đạt hiệu quả sư phạm, giáo viên cần có năng lực lựa chọn công cụ phù hợp, biết cách kiểm soát chất lượng đầu ra và chú trọng các yếu tố đạo đức, bản quyền và độ an toàn của nội dung. Việc sử dụng AI cần được đặt trong khuôn khổ của chương trình giáo dục mầm non, đảm bảo hài hòa giữa công nghệ và mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ.

Có thể thấy, AI là công cụ tiềm năng giúp đổi mới hoạt động thiết kế học liệu số cho trẻ mầm non nếu được khai thác đúng cách. Những giải pháp được đề xuất trong nghiên cứu này có thể trở thành nền tảng để giáo viên phát triển các mô hình học liệu sáng tạo hơn trong tương lai, góp phần xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, thân thiện và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ GD&ĐT (2022). *Chương trình Giáo dục Mầm non – hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực*.

[2]. UNESCO (2023). *Digital Learning Resources and Early Childhood Education: Opportunities and Challenges*.

[3]. Bộ GD&ĐT (2023). *Tài liệu bồi dưỡng ứng dụng công nghệ số trong giáo dục mầm non*.

[4]. OECD (2023). *AI in Education: Guidelines for Safe and Pedagogical Use*.

[5]. R. Ramesh, M. Pavlov, G. Goh, et al. “Hierarchical Text-Conditional Image Generation with CLIP Latents (DALL·E 2)”, OpenAI, 2022.

[6]. U. C. Ugwuoke & M. E. Ugwuoke. “Artificial Intelligence in Education: Opportunities and Challenges in Teaching and Learning”, *Journal of Education and Practice*, vol. 13, no. 8, 2022.

- [7]. H. Zen, R. Clark, Y. Jia, et al. “*Deep Learning-Based Text-to-Speech Synthesis: A Review*”, IEEE Journal of Selected Topics in Signal Processing, 2022.
- [8]. S. McLeod & L. Harrison. “*Children’s Listening and Engagement in Early Literacy Activities*”, Early Childhood Research Quarterly, 2020.
- [9]. Microsoft Azure AI. “*Neural Text-to-Speech (Neural TTS) Overview*”, Microsoft Documentation, 2023.
- 10]. Inknoe Pte. Ltd. “*ClassPoint User Guide: Interactive Teaching Tools for PowerPoint*”, 2023.
- [11]. N. O’Connor & E. Gainsburg. “*Multimodal Learning in Early Childhood: Enhancing Engagement Through Interactive Media*”, Early Childhood Education Journal, 2021.
- [12]. R. Fler & M. Bird. “*Digital Pedagogies for Young Children: Engagement, Interaction, and Learning Outcomes*”, Routledge, 2020.

TẢN VẤN

-----o0o-----

TRIỂN LÃM MỸ THUẬT LẦN THỨ 18

Chủ đề “Thu hoài niệm”

ThS. Phạm Minh Tùng

Khoa Nghệ thuật

Trường CDSP Trung ương

Thu hoài niệm chủ đề của Triển lãm mỹ thuật lần thứ 18 là hành trình đưa chúng ta trở lại với những miền ký ức, nơi cái đẹp của nghệ thuật hòa quyện cùng nhịp thở của cuộc sống. Triển lãm năm nay không chỉ là dấu ấn gần hai thập kỷ miệt mài sáng tạo của các họa sĩ, mà còn là nơi âm nhạc và hội họa hòa quyện, cùng nhau kể những câu chuyện của mùa thu.

Sự kết hợp giữa ngôn ngữ thị giác của hội họa và thanh âm của âm nhạc đã mang đến một không gian nghệ thuật đa tầng, nơi người xem không chỉ “nhìn” mà còn “nghe”, “cảm” và “chạm” vào những rung động đầy tinh tế. Đây chính là sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể Khoa Nghệ thuật – Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương trong hành trình mang nghệ thuật đến gần hơn với công chúng, khơi dậy nguồn cảm hứng và tình yêu cái đẹp trong mỗi người.

“Thu hoài niệm” vì thế không chỉ là một không gian nghệ thuật, mà còn là nơi để chúng ta cùng dừng lại, lắng nghe và cảm nhận để thấy nghệ thuật vẫn đang sống, đang chạm đến trái tim mỗi người.

Nhóm 17 họa sĩ đã mang đến cho người xem rất nhiều tác phẩm hội họa với đa dạng chất liệu như: sơn dầu, sơn mài, acrylic, lụa, màu bột và cả những kỹ thuật pha trộn sơn hiện đại... Mỗi tác phẩm đều chứa đựng một câu chuyện, một góc nhìn riêng về mùa thu và ký ức, thời gian và cảm xúc hoà quyện vào nhau trong sự dịu dàng, trầm lắng mà vẫn đầy chiều sâu. Sự đa dạng trong phong cách thể hiện đã tạo nên một bức tranh tổng thể phong phú, nơi người xem có thể bắt gặp cả nét cổ điển lẫn những hơi thở đương đại, từ sự tinh tế của những đường nét đến sự phá cách của các mảng màu trù tượng. “Thu hoài niệm” không chỉ gợi nhắc về những mùa thu đã qua, mà còn khơi mở những suy tư mới, giúp mỗi người tự tìm lại cho mình một khoảng lặng để kết nối với cảm xúc.

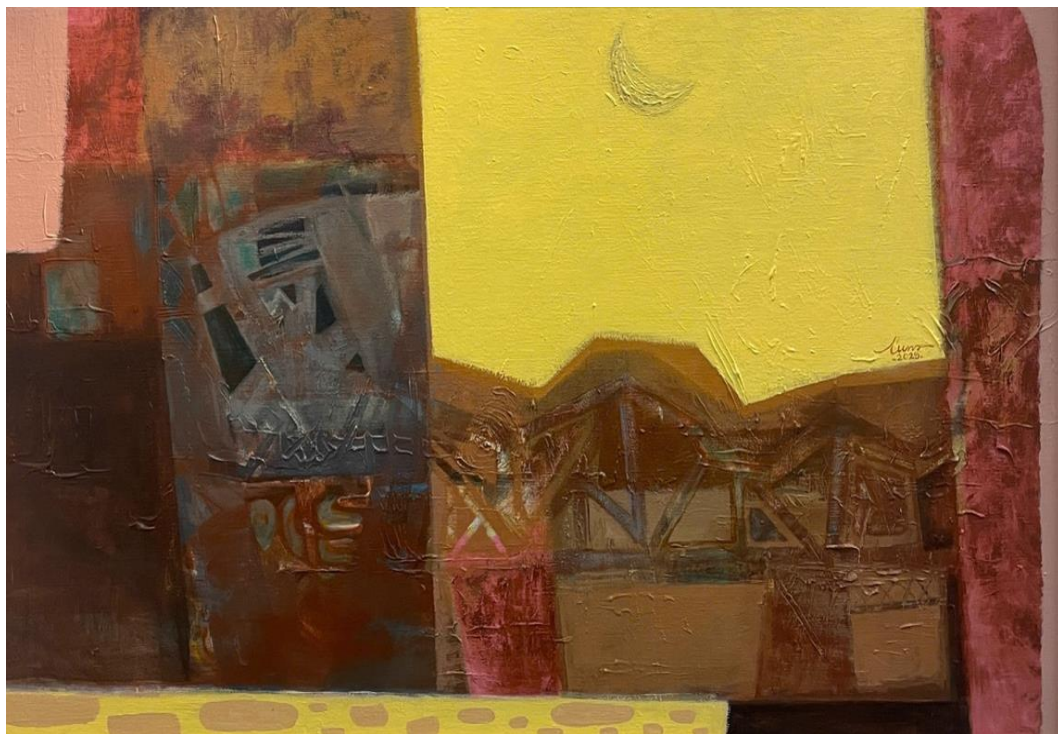
Bên cạnh sự đa dạng về chất liệu và phong cách, điểm nhấn của Triển lãm “Thu hoài niệm” còn nằm ở những câu chuyện tinh tế được gửi gắm qua từng tác phẩm. Mỗi bức tranh như một ô cửa mở ra thế giới riêng của người họa sĩ, nơi ký ức và cảm xúc được hoá thành hình và sắc. Tác phẩm “Thu hoài niệm” của họa sĩ Trần Đình Tuấn với sắc thái trữ tình, sâu lắng cùng gam màu vàng sắc thu, hơi sương bảng lảng và không khí thoáng chút buồn man mác gợi ra một mùa thu ở những làng quê Bắc Bộ xưa cũ, vừa xa, vừa gần. Bức tranh như lời nhắc nhẹ nhàng về sự trôi đi của ký ức, về những điều ta từng giữ trong lòng mà đôi khi đã lãng quên.



Tác phẩm “Thu hoài niệm” của họa sĩ Trần Đình Tuấn

Bên cạnh đó, loạt tranh tĩnh vật được thể hiện bằng sự tinh tế trong ánh sáng và bố cục, khiến những vật thể quen thuộc như: bình hoa, trái cây, tách trà, những chiếc cọ vẽ cũ đã trở nên sống động và giàu cảm xúc hơn bao giờ hết. Chúng như gói trọn sự bình yên của những khoảnh khắc rất đời thường. Sự tươi mới trong triển lãm năm nay có lẽ là mảng tranh chân dung của tác giả Vũ Tuấn Dũng với chất liệu bột màu được họa sĩ khai thác, khắc họa chính những người đồng nghiệp của mình, những gương mặt quen thuộc trong môi trường làm việc

hằng ngày, mỗi bức chân dung không chỉ ghi lại đường nét, ánh mắt hay nụ cười, mà còn phản ánh cá tính, tâm tư và tinh thần của từng đồng nghiệp. Sự gần gũi giữa họa sĩ và nhân vật khiến cho tranh không còn chỉ là hình ảnh, mà trở thành những lát cắt chân thật của đời sống sáng tạo.



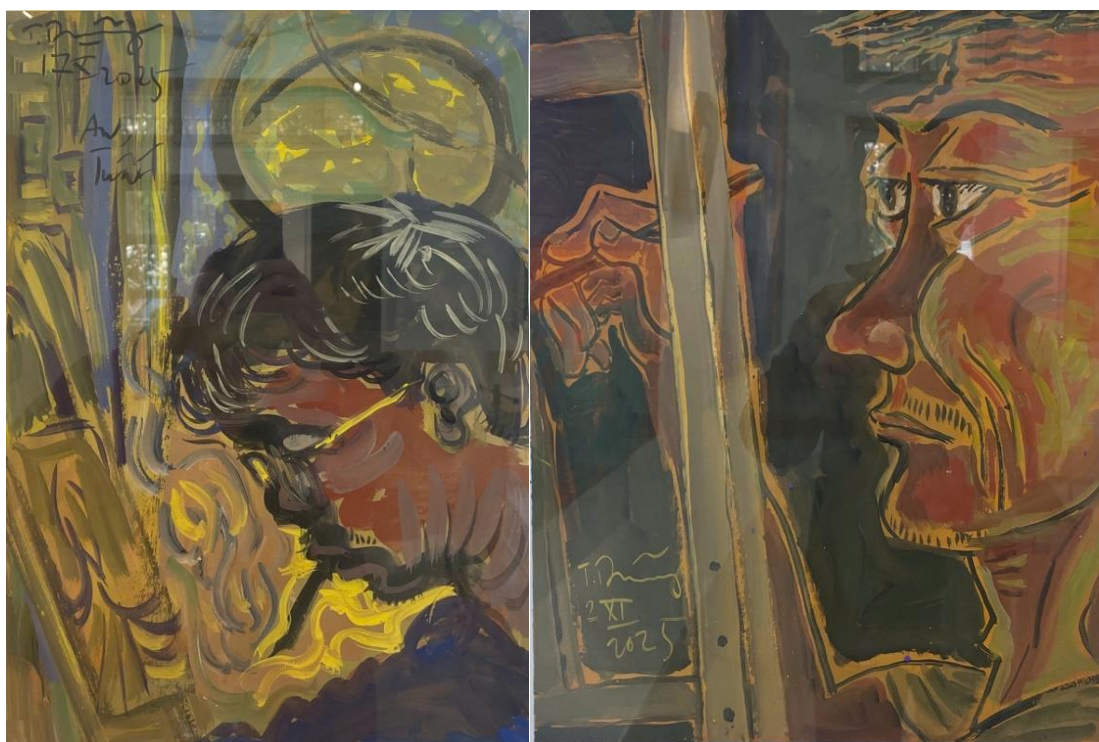
Tác phẩm “Phố mùa thu” của họa sĩ Phạm Minh Tùng



Tác phẩm “Tĩnh vật thứ hai” - “Tĩnh vật đầu tiên” của Nguyễn Quang Nhã



Tác phẩm “Tĩnh vật hoa” họa sĩ Hoàng Quang Ảnh



Tác phẩm “No2 & No8” của họa sĩ Vũ Tuấn Dũng



Tác phẩm “Ký ức vùng cao” của họa sĩ Trần Hoàng Tú

Trong loạt tranh về gia đình, người họa sĩ như dẫn lối người xem bước vào thế giới của tiềm thức, nơi mọi hình hài trở nên mềm mại, mọi đường biên như tan chảy trong ánh sáng mơ hồ của mùa thu. Những bức tranh này phảng phất sự huyền ảo, gợi trí tò mò và khơi dậy những cảm xúc đẹp đẽ. “Mùa thu trong xưởng vẽ” của tác giả Trần Quang Huy vẽ chân dung người vợ là điểm nhấn đầy cảm xúc, ánh mắt, nụ cười hiền dịu, gam màu trầm ấm và bố cục nhẹ nhàng cho thấy tình yêu, sự trân trọng và cái nhìn đầy trù mến của người nghệ sĩ. Đó không chỉ là một bức tranh, mà còn là một món quà tinh thần, nơi mùa thu được lưu giữ bằng đường nét và sắc màu.



Tác phẩm “Mùa thu trong xưởng vẽ” - của họa sĩ Trần Quang Huy



Tác phẩm “Đêm thu” của họa sĩ Trần Quang Huy

Ngoài những chủ đề bình dị, nhẹ nhàng trong không gian triển lãm lần này còn có những sáng tác trừu tượng để mở ra một chiều không gian khác. Ở đây người xem có thể tự do cảm nhận, tự diễn giải, và tự đi tìm cho mình một mạch nối cảm xúc. Các mảng màu chồng lớp, đường nét mạnh mẽ, những mảng hình chắc khỏe hay những lát cắt sắc cạnh trên bề mặt xù xì, gai góc của chất liệu và bố cục phá cách là hiện thân của những suy nghĩ không lời, những xúc cảm không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ với tác phẩm “Đêm trung thu” của họa sĩ Vương Bích Hiền.



Tác phẩm “Đêm trung thu” của hoạ sĩ Vương Bích Hiền



Tác phẩm “Vô thanh” của hoạ sĩ Chu Anh Sơn

Khép lại không gian triển lãm, người xem có được một hành trình trải nghiệm thị giác giàu cảm xúc, nơi mỗi bức tranh dù là phong cảnh, chân dung, tĩnh vật hay trừu tượng đều mang trong mình một câu chuyện riêng, một góc nhìn riêng của người nghệ sĩ. Sự đa dạng trong chất liệu, phong cách và cảm hứng sáng tác đã tạo nên một tổng thể hài hòa, phản ánh rõ nét nhiệt huyết, tâm

hồn và sự tận tụy của các họa sĩ đối với nghệ thuật. Triển lãm không chỉ là dịp để chiêm ngưỡng những tác phẩm mới, mà còn là cơ hội để kết nối, để cảm nhận và để trân trọng những giá trị thẩm mỹ giản dị nhưng sâu sắc mà nghệ thuật mang lại. Và chính những khoảnh khắc lắng đọng trong triển lãm “Thu hoài niệm” năm nay có âm nhạc. Sự kết hợp giữa hội họa và âm nhạc không chỉ mở rộng trải nghiệm thẩm mỹ, mà còn khơi gợi những rung động sâu lắng trong tâm hồn người xem và làm nổi bật giá trị của nghệ thuật liên ngành trong đời sống sáng tạo đương đại. Ở đó, màu sắc, đường nét và ánh sáng của hội họa như được nâng đỡ bởi nhịp điệu và âm vọng của âm nhạc, tạo nên sự cộng hưởng nhẹ nhàng mà sâu sắc...



Tác phẩm “Tình vật hoa” của họa sĩ Lê Thị Thu

Tác phẩm “Tình vật hoa” của họa sĩ Vương Cảnh Tuất

Hà Nội, tháng 11 năm 2025